

TẠP CHÍ

SỐ 409

VĂN HÓA

PHẬT GIÁO

ISSN 2734-9128

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH



Ý NGHĨA PHẬT ĐẢN
PL.2567 - DL.2023: ĐỨC
THẾ TÔN - BẠC ĐẠI HÙNG,
ĐẠI LỰC, ĐẠI TỪ BI



CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG
GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐƯƠNG ĐẠI





Vui thay, Phật ra đời!
Vui thay, Pháp được giảng!
Vui thay, Tăng hòa hợp!
Hòa hợp tu, vui thay!

(Kinh Pháp Cú 194)



PHÁT HÀNH VÀO ĐẦU THÁNG

Tổng Biên tập **HT. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT.TS. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ.TS. Thích Minh Ân**

Biên tập **Trương Ứng Minh**
Trần Hoài Vũ

Mỹ thuật & Thiết kế **Trần Ngọc Huỳnh**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38 484 335 - 0932 850 969
Email: toasoanhpg@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP. HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 304/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM

CHỦ ĐỀ: MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

- 6 THÔNG ĐIỆP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN PHẬT LỊCH 2567 CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GHPGVN (TLHT. Thích Trí Quảng)
- 8 DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN PL.2567 - DL.2023 CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HĐTS GHPGVN (HT.TS. Thích Thiện Nhơn)
- 10 Ý nghĩa Phật Đản - PL.2567 - DL.2023: Đức Thế Tôn-Bậc Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi (HT. Thích Bảo Nghiêm)
- 16 Giá trị tối thượng của sự kiện Đức Phật đản sinh (TT.TS. Thích Phước Đạt)
- 22 Sự ra đời của Đức Phật qua một số bản Kinh Nikāya (Tịnh Đạo)
- 28 Phật Đản sinh qua cái nhìn của Thiền tông (Minh Trang)
- 34 Thơ ca Vũ Hoàng Chương về Bồ tát Thích Quảng Đức (Võ Quốc Việt)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI

- 42 Bối cảnh ra đời và giá trị của Sas-Tra Slac Rit - “Sách Lá Buông” (HT.TS. Danh Lung)
- 50 Chuyển đổi số trong giáo dục Phật giáo đương đại (TT.TS. Thích Minh Nhẫn)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG

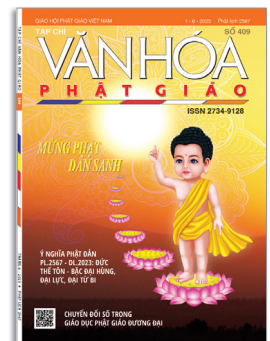
- 58 Phật giáo và văn hóa du lịch tâm linh tại tỉnh Khánh Hòa (ĐĐ. Thích Nguyên Thế)
- 64 Nhắc nhở lòng (SC. Thích Nữ Diệu Hoa)
- 68 Tín đồ Phật tử tham gia bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh-sạch-đẹp (TT. Thích Hạnh Chơn)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ

- 72 Sự liên hệ giữa nhận thức và đạo đức trong con người ngũ uẩn (Tỳ kheo Thích Đức Kiên)
- 82 Nghệ thuật phủ định trong Kinh Kim Cang (SC. Thích Nữ Liên Thuận)
- 88 Quan niệm sống đạo đức của Tổ sư trong thời kỳ hội nhập và phát triển (Đinh Thị Hồng)

GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CÁC TỰ VIỆN:

Chùa Thanh Lương, tỉnh Kiên Giang



Ý tưởng Bìa: Ngọc Huỳnh
Thiết kế: Phương Nam

HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



HỘI NGHỊ SINH HOẠT GIÁO HỘI NĂM 2023



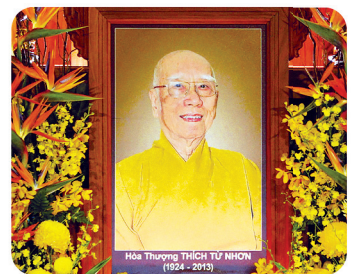
HỘI THẢO KHOA HỌC BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ KINH LÁ BUÔNG



HỘI NGHỊ ĐÁNH GIÁ TRIỂN KHAI KẾT LUẬN CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ HỖ TRỢ PHẬT GIÁO NAM TÔNG KHMER



TƯỞNG NIỆM HUY KÝ LẦN THỨ 10 TRƯỞNG LÃO HÒA THƯỢNG THÍCH TỪ NHƠN



VĂN PHÒNG TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI HỌP TRIỂN KHAI CÔNG TÁC PHẬT SỰ





LÃNH ĐẠO ĐẢNG, NHÀ NƯỚC, CÁC BAN NGÀNH TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG CHÚC MỪNG PHẬT ĐẢN PL.2567

KHÔNG KHÍ HÂN HOAN ĐÓN MỪNG PHẬT ĐẢN CỦA TẶNG NI, PHẬT TỬ TRÊN CẢ NƯỚC



THƯ TÒA SOẠN

Quý độc giả thân mến!

Trong Kinh Đại thừa Vô Lượng Thọ, phẩm thứ ba Đại giáo duyên khởi, Đức Phật dạy: *“Nhu Lai vì lòng đại bi vô tận thương xót ba cõi nên xuất hiện ở đời, tuyên dương giáo pháp là muốn cứu bạt quần sanh, đem lợi ích chân thật, khó gặp khó thấy, như hoa ưu đàm hiếm khi xuất hiện...”*.

Có thể nói, Đức Phật giáng sinh là sự kiện hy hữu, như hoa ưu đàm nghìn năm mới nở một lần. Vì vậy, Phật đản là ngày lễ trọng đại để tôn vinh Đức Phật, người đã xuất hiện trên thế gian vì lòng đại bi vô tận thương xót ba cõi và tuyên dương giáo pháp cứu độ quần sanh. Với sự hiện diện của Phật pháp, chúng ta có thể tu tập thoát khỏi kiếp sống đau khổ trầm luân.

Sự kiện giáng sinh của Đức Phật đã được tôn vinh và đón mừng bởi chư Thiên từ các cung trời cũng như người con Phật khắp thế giới. Lễ Phật đản là dịp đặc biệt quan trọng để muôn triệu Phật tử trên khắp thế giới tưởng nhớ, dâng lòng thành kính tri ân đến Ngài. Hãy cùng nhau tôn vinh và tưởng nhớ về sự kiện này và giác ngộ những bài học về lòng biết ơn, đồng cảm và tình yêu thương của Đức Phật.

Ngài đản sinh mang theo bản hoài là cứu độ chúng sinh, giúp cho tất cả các chúng sinh đang chìm đắm trong đau khổ được giải thoát. Nhân dịp lễ Phật đản (15/4 Âm lịch) năm nay, Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo trân trọng gửi đến quý độc giả số báo 409 với chủ đề “Mừng Phật đản sanh”, để mỗi người con Phật không chỉ ở Việt Nam mà trên toàn thế giới ôn lại cuộc đời của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni trên phương diện một con người lịch sử, cùng những lời dạy của Ngài hiện hữu trên thế gian trong bản thể Tăng đoàn. Từ đó, mỗi người tự tin nhận ra rằng những điều tốt đẹp nhất, giác ngộ và giải thoát, là điều mà ai cũng có thể đạt tới được.

Ban Biên tập Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo





MỪNG
PHẬT ĐẢN SANH

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG CHỨNG MINH

Hà Nội, ngày mừng Tám tháng Tư năm Quý Mão

THÔNGIỆP ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

Phật lịch 2567 CỦA ĐỨC PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Kính gửi: - Chư Tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa,
Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni;
- Quý Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và nước ngoài.

Mùa Phật đản Phật lịch 2567 trở về, người con Phật khắp năm châu lại được hân hoan đón mừng ngày Đấng Đạo sư thị hiện ở đời vì hạnh phúc, vì an lạc cho số đông, vì lợi ích cho chư Thiên và loài người. Đây là dịp cho tất cả chúng ta cùng ôn lại lịch sử của Đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, là cơ hội để mọi người chiêm nghiệm, sống theo lời dạy chân thực, có giá trị vượt thời gian của Ngài. Những lời dạy đó gợi ý các giải pháp xây dựng nền hòa bình thế giới, hạnh phúc thực sự cho con người và sự phát triển bền vững cho xã hội.

Mùa Phật đản năm nay, những người Phật tử Việt Nam chúng ta đồng thời thành kính kỷ niệm 60 năm ngày Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân (1963-2023). Chúng ta tự hào về một giai đoạn lịch sử hào hùng của dân tộc và trong đó có dấu ấn về hạnh nguyện cao cả của Bồ tát Thích Quảng Đức trên con đường phụng sự Đạo pháp và Dân tộc. Ngọn lửa từ bi cùng với trái tim bất diệt của Ngài có năng lực soi sáng và thức tỉnh lương tri của con người, hóa giải tất cả hận thù. Ngọn lửa đó đã chỉ cho mỗi người sống là phải biết vượt lên mọi chủ nghĩa cá nhân ích kỷ hẹp hòi và mọi ý niệm cực đoan. Ngài là biểu tượng sáng ngời của tinh thần bi, trí, dũng của bậc Bồ tát hiện thế và tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam.



Trong bối cảnh nhân loại vừa trải qua đại dịch COVID-19; và chiến tranh, xung đột còn diễn biến phức tạp đây đó trên thế giới; noi theo hạnh nguyện của Bồ tát Thích Quảng Đức, tất cả Tăng Ni, Phật tử chúng ta cùng nhau dẫn thân hơn nữa trên con đường thực hành Bồ tát hạnh như lời Đức Thế Tôn đã dạy trong Kinh *Tư Ích Phạm Thiên sở vấn*: “Bồ tát là người có thể chịu đựng khổ đau thay cho tất cả chúng sinh, vì hạnh phúc của tất cả chúng sinh mà hy sinh hạnh phúc của bản thân mình”. Tôi kêu gọi Tăng Ni, Phật tử các giới càng nên ra sức làm các thiện sự, tích cực góp phần xây dựng đất nước, kiến tạo hòa bình tự thân để kết nên một đài sen cúng dường Đức Thế Tôn trong mùa Phật đản năm nay.

Kính mừng Đại lễ Phật đản Phật lịch 2567, thay mặt Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tôi gửi lời tán thán công đức Chư tôn đức Tăng Ni các cấp Giáo hội, đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài đã làm tốt công việc phụng sự nhân sinh trong thời gian qua; mong tất cả đồng lòng, chung tay góp sức trong hạnh nguyện Bồ tát, tiếp tục con đường ấy, để trang nghiêm tự thân và phụng sự nhân sinh, tốt đời đẹp đạo.

Nguyện cầu: Chiến tranh chấm dứt, dịch bệnh tiêu trừ, khắp chốn an vui, mưa thuận gió hòa, muôn dân an lạc, đất nước Việt Nam hùng cường thịnh vượng.

Nam mô Hoan Hỷ Tạng Bồ tát Ma ha tát.

PHÁP CHỦ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM



Trưởng Lão Hòa Thượng Thích Trí Quảng

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

DIỄN VĂN PHẬT ĐẢN

PL.2567 - DL.2023

CỦA HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ
GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

HT. Thích Thiện Nhơn

Nam mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật!

Kính bạch Chư tôn túc Hòa thượng, Thượng tọa, Ni trưởng, Ni sư, Đại đức Tăng Ni!
Kính thưa Quý vị Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài!
Kính thưa quý liệt vị!

Hòa chung không khí hân hoan của cộng đồng Phật giáo trên toàn thế giới kính mừng Đại lễ Vesak năm 2023 – và mùa Phật đản Phật lịch 2567 tại Việt Nam, thay mặt Hội đồng Trị sự, Tôi gửi tới toàn thể Tăng Ni và đồng bào Phật tử Việt Nam ở trong nước và ở nước ngoài lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Kính chúc tất cả một mùa Phật đản an lành dưới ánh hào quang phổ độ chúng sinh của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni tôn kính.

Ngày hôm nay, nhân loại chúng ta đang sống trong một thế giới có nhiều biến động, thách thức khôn lường không thể dự báo. Nó được sinh ra từ căn nguyên của khủng hoảng lòng tham và mất niềm tin lẫn nhau đã gây ra biết bao khổ đau cho con người và đồng loại. Hơn lúc nào hết, những lời dạy vô giá về tình thương yêu, sự sẻ chia, lòng từ bi, tinh thần bất bạo động, con đường giải thoát khổ đau cho nhân loại chúng sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thực sự là kim chỉ nam đưa đến các giải pháp cho những vấn đề nan giải của con người.



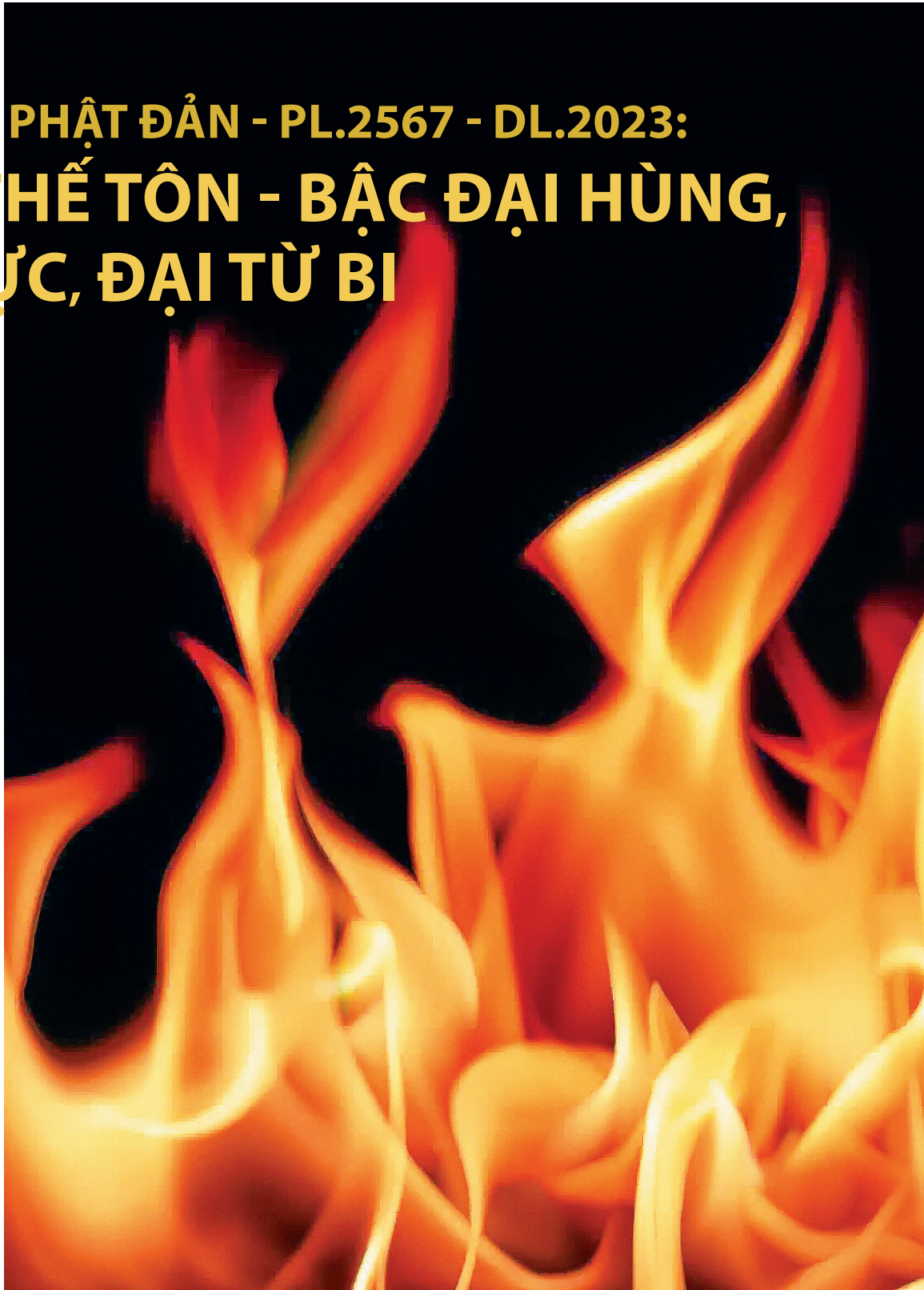
Kỷ niệm ngày đản sinh của Đức Phật, ngay lúc này đây chúng ta cùng nhau lắng đọng tâm tư, suy ngẫm và thực hành theo con đường tu tập mà Ngài chỉ dẫn trong *Kinh Phổ Hiền hạnh nguyện*: “*Xin nguyện cho chúng sinh thường được an vui, không bị các bệnh khổ, muốn làm việc ác thì không thành, làm việc thiện thì thành tựu nhanh chóng; đóng chặt tất cả các cánh cửa đi vào nẻo ác, mở bày con đường chân chính dẫn đến trời, người, và niết bàn. Nếu các chúng sinh vì chứa nhiều nghiệp ác nên phải chiêu cảm quả báo đau khổ nặng nề, Tôi đều xin chịu thay, khiến cho họ đều được giải thoát, cho đến lúc cuối cùng thành tựu đạo quả Bồ đề vô thượng*”. Đức Phật dạy chúng ta về đức hy sinh, cố gắng giúp đỡ người khác, tinh nguyện cùng chia sẻ với người khác trong hoàn cảnh khó khăn, biết chấp nhận những thiệt thòi, hy sinh bản thân mà vượt qua lòng tham, sự ích kỷ để trở nên con người cao thượng, đáng quý cùng nhau xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.

Kính thưa quý liệt vị!

Kính mừng ngày Đản sinh của Đức Từ Phụ, tôi mong muốn toàn thể Tăng Ni, Cư sĩ, Phật tử Việt Nam ở trong nước, cũng như ở nước ngoài hãy tinh tấn tu học, nỗ lực trong tu tập Giới – Định – Tuệ. Nêu cao pháp hành trì giới luật thực hiện phương châm: Kỷ cương – Trách nhiệm – Đoàn kết – Phát triển để trang nghiêm Giáo hội. Năm nay các cấp Giáo hội chúng ta phải thành tựu nhiều Phật sự để bày tỏ lòng tri ân và nguyện noi theo công hạnh, sự nghiệp lớn lao của các bậc Thiền sư, Quốc sư Phật giáo Việt Nam trong lịch sử. Đó là kỷ niệm 1005 năm ngày Quốc sư Vạn Hạnh viên tịch, 715 năm Đức vua - Phật hoàng Trần Nhân Tông nhập niết bàn và Đại lễ kỷ niệm 60 năm ngày Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc thống nhất đất nước. Đó chính là những di sản vô giá của Phật giáo Việt Nam được lịch sử khắc sâu ghi nhớ để lại muôn đời cho hậu thế. Tăng Ni Giáo hội Phật giáo Việt Nam phấn đấu, làm tốt sứ mạng hoằng dương chính pháp, đem giáo lý Phật đà thấm sâu vào đời sống nhân gian, đoàn kết hòa hợp thực hiện thành công các chương trình mục tiêu của Đại hội IX đã đề ra vì lợi ích của dân tộc và sự nghiệp phục vụ chúng sinh để có được cuộc sống an lạc, hạnh phúc. Nguyên luôn luôn sống tốt đời, đẹp đạo nhân mùa Đản sinh của Đức Từ phụ Thích Ca Mâu Ni.

Nam Mô Bản sư Thích Ca Mâu Ni Phật tác đại chứng minh!

Ý NGHĨA PHẬT ĐẢN - PL.2567 - DL.2023: ĐỨC THẾ TÔN - BẬC ĐẠI HÙNG, ĐẠI LỰC, ĐẠI TỪ BI



HT. Thích Bảo Nghiêm*

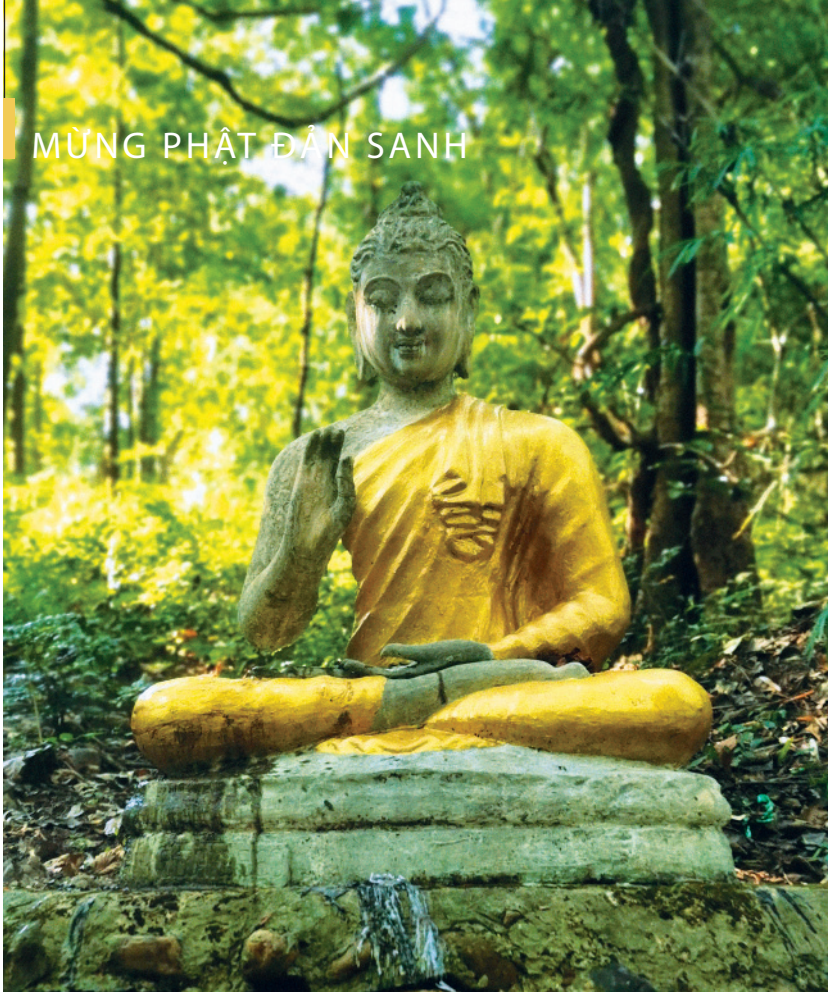


Đại lễ Phật đản PL. 2567 năm nay cũng là dịp tưởng niệm 60 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân. Ngọn lửa từ bi của Bồ tát đã bùng lên trong bối cảnh hòa bình chưa được thiết lập, núi sông còn bị phân chia. Ánh đuốc vị Pháp của Ngài đã khơi nguồn cho tinh thần hộ trì Chính pháp, yêu chuộng công lý, hòa bình và lý tưởng độc lập dân tộc, làm tiền đề cho công cuộc vệ quốc mùa xuân 1975; để rồi Nhân dân Việt Nam, tổ quốc Việt Nam được vỡ òa trong niềm vui toàn thắng, Bắc Nam nối liền một dải, quê hương đoàn tụ non sông. Phật giáo Việt Nam cũng từ đó mà được ngời lại với nhau trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp, thanh tịnh, xây dựng thành công ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Đại lễ Phật đản trở về với những người con Phật trên khắp năm châu cũng như quê hương Việt Nam, đã tiếp tục mở ra cơ hội để chúng ta chiêm nghiệm sự xuất hiện hy hữu của Đức Thế Tôn - bậc Thầy của Trời Người - đã bật đèn soi chiếu bóng tối vô minh, dựng lại những gì đã đổ vỡ, mang lại cho nhân loại ánh sáng của niềm tin, hy vọng và giải thoát; đồng thời, hướng đến nếp sống hạnh phúc và hòa bình, giữ gìn và phát triển các giá trị văn hóa, đạo đức, góp phần xây dựng xã hội bình an, thế giới vĩnh thịnh.

Từ lúc bánh xe Chính pháp được chuyển vận đầu tiên tại vườn Nai cho đến dấu tích vô thường giữa rừng Câu thi na tỉnh tịch, Đức Thế Tôn đã chỉ cho chúng sinh thấy được căn nguyên của đau khổ và con đường vượt thoát. Ngài luôn an trú trong Đại định, bằng tâm từ bi, quán chiếu mọi căn nguyên của ba độc; từ đó, tham, sân, si đều được chuyển hoá tận gốc rễ. “*Cao thượng thay, cái gọi là tham, sân, si ấy, gốc rễ của chiến tranh và bất an của thế gian, Như Lai đã đoạn trừ, đã chặt tận gốc rễ, khiến không thể sinh khởi trong tương lai*”.

Thế giới ngày nay, sự phát triển mất cân bằng giữa nếp sống tinh thần và vật chất; trí tuệ nhân tạo, trình độ tri thức, khoa học công nghệ, cùng với đời sống vật chất phát triển mạnh mẽ; thì các giá trị văn hóa, đạo đức xã



Dù xuất gia hay tại gia, người đệ tử Phật cần ý thức trách nhiệm về tinh thần xây dựng, củng cố Tăng đoàn - Giáo hội bằng chất liệu hòa hợp và thanh tịnh; hãy lên đường với ba phẩm chất cao quý, Đại Hùng – Đại Lực – Đại Từ Bi, để chuyển tải thông điệp hoà bình và an lạc mà Bạc Thầy của ba cõi, Đạo Sư của muôn loài đã trao truyền nhằm kiến tạo thế giới an lạc.

hội lại xuống cấp; niềm tin vào cuộc sống và hạnh phúc đích thực của kiếp người đang bị chao nghiêng. Ngay trong thời điểm này, con người đang phải đối mặt với vô vàn bất an, với sự hoành hành của dịch bệnh, thiên tai, chiến tranh, xung đột, đói nghèo. Cho nên, hơn bao giờ hết, giáo pháp Đức Thế Tôn, với phẩm chất Đại Hùng, Đại Lực và Đại Từ Bi được các sứ giả Như Lai vận dụng, chuyển tải vào đời, trong dòng chảy hội nhập quốc tế để gióng lên tiếng chuông Chính Pháp, thức tỉnh lương tri nhân loại, định hướng phát triển bền vững, thực hiện các Mục tiêu phát triển của Liên Hiệp Quốc, triển khai các Nghị quyết vì hoà bình và phát triển của các Tổ chức Phật giáo quốc tế, nhằm đưa nhân loại ra khỏi mọi tác động bởi tham lam, sân hận và si mê để xây dựng nếp sống hoà bình an lạc.

THỨ NHẤT LÀ TINH THẦN ĐẠI HÙNG

Đó là sức mạnh vĩ đại, sức mạnh phi thường của tinh thần vô ngã và sự chiến thắng tự thân. Thế gian kim cổ chỉ khuất phục người bằng uy quyền và vũ lực, chứ có mấy ai khuất phục nổi cái đức tính trong lòng của mình. Thái tử Tất Đạt Đa đã từ bỏ mái tóc xanh, gửi lại vương bào, chẳng ham châu báu, từ chối quyền uy, sống đời thoát tục với tám Ca sa và chiếc bình bát; trải qua sáu năm khổ hạnh, không tiếc thân mạng, chỉ mong chứng được Đạo vàng. Sự từ bỏ đó cũng nói lên nguyện lực vô biên mà Thế Tôn đã tự chiến thắng, tự

điều phục chính mình giúp tinh sạch nội tâm. Tất cả nội chương ngoại ma đều tan tành như mây khói trước sức mạnh đại định của Ngài. Trong thì Ngài dứt sạch hết ma nội tâm, dục vọng và tham sân si; ngoài thì Ngài chiến thắng tất cả ma vương, ma nữ, ác thú cũng như những trận cuồng phong. Quả thật “*chiến thắng vạn quân không bằng tự chiến thắng mình. Chiến thắng mình mới là chiến công oanh liệt nhất*”. Chiến thắng tham vọng dục tình nơi chính mình để đạt cho được sự thanh tịnh và an nhiên tự tại trước ngoại cảnh ấy mới chính là đại hùng.

THỨ HAI LÀ TINH THẦN ĐẠI LỰC

Đó là sức mạnh nội tâm, có nghị lực chịu đựng, có đức nhẫn nhục khắc phục mọi hoàn cảnh, cảm hóa chẳng những cho chính mình mà còn cảm hóa được tha nhân. Vào thời Đức Phật còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa và chàng Vô Nã đã bao phen tìm cách hại Ngài, thế mà Phật vẫn thản nhiên, chẳng buồn phiền mà còn phát tâm thương xót cảm hóa họ. Đức Thế Tôn đã gặp không biết bao nhiêu là chương duyên và nghịch cảnh, thế mà tất cả đều tiêu tan bất thành trước trí tuệ và định lực của Ngài. Chính Ngài đã nói rằng nhẫn nhục khiêm tốn không có nghĩa là khiếp nhược, mà trái lại chúng là đạo quân trung thành đưa ta đến thanh tịnh và rốt ráo. “*Kẻ ác có tâm hại người hiền chẳng khác gì rải cát trước mặt trong gió ngược, thế*



Từ lúc bánh xe Chính pháp được chuyển vận đầu tiên tại vườn Nai cho đến dấu tích vô thường giữa rừng Câu thi na tinh mịch, Đức Thế tôn đã chỉ cho chúng sinh thấy được căn nguyên của đau khổ và con đường vượt thoát. Ngài luôn an trú trong Đại định, bằng tâm từ bi, quán chiếu mọi căn nguyên của ba độc; từ đó, tham, sân, si đều được chuyển hoá tận gốc rễ.

nào rồi cát cũng sẽ bay tạt vào mặt mình”. Hoặc, “kẻ ác hại người hiền cũng giống như mình cầm đuốc mà đi gió ngược vậy, lửa sẽ tự cháy tay mình trước”. Như thế cho thấy ai có nghị lực sẽ thân nhiên trước những chửi mắng thiếu đạo đức của người khác, sẽ bình tâm trước những thị phi đổ kị.

THỨ BA LÀ TINH THẦN ĐẠI TỪ BI

Con người luôn mong sống trong hòa bình nhưng tâm tính thì bất hòa; mong đạt được nhiều thành công nhưng cuộc sống lại làm nhiều việc xấu; mong luôn được yêu thương nhưng lòng lại chắt chứa hận thù, ôm lòng hiểm độc. Do vậy, Đại từ bi là tình thương bao la rộng lớn với tâm bình đẳng vô phân biệt đến với mọi người, mọi loài, là lòng vị tha vô bờ bến. Lòng từ bi của Đức Phật như ánh trăng rằm rải khắp vạn vật, bình đẳng, không phân biệt, không điều kiện. Ngài lúc nào cũng thương chúng sinh hơn tự thương mình khi chính Ngài đã nói: “*Nếu ta không vào địa ngục thay thế và cứu chúng sinh thì ai thay ta vào*”. Còn ngài Địa Tạng Vương Bồ tát đã phát nguyện: “*Địa ngục chưa trống không, ta sẽ không thành Phật*”. Hoặc lời phát nguyện của Tôn Giả A Nan: “*Trong đời ngũ trước, tôi*

nguyên vào trước. Nếu còn chúng sinh nào chưa thành Phật, tôi không nhận lấy quả vị Niết bàn”.

Tóm lại với Đại Hùng, Đại Lực và Đại Từ Bi, Đức Phật chẳng những tự mình giải thoát mà Ngài còn để lại cho nhân loại và chúng sinh một triết lý và tôn giáo vĩ đại. Bất cứ ai, nếu có đủ ba phẩm chất ấy thì nội tâm sẽ thanh tịnh và tự tại trước chướng duyên, nghịch cảnh.

Đại lễ Phật đản PL. 2567 năm nay cũng là dịp tưởng niệm 60 năm Bồ tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân. Ngọn lửa từ bi của Bồ tát đã bùng lên trong bối cảnh hòa bình chưa được thiết lập, núi sông còn bị phân chia. Ánh đuốc vị Pháp của Ngài đã khơi nguồn cho tinh thần hộ trì Chính pháp, yêu chuộng công lý, hòa bình và lý tưởng độc lập dân tộc, làm tiền đề cho công cuộc vệ quốc mùa xuân 1975; để rồi Nhân dân Việt Nam, tổ quốc Việt Nam được vỡ òa trong niềm vui toàn thắng, Bắc Nam nối liền một dải, quê hương đoàn tụ non sông. Phật giáo Việt Nam cũng từ đó mà được ngồi lại với nhau trong tinh thần đoàn kết, hòa hợp, thanh tịnh, xây dựng thành công ngôi nhà chung Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

Bài học về Bồ tát Quảng Đức vẫn mãi là nét son trong trang sử sáng ngời của Đạo pháp và Dân tộc. Tinh thần vì Đạo quên mình, yêu chuộng hòa bình, công lý và tự tôn dân tộc vẫn còn giữ nguyên giá trị trong ánh sáng Quý Mão năm nào để người con Phật Việt Nam chúng ta tự hào noi theo hạnh đức của Ngài với ba phẩm chất Đại Hùng, Đại Lực, Đại Từ Bi mà Ngài đã từng vận dụng.

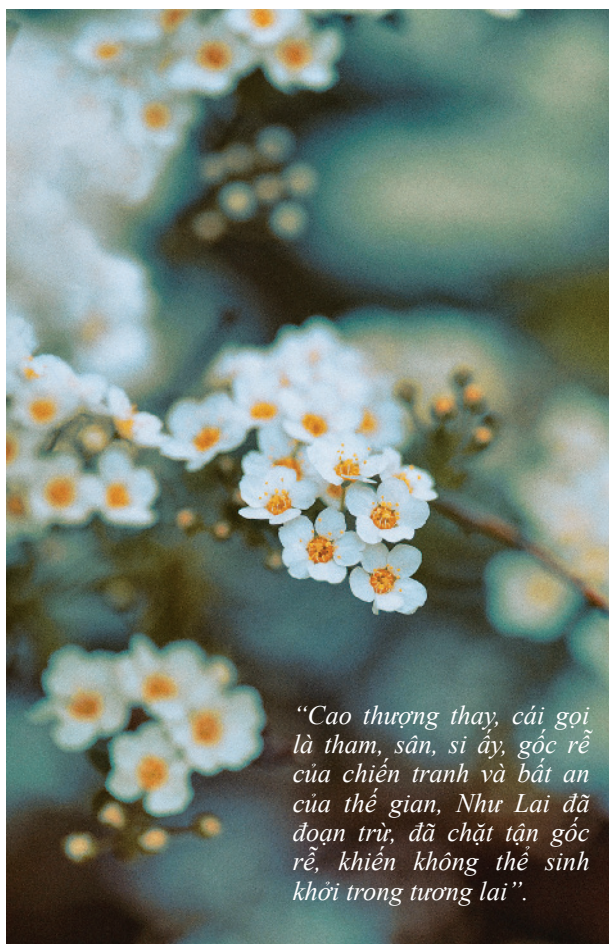
Với niềm tin bất hoại đối với Tam bảo, hộ trì Chính pháp mãi mãi trường tồn nơi thế gian, Bồ tát Thích Quảng Đức đã thể hiện sức mạnh của sự từ bỏ bằng hạnh nguyện Ba la mật - Từ bỏ thân năm uẩn để thể chứng năm phần pháp thân. Thế gian xung đột dẫn đến khổ đau vì chấp chặt vào bản ngã, chấp chặt vào tư tưởng, vào sự thấy biết sai lầm về một thế giới trường tồn; còn Bồ tát nhận thức được vạn pháp duyên sinh, sống với tinh thần vô ngã cho Chính pháp cửu trụ, cho công bằng được tuyên dương nên Ngài đã lấy đại thể đặt lên trên cá nhân, nguyện hiến thân để xương mình Đạo pháp. Ngài đã lấy thân mình làm ngọn đuốc soi

sáng nẻo vô minh. Nhờ vậy mà Bồ tát có được tâm an nhiên trước lẽ sinh tử, thân tĩnh tọa ngồi trong lửa dữ. Cho đến khi bốn đại chỉ còn lại nắm tro tàn nhưng màu nhiệm thay trái tim vẫn còn nguyên vẹn khiến thế giới vô cùng ngạc nhiên trước chí nguyện vĩ đại của Ngài. Ai có thể làm được điều này nếu đạo lực chưa đủ lớn mạnh. Cho nên, Ngài dũng mãnh phát tâm: “Đệ tử hôm nay nguyện đốt mình, làm đèn soi sáng nẻo vô minh”. Nhờ chí nguyện như vậy nên ngọn lửa kia mới rực sáng năm châu, trái tim kia mới trở thành bất diệt.

Mùa Phật đản năm nay, Phật lịch 2567 - 2023, cũng là năm đầu tiên của nhiệm kỳ IX Giáo hội Phật giáo Việt Nam, các Ban, Viện trực thuộc Hội đồng Trị sự đã xúc tiến việc cơ cấu nhân sự, kiện toàn quy chế hoạt động và định hướng cho chương trình hành động từng lĩnh vực chuyên môn. Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục hạnh nguyện nhập thế, lấy việc phục vụ chúng sinh, ích đạo lợi đời làm phương hướng tu hành; thực hiện sứ mệnh tiếp nối đạo mạch Phật pháp, truyền bá ánh sáng chân lý, củng cố đạo lực ngôi Tăng bảo, góp phần xây dựng Giáo hội trang nghiêm vững mạnh, làm nơi nương tựa cho hải chúng mười phương; khẳng định giá trị ưu việt của tôn giáo hòa bình, xứng đáng với sự tin yêu, gửi gắm của Tăng Ni, Phật tử nói riêng và Nhân dân nói chung. Giáo hội Phật giáo Việt Nam tiếp tục là cầu nối quan trọng giữa Phật tử kiều bào, các Hội Phật tử Việt Nam ở nước ngoài hướng về chung tay cùng ngôi nhà chung Phật giáo Việt Nam, góp phần xây dựng, bảo vệ đất nước ngày càng phồn vinh.

Do đó, trong giây phút này, chúng ta hướng tâm về Thánh tượng tôn nghiêm của Đức Từ Phụ, nguyện dâng lên Ngài phẩm vật cúng dàng thiết thực và cao quý nhất chính là chí nguyện phát tâm phụng sự, dẫn thân mang giáo Pháp vi diệu của Thế Tôn vào đời để Phật hoá thế gian. Dù xuất gia hay tại gia, người đệ tử Phật cần ý thức trách nhiệm về tinh thần xây dựng, củng cố Tăng đoàn - Giáo hội bằng chất liệu hòa hợp và thanh tịnh; hãy lên đường với ba phẩm chất cao quý, Đại Hùng - Đại Lực - Đại Từ Bi, để chuyển tải thông điệp hoà bình và an lạc mà Bậc Thầy của ba cõi, Đạo Sư của muôn loài đã trao truyền nhằm kiến tạo thế giới an lạc. Mỗi người một niệm lành, tâm tâm đồng cảm sẽ kiến tạo Phật địa ngay nơi cuộc sống này./.

* Hòa thượng Thích Bảo Nghiêm - Phó Chủ tịch Hội đồng Trị sự, Trưởng ban Hoàng pháp Trung ương GHPGVN.



“Cao thượng thay, cái gọi là tham, sân, si ấy, gốc rễ của chiến tranh và bất an của thế gian, Như Lai đã đoạn trừ, đã chặt tận gốc rễ, khiến không thể sinh khởi trong tương lai”.



HOẢNG PHÁP
Online

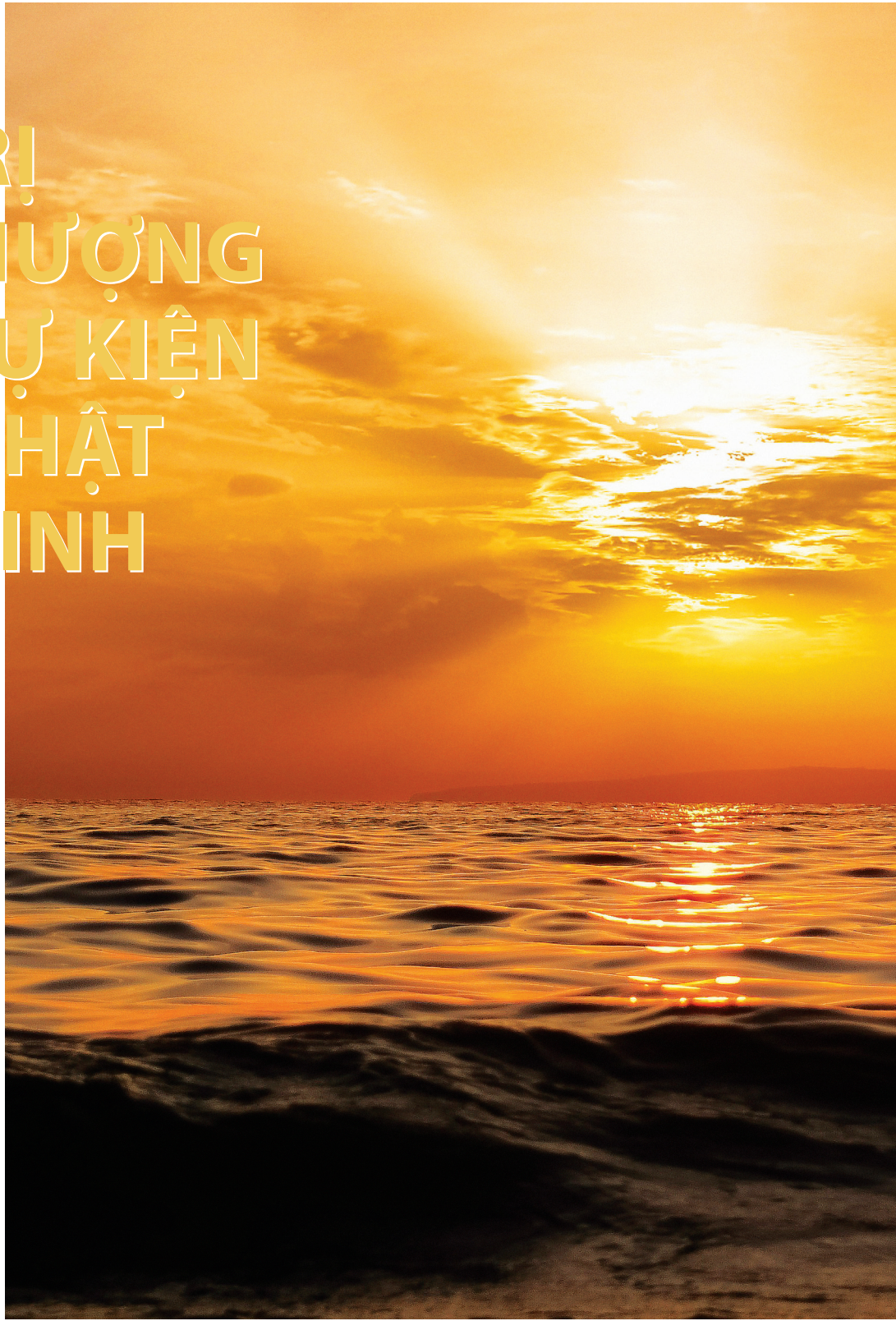
Kênh Youtube chính thức của Hoằng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoằng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp



GIÁ TRỊ TỐI THƯỢNG CỦA SỰ KIỆN ĐỨC PHẬT ĐẢN SINH



TT. Thích Phước Đạt*



Bởi lẽ giữa thiện và ác là ranh giới rất xa mà con người cần phân biệt rõ ràng như khoảng cách giữa bờ biển bên này với bên kia: “Thật là xa, thật xa, khoảng cách giữa nơi mặt trời lặn và nơi mặt trời mọc. Nhưng còn cách xa, cách xa hơn nữa là pháp của người thiện và pháp của kẻ ác”.

*“Vui thay Đức Phật dẫn sanh
Vui thay giáo pháp cao minh
Vui thay chúng Tăng hòa hợp”.*

Đây chính là thông điệp về ý nghĩa Đức Phật dẫn sinh mà bài *Kinh Pháp Cú* ghi lại cho nhân loại, để trả lời cho câu hỏi tại sao Đức Phật Thích Ca Mâu Ni thị hiện giữa cuộc đời. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, con người phải đối diện những vấn đề nan giải của cuộc sống vốn thường xuyên thay đổi, đôi khi dẫn đến lầm tưởng và hệ lụy, không phân biệt đâu là giá trị thật. Vậy làm thế nào để nhận ra đâu là giá trị thực của cuộc sống và hướng đến một đời sống hạnh phúc, an lạc thật sự.

Sự dẫn sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã minh chứng Ngài là con người hiện thực, tự tu, tự ngộ, tự chứng và tự mình tuyên dương chánh pháp. Chính Thế Tôn đã để lại cho nhân loại cả di sản Phật pháp quý giá, cung cấp những chân giá trị để hướng dẫn con người có một cuộc sống tốt đẹp và hiền thiện cho chính mình. Thế nên, bất cứ ai hướng tâm theo

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

Sự đản sinh của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã minh chứng Ngài là con người hiện thực, tự tu, tự ngộ, tự chứng và tự mình tuyên dương chánh pháp. Chính Thế Tôn đã để lại cho nhân loại cả di sản Phật pháp quý giá, cung cấp những chân giá trị để hướng dẫn con người có một cuộc sống tốt đẹp và hiền thiện cho chính mình.



Phật đều có nhiều cơ duyên để suy ngẫm về những chân giá trị đó, thể hiện chúng trong cuộc sống hàng ngày. Càng thể nghiệm, chúng ta càng nhận ra các giá trị đích thực từ cuộc sống đem lại trong chính nội tâm mỗi người.

Thế nên, mỗi năm đến ngày lễ Phật đản, không chỉ những người con Phật ôn lại lịch sử của Đức Bổn Sư để chiêm nghiệm và hành trì mà những ai có nội tâm hướng thiện, sống đúng giá trị đích thực làm người cũng đều quy hướng về Ngài. Nhân loại quy hướng về đức Thế Tôn, bởi lại sự đản sinh của Ngài là cuộc hành trình minh chứng cho sự sống là bất diệt, con người cần tôn trọng sự sống trong sự bình đẳng tuyệt đối. Đây chính là giá trị tối thượng mang tính nhân văn cao cả nhất để làm nên cuộc sống mẫu nhiệm vô cùng. Chính vì vậy, con người có nhu cầu được sống hạnh phúc và trường thọ, thăng tiến trí tuệ và thọ hưởng thành quả đã tạo dựng nên.

Thế nên, các cá nhân hiện hữu, cần nỗ lực sống, không nên sợ hãi, lo âu khi cái chết đến gần hay đột

nhien qua đời do sự cố. Đức Phật thị hiện dạy chúng ta sự sống là bất diệt và sống chết chỉ là những tiến trình lặp đi lặp lại của một chuỗi luân hồi vô tận. Sinh ra, già đi rồi chết, rồi lại tái sinh... vòng sinh tử luân hồi đó kéo dài mãi đến khi con người giác ngộ và giải thoát. Vấn đề sinh tử thật sự chỉ như bóng mây thoáng qua trên bầu trời, là đợt sóng nhấp nhô trên biển cả. Chết không phải là sự yên nghỉ cuối cùng mà là chuẩn bị cho một cuộc sống mới. Vì vậy, bất cứ ai hiện hữu trên đời này đều nên có thái độ tỉnh thức về sự sống và khi phải đối diện với cái chết. Chết không phải mất hay hết tất cả. Chết là tiến trình chuẩn bị thiết lập một đời sống mới, trong một cõi sống mới, một thân phận mới.

Do đó, người hiểu đạo không nên quan tâm, lo âu đến sự sống - chết mà chỉ cần quan tâm làm sao cho mỗi lần sống, mỗi cuộc đời phải là một bước tiến dài trên con đường tiến bộ tâm linh, hướng tới giác ngộ và giải thoát. Kinh dạy: “*Hữu sinh hữu tử hữu luân hồi, Vô sinh vô tử vô khứ lai*” là nghĩa vậy. Và như thế, cuộc sống mới, cõi sống mới và thân



Thế nên, khi chúng ta bước đầu thực thi đời sống hướng nội, trong khi thực tập hành thiền, theo dõi hơi thở, cần nhớ nghĩ về tâm vô lượng với những lời lẽ đầy cảm hứng như sau: “Mong sao tâm tôi mãi mãi, Trong vắt như ngọc pha lê. Quang đăng như bầu trời không mây, Thanh tịnh như hư không không bụi. Rộng lớn mệnh mang như biển cả không bờ, Vững vàng không chuyển như núi đá bất động...”

phận mới tốt đẹp hay xấu hơn so với hiện nay hoàn toàn tùy thuộc vào những gì con người suy nghĩ, nói năng và làm ở hiện tại, ngay tại cuộc sống này. Hành động của con người (bao gồm cả suy nghĩ và lời nói) càng có ý thức, thì tác động của nó càng mạnh đối với tương lai gần cũng như xa. Hành động đó nếu kèm theo tâm vô lượng từ bi hỷ xả, tác động của nó trong phạm vi không gian và thời gian cũng sẽ vô lượng.

Thế nên, khi chúng ta bước đầu thực thi đời sống hướng nội, trong khi thực tập hành thiền, theo dõi hơi thở, cần nhớ nghĩ về tâm vô lượng với những lời lẽ đầy cảm hứng như sau: “Mong sao tâm tôi mãi mãi, Trong vắt như ngọc pha lê. Quang đăng như bầu trời không mây, Thanh tịnh như hư không không bụi. Rộng lớn mệnh mang như biển cả không bờ, Vững vàng không chuyển như núi đá bất động...” (Kinh Từ Bi).

Trong ý niệm đó, chúng ta cầu mong hằng ngày, ta nghĩ gì, nói gì và làm gì từ việc nhỏ đến lớn đều

không tách rời tâm vô lượng, trong đời này và các đời sau nữa, trên con đường dài của tiến bộ tâm linh. Mỗi lần nghĩ tới tâm vô lượng như vậy, chúng ta cảm thấy lòng mình trong sáng, thanh thản và bình lặng hơn. Với tâm như vậy, mọi lo âu và bức xúc về sống chết sẽ được giải tỏa. Thay vào đó là thái độ sống an nhiên tự tại, dành toàn bộ thời gian để tự hoàn thiện bản thân, tích cực đóng góp cho gia đình và xã hội.

Giá trị tối thượng thứ hai của sự kiện Đức Phật đản sinh ở đời là chỉ dạy cho nhân loại biết tỉnh thức và duy trì chánh niệm. Nhân loại đang sống trong thế kỷ XXI với những thành tựu khoa học công nghệ, một mặt có nhu cầu thụ hưởng vật chất, các phương tiện phục vụ đời sống tiện nghi; một mặt có thái độ sống muốn chiếm hữu, sở hữu của cải, khẳng định cái gọi là ta, của ta và tự ngã của ta. Con người đối diện sự tham lam, suy thoái đạo đức bắt nguồn từ lòng ham muốn, vị kỷ. Chính vì vậy, Đạo Phật khuyên ta phải thường xuyên chánh niệm tỉnh giác từ trong ý nghĩ, cho đến hành vi biểu hiện, ứng xử

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH


trong cuộc sống. Một người khi các giác quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý tiếp xúc với ngoại cảnh, như sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp thì có thể nảy sinh ra những cảm thọ hỷ lạc, ưa thích với mức độ khác nhau. Đức Phật gọi đó là vị ngọt của các dục và Ngài cũng phân tích sự nguy hiểm của các dục để từ bỏ tham dục: *“Do lấy dục làm nhân, lấy dục làm duyên mà một người phải trải qua bao nhiêu gian khổ để có được tài sản, phải chống đỡ lạnh, chống đỡ nóng, phải chịu đựng sự xúc chạm của ruồi,*

muỗi, gió, sức nóng mặt trời, các loài bò sát, bị chết đói, chết khát bằng chánh niệm” (Trung Bộ Kinh).

Chánh niệm là ý nghĩ chân chánh, không nghĩ xấu, nghĩ ác, nghĩ bậy, có hại cho mình và người khác. Tỉnh giác là tỉnh táo, theo dõi mọi ý nghĩ, mọi niệm, đảm bảo mọi ý nghĩ, mọi niệm trong tâm chúng ta đều chân chánh, không để bất cứ niệm ác nào xen vào niệm thiện. Bởi lẽ giữa thiện và ác là ranh giới rất xa mà con người cần phân biệt rõ ràng như khoảng cách giữa bờ biển bên này với bên kia: *“Thật là xa, thật xa, khoảng cách giữa nơi mặt trời lặn và nơi mặt trời mọc. Nhưng còn cách xa, cách xa hơn nữa là pháp của người thiện và pháp của kẻ ác”*.

Cho nên, chúng ta cần thường xuyên tỉnh táo đề phòng khi mắt thấy sắc, tai nghe mùi hương, lưỡi liếm vị... Nói chung, khi sáu giác quan tiếp xúc với sáu trần, nếu có ác niệm nào khởi lên, lập tức phải tìm ra nguyên nhân để đoạn trừ, không cho tâm tham, tâm sân, tâm si khởi lên. Thế nên, Phật dạy: *“Với tâm không bị khuấy đục, biết được lợi ích của người hay biết được lợi ích cả hai, sẽ chứng ngộ các pháp thượng nhân, tri kiến thù thánh, xứng đáng các bậc Thánh”* (Kinh Tăng Chi I). Rõ ràng, tỉnh giác là chìa khóa vàng của lối sống có hiệu năng, tích cực. Đồng thời, cho ta ý thức trách nhiệm về thái độ, hành vi ứng xử với đời trong các mối quan hệ hữu cơ của con người và cuộc sống. Nó giúp ta nhận ra giá trị bản chất của đời sống với tâm trong sáng, nhu nhuyễn, khởi đầu bằng sự chánh niệm tỉnh giác. Từ đây, tự thân mỗi người sẽ có đời sống hiện thiện, xa rời đời sống bất thiện.

Các bản kinh, Đức Phật phân biệt thiện ác theo ba loại: Thứ nhất là thiện ở hành động của thân, tức không sát sinh mà còn phóng sinh, trân trọng sự sống của muôn loài; không lấy của không cho mà còn bố thí, giúp người khác bằng của cải vật chất (tài thí), bằng đạo lý (pháp thí), lấy sức mạnh che chở kẻ yếu (vô úy thí), hay bằng cách chia sẻ niềm vui với người khác (tùy hỷ thí); không tà dâm, tà hạnh mà sống thủy chung trong đạo lý tình yêu, tình nghĩa. Thứ hai là thiện ở lời nói. Cụ thể là nói lời chân thật, không nói dối; nói lời dễ nghe, không nói lời thô ác; nói lời đoàn kết, không nói lời chia rẽ; nói lời hữu ích, có lợi, không nói lời vô nghĩa. Thứ ba là thiện trong ý nghĩ. Cụ thể là không tham lam, không giận dữ, không si mê. Kinh Phật thường gọi



Yên lặng là nội tâm ta trở nên bình lặng, không còn gì bức xúc và mặc cảm, tự ti nữa. Mọi niệm đều dứt, trong tâm hoàn toàn trống vắng, không có ý niệm nào cả.

là không tham - sân - si. Ba điều thiện này là ba điều thiện gốc, căn bản, từ đó khởi sinh mọi lời nói thiện và việc làm thiện, nền tảng của nếp sống đạo đức hiền thiện.

Giá trị tối thượng thứ ba của sự kiện Đức Phật đản sinh là chỉ đường cho nhân loại thực hành nếp sống tu tập nội tâm, biện tâm làm cho tâm trong sáng hiển bày. Khi tâm được điều phục, được hộ trì, được phòng hộ, được bảo vệ, được đặt đúng hướng, thì nhất định ai cũng được an trú trong sự bình an nội tại. Tự thân bước ra khỏi vòng tâm lý đấu tranh, cạnh tranh, khẩu tranh hơn thua, đại khôn... trong đời sống thường nhật. Trong cuộc sống sinh tồn đầy biến động, nhờ thường xuyên tu tập tâm mà mọi người lắng nghe được tiếng nói chân thật của con người thật, của cái “ta” thật, vốn là bản chất đích thực của con người. Tiếng nói đó ngày càng rõ, nhờ sự tỉnh giác của chúng ta ngày càng có chiều sâu, nhờ dần dần dẹp yên được tiếng gào thét dục vọng của cái “ta” giả, con người giả, trước đây vốn từng thao túng và chi phối mình. Tiếng nói của nội tâm là sự yên lặng, một sự yên lặng giúp tâm thấy tất cả, biết tất cả. Thiền sư Suzuki từng nói: *“Khi bạn tự chiêm nghiệm mình, bạn sẽ thấy tất cả”*.

Rõ ràng, yên lặng ở đây không có nghĩa là không có tiếng ồn. Yên lặng là nội tâm ta trở nên bình lặng, không còn gì bức xúc và mặc cảm, tự ti nữa. Mọi niệm đều dứt, trong tâm hoàn toàn trống vắng, không có ý niệm nào cả. Vì còn có niệm là còn ức chế, bức xúc, khiến chúng ta hao phí năng lượng vô ích. Trái lại, với nội tâm hoàn toàn yên lặng, chúng ta sẽ cảm nhận một trạng thái thư thái và hỷ lạc tuyệt vời. Lúc bấy giờ, năng lượng vận động tự do trong toàn thân, đem lại sức mạnh và một sức sống mới. Trần Thái Tông là vị vua từng ngồi một mình lắng nghe tiếng nói nội tâm mà quyết định trở thành thành thiền sư, đặt nền tảng tư tưởng cho Thiền phái Trúc Lâm ra đời được diễn trình trong *Khóa hư lục*: *“Tâm tịch nhi tri, thị danh chân Phật”* (Lòng lặng mà biết, đó là Phật thật). Hóa ra, tiếng nói nội tâm chính là tiếng nói Phật tâm, xuất phát từ cõi lòng mình.

Còn thiền sư Kiền Trí Huyền mô tả tiếng nói nội tâm thật huyền bí, kỳ diệu và cụ thể cho mọi người: *“Ngọc lý bí thanh diễn diệu âm, Cá trung mãn mục thị thiên tâm, Hà sa cảnh thị Bồ đề cảnh, Nghệ hướng Bồ đề cách vạn tâm”* (Trong viên ngọc phát

ra âm thanh huyền bí, kỳ diệu, Ở đó, khắp nơi là tâm thiên, Tất cả cảnh giới đều là cảnh giới giác ngộ (Bồ đề), Ấy thế mà lại đi tìm Bồ đề cách xa hàng vạn dặm). Ngọc ở đây là nội tâm, âm thanh kỳ diệu, huyền bí đó ở đây là sự im lặng. Thiên tâm là tâm giác ngộ. Cảnh Bồ đề là cảnh giác ngộ. Giác ngộ và giải thoát đều ở trong thế giới thực tại này cả, đâu cần đi tìm cách xa hàng vạn dặm?

Con người hiện đại dường như không có thời gian lắng nghe tiếng nói nội tâm và suy nghiệm về đời sống của chính mình. Xung quanh ta, thật sự có quá nhiều tiếng nói, âm thanh, ngôn ngữ khác nhau buộc con người phải nghe, để giải trình cho quan điểm của mình về một đời sống đầy biến động và thay đổi qua tư duy khái niệm hữu ngã. Thật ra, ngôn ngữ và tư duy khái niệm được xem như là công cụ để trao đổi, nhưng vướng mắc, chấp nhận chúng thì đó chính là hàng rào ngăn cách không cho chúng ta thực nghiệm nội tâm theo chiều sâu.

Chính sự an trú vào tâm tĩnh lặng trong một thế giới bình an nội tại, sẽ khiến chúng ta có cái nhìn chánh kiến, thiết thực hiện tại: *“Thở vào tâm tĩnh lặng, Thở ra miêng nở cười. An trú trong hiện tại, Giấy phút thật tuyệt vời”* (Thích Nhất Hạnh). Phật tử hiểu đạo phải thường xuyên lắng nghe sự im lặng của nội tâm, âm thanh huyền bí và kỳ diệu của sự im lặng đó. Đây chính là giá trị đích thực của cuộc sống khi chúng ta thực thi lắng nghe tiếng nói đích thực của lòng mình trong sự tìm cầu hạnh phúc an lạc.

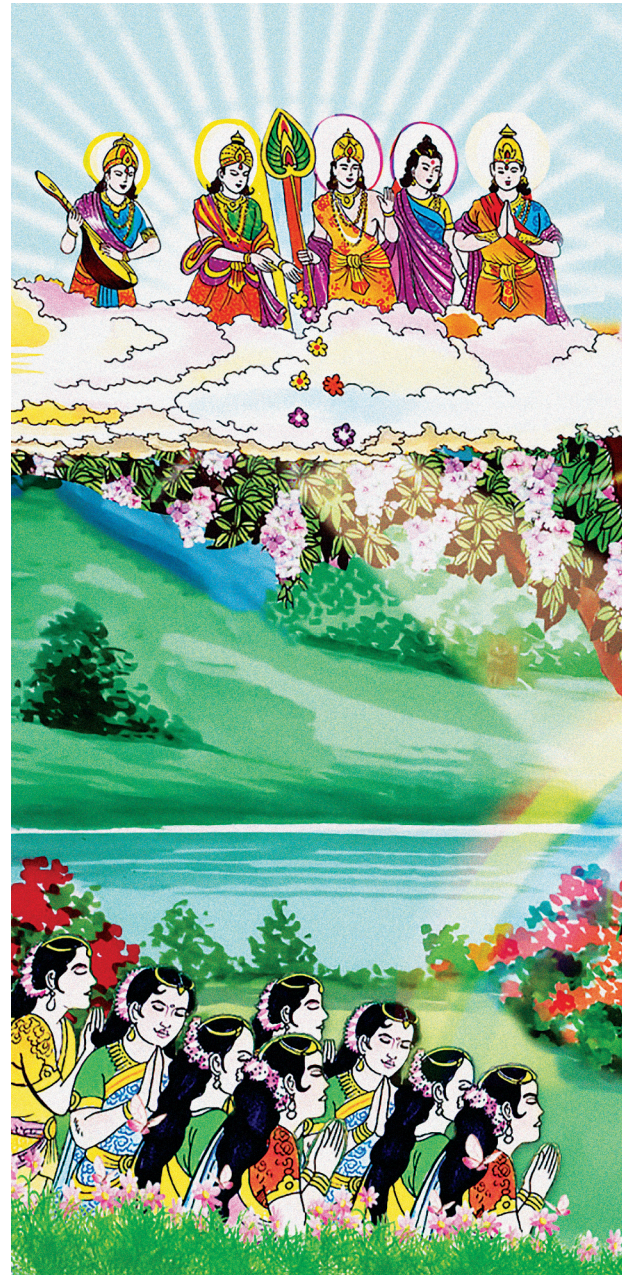
Cuối cùng, điều chúng tôi muốn nói mỗi năm đến ngày Phật đản sinh, mọi người trên hành tinh đều hướng nghĩ đến vị thầy của chúng ta, ca ngợi Ngài đến đâu đi nữa thì tất cả mọi lời tán thán, ca ngợi dù hay đẹp mấy cũng không thể mô tả công hạnh toàn bích của Ngài. Bởi nhân loại đã suy tôn Ngài là bậc thầy của loài trời và loài người, là bậc tôn quý nhất trong cõi thế. Thiết nghĩ cách tán thán và ca ngợi Ngài tốt nhất, làm vui lòng Ngài nhất có lẽ là học tập Ngài, cố gắng tối đa sống theo lời Ngài chỉ dạy, đi theo con đường Ngài đã đi: *“Ai dùng các hạnh lành, Làm xóa mờ nghiệp ác, Sẽ chói sáng đời này, Như trăng thoát mây che”* (Kệ 173, Kinh Pháp Cú).

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Phước Đạt – Ủy viên Hội đồng Trị sự, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

SỰ RA ĐỜI CỦA ĐỨC PHẬT QUA MỘT SỐ BẢN KINH NIKĀYA

ĐĐ. Thích Tịnh Đạo

Dưới gốc cây vô ưu, đấng tối tôn đản sanh trong loài người. Giữa thế gian uế trước, thị hiện bậc thanh tịnh cõi trần ai. Sự ra đời của Đức Thế Tôn giữa cuộc đời là điều hạnh phúc nhất cho toàn nhân loại. (Ảnh: suru tâm)



DẪN NHẬP

Dưới gốc cây vô ưu, đấng tối tôn đản sanh trong loài người. Giữa thế gian uế trước, thị hiện bậc thanh tịnh cõi trần ai. Sự ra đời của Đức Thế Tôn giữa cuộc đời là điều hạnh phúc nhất cho toàn nhân loại. Ngài đến cuộc đời, sống trong cuộc đời, tìm ra phương cách làm cuộc đời trong sạch, tìm ra con đường giải thoát loài người khỏi sự giam cầm của bản ngã, đưa đến giải thoát sanh tử luân hồi. Đã có rất nhiều nghiên cứu nói về cuộc đời Đức Phật. Nhân ngày lễ Phật



đần, người viết nhắc lại một vài yếu tố liên quan đến sự ra đời của Ngài trong Kinh tạng Nikāya - bộ kinh được xem như gần gũi với thời giáo đoàn nguyên thủy nhất. Bằng phương pháp tổng hợp, phân tích, bài viết sẽ liệt kê các vấn đề liên quan nhằm khẳng định lại một lần nữa yếu tố lịch sử, tạo niềm tin cho những ai chưa tin, củng cố niềm tin cho những ai đã tin, khuyến khích thực hành lời dạy tuyệt diệu của một con người tự mình tìm ra con đường chuyển hóa.

NGUYÊN NHÂN THỊ HIỆN

Để nói về nguyên nhân thị hiện của một bậc Đại giác, thật khó để diễn tả trọn vẹn dưới nhãn quan phàm trần thiển cận. Bởi lẽ sự ra đời của bậc thánh luôn tồn tại nhiều nguyên nhân mà người bình thường khó suy xét tới. Thế nhưng, trong *Kinh Tăng Chi Bộ*, Đức Phật có dạy về nguyên nhân một bậc chánh đẳng giác xuất hiện ở đời rằng: “*Một người, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì*

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, sự xuất hiện đem lại hạnh phúc cho đa số, an lạc cho đa số, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài Người”[1].

Qua đoạn kinh vừa trích dẫn, có thể thấy sự ra đời của Đức Phật là bởi lòng từ bi đối với cuộc đời, muốn giải quyết nỗi khổ đau của chúng sanh. Hay nói cách khác, chính vì chúng sanh còn khổ đau, còn sanh tử thì Đức Phật mới xuất hiện. Trong chính cuộc đời của mình, Thái tử Tất-đạt-đa cũng vì nhận thấy sự mong manh của mạng sống và nỗi khổ của bản thân cùng chúng sanh nên đã tìm đường giải thoát rồi thành Phật. Sự thương tưởng của Phật không chỉ hạn hẹp ở cõi người, mà còn rộng mở đối với vô lượng chúng sanh, từ địa ngục cho đến chư Thiên.

Quả thật, sự ra đời của Ngài đã thực hiện được lý tưởng vĩ đại kể trên. Trước khi Phật ra đời và trong thời Phật tại thế, ở Ấn Độ tồn tại rất nhiều các tôn giáo và triết thuyết. Chúng được nhắc đến rất nhiều trong các bản Kinh Nikaya. Ở đó, Phật đã trình bày những điểm thiếu sót, sai trái, không đưa đến chân hạnh phúc của các tôn giáo đó. Một minh chứng rõ ràng hơn nữa cho điều này chính là việc Phật đã theo học các vị tôn sư nổi tiếng ở Ấn Độ thời bấy giờ. Tuy nhiên, sự chứng nghiệm trong các tôn giáo đó đã không thỏa mãn lý tưởng vĩ đại của Ngài. Chỉ có con đường mà Đức Phật tìm ra, chứng nghiệm, giảng dạy mới đem lại chân phúc, giải thoát thực sự.

Như vậy, nguyên nhân Đức Phật ra đời được chính Ngài dạy trong đoạn kinh kể trên. Cũng trong bản kinh đó, phần tiếp theo Ngài dạy về hy hữu để một vị Phật xuất hiện. Đó chúng chính là yếu tố cho thấy sự Đản Sanh của Đức Thế Tôn là một việc khó gặp, vì điều trên đời: *“Sự xuất hiện của một người, này các Tỳ kheo, khó gặp được ở đời. Của người nào? Của Như Lai, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Sự xuất hiện của một người này, này các Tỳ kheo, khó gặp được ở đời. 3. Một người, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời, là xuất hiện một người vi diệu. Một người ấy là ai? Chính là Thế Tôn, bậc A-la-hán, Chánh Đẳng Giác. Chính một người này, này các Tỳ kheo, khi xuất hiện ở đời là xuất hiện một người vi diệu”[2].*



Sự ra đời của Đức Phật là bởi lòng từ bi đối với cuộc đời, muốn giải quyết nỗi khổ đau của chúng sanh. Hay nói cách khác, chính vì chúng sanh còn khổ đau, còn sanh tử thì Đức Phật mới xuất hiện. Trong chính cuộc đời của mình, Thái tử Tất-đạt-đa cũng vì nhận thấy sự mong manh của mạng sống và nỗi khổ của bản thân cùng chúng sanh nên đã tìm đường giải thoát rồi thành Phật. Sự thương tưởng của Phật không chỉ hạn hẹp ở cõi người, mà còn rộng mở đối với vô lượng chúng sanh, từ địa ngục cho đến chư Thiên. (Ảnh: sưu tầm)

Việc ra đời của một vị Phật là điều hy hữu trên cuộc đời, không có hạnh phúc nào hơn, không có may mắn nào hơn khi ở thế gian đón nhận sự thị hiện của bậc đại giác. Rõ ràng, một vị Phật đem lại an vui giải thoát cho khắp nhân thiên, sự hiện diện cao cả như vậy không có gì để xem ra so sánh. Cũng chính vì vậy mà khi Đức Phật đản sanh, có những điềm lành xuất hiện được mô tả trong bản kinh Hy hữu Vị tăng hữu pháp.



Khi Phật đản sanh, hào quang chiếu sáng vô lượng thế giới, ánh hào quang này tối tôn bậc nhất trong các ánh hào quang. Ngài thị hiện trên cuộc đời, tìm ra ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng này tỏa rạng khắp muôn phương cho đến ngày nay là hơn 2.600 năm và sẽ còn sáng mãi, sáng mãi.

ĐIỀM LÀNH HY HỮU

Kinh vị Tăng hữu thuộc Trung Bộ Kinh diễn tả: “Khi Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, này Ānanda, khi ấy một hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên, hiện ra cùng khắp thế giới, gồm có các thế giới trên chư Thiên, thế giới của các Ma vương và Phạm thiên, và thế giới ở dưới gồm các Sa-môn, Bà-la-môn, chư Thiên và loài Người; cho đến các cảnh giới giữa các thế giới, tối tăm, u ám, không có nền tảng, những cảnh giới mà mặt trăng mặt trời với đại thần lực, đại oai lực như vậy cũng không thể chiếu thấu. Trong những cảnh giới ấy, một hào quang vô lượng, thắng xa oai lực chư Thiên hiện ra, và các chúng sanh sống tại các chỗ ấy, nhờ hào quang ấy mới thấy nhau mà nói: “Cũng có những chúng sanh khác sống ở đây.” Và mười ngàn thế giới này chuyển động, rung động, chuyển động mạnh, và hào quang vô lượng thần diệu, thắng xa oai lực của chư Thiên hiện ra ở thế giới” [3].

Khi Phật đản sanh, hào quang chiếu sáng vô lượng thế giới, ánh hào quang này tối tôn bậc nhất trong các ánh hào quang. Ngài thị hiện trên cuộc đời, tìm ra ánh sáng của trí tuệ, ánh sáng này tỏa rạng khắp muôn phương cho đến ngày nay là hơn 2.600 năm và sẽ còn sáng mãi, sáng mãi. Ánh sáng trí tuệ mà Ngài truyền trao là con đường độc nhất hướng tới giải thoát, Niết-bàn. Sự thị hiện của Ngài đã làm rung động khắp nơi, đánh hồi chuông cảnh tỉnh, làm rung động vô lượng tâm hồn bị màn vô minh hắc ám che lấp, một sự kiện hy hữu đã làm chấn động tất cả. Những điềm lành xuất hiện dựa trên phước báu vô lượng, công đức vô lượng của bậc đại giác ngộ ngay giữa cuộc đời, là nguồn an lành vô lượng cho những ai có niềm tin, học Phật và thực hành giáo pháp của Ngài. Sự hy hữu, kỳ diệu, cao thượng không nằm hoàn toàn ở những điềm lành được diễn tả mà nằm ở cuộc đời của Phật, giáo lý mà Ngài đã dạy là những gì kỳ diệu, quý báu và tối thượng trên cuộc đời.

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

SỰ ĐẢN SANH KỶ DIỆU

Mặc dù Đức Phật cũng là con người, cũng từ mẹ sinh ra. Thế nhưng cách ra đời của Ngài kỳ diệu hơn hết thảy mọi chúng sanh trong cuộc đời. *Kinh Đại Bản* thuộc *Trung Bộ kinh* diễn tả sự kỳ diệu ấy như sau: “*Này các Tỳ kheo, như viên ngọc ma-ni bảo châu đặt trên một tấm vải Ba-la-nại. Hòn ngọc không làm nhiễm ô tấm vải Ba-la-nại, tấm vải Ba-la-nại cũng không làm nhiễm ô hòn ngọc. Vì sao vậy? Vì cả hai đều thanh tịnh. Cũng vậy, này các Tỳ kheo. Khi vị Bồ-tát từ bụng mẹ sanh ra, Ngài sanh ra thanh tịnh, không bị nhiễm ô bởi nước nhớt nào, không bị nhiễm ô bởi loại mủ nào, không bị nhiễm ô bởi loại máu nào, không bị nhiễm ô bởi bất cứ sự vật bất tịnh nào, thanh tịnh, trong sạch*”[4].

Khác với mọi chúng sanh được sinh ra từ bụng mẹ đều phải dính những chất nhiễm ô. Khi đản sanh, Thái tử không hề bị một chất nào làm cho ô nhiễm. Cũng giống như con đường thanh tịnh mà Ngài giảng dạy sau đó, con đường giúp cho tâm không bị nhiễm ô bởi bất kỳ pháp nào, đạt đến sự giải thoát bậc nhất. Ngoài ra, khi Ngài đản sanh còn có sự kiện kỳ diệu khác như: “*hai dòng nước từ hư không hiện ra, một dòng lạnh, một dòng nóng. Hai dòng nước ấy tắm rửa sạch sẽ cho vị Bồ-tát và cho bà mẹ*”.

Còn nữa, con người sinh ra ai cũng phải có thời gian tập bò, tập đứng rồi tập đi, tập nói. Thế nhưng khi sinh ra, Ngài đã có thể tự bước đi và cất tiếng nói: “*Ngài đứng vững, thẳng bằng trên hai chân, mặt hướng phía Bắc, bước đi bảy bước, một lòng trắng được che trên. Ngài nhìn khắp cả mọi phương, lớn tiếng như con ngưu vương, thốt ra lời như sau: “Ta là bậc tối thượng ở trên đời! Ta là bậc tối tôn ở trên đời. Ta là bậc cao nhất ở trên đời. Nay là đời sống cuối cùng, không còn phải tái sanh ở đời này nữa*” [5]. Sự ra đời của Phật không phải là một sự kiện bình thường, những điều phi thường xảy ra dự đoán một bậc vĩ nhân xuất hiện. Thông thường, một người tự xưng mình là bậc tối thượng ở trên đời có lẽ sẽ bị gọi là ảo tưởng, là ngã mạn. Tuy nhiên, câu tuyên bố của Đức Phật đã xác định một sự thật về Ngài, một bậc pháp vương tối thượng, một người tuyên bố con đường tối thượng chấm dứt sanh tử. Chính nhờ tuyên ngôn đó cùng với cuộc đời giải thoát của Đức Phật mà niềm tin đối với sự giải thoát của con người được củng cố. Đó quả thật là một điều may mắn hy hữu khi mà ở xứ Ấn Độ thời bấy

giờ chưa hề có tôn giáo nào hướng con người tới con đường tự mình giải thoát một cách chân thật.

DỰ BÁO ĐIỀU LÀNH

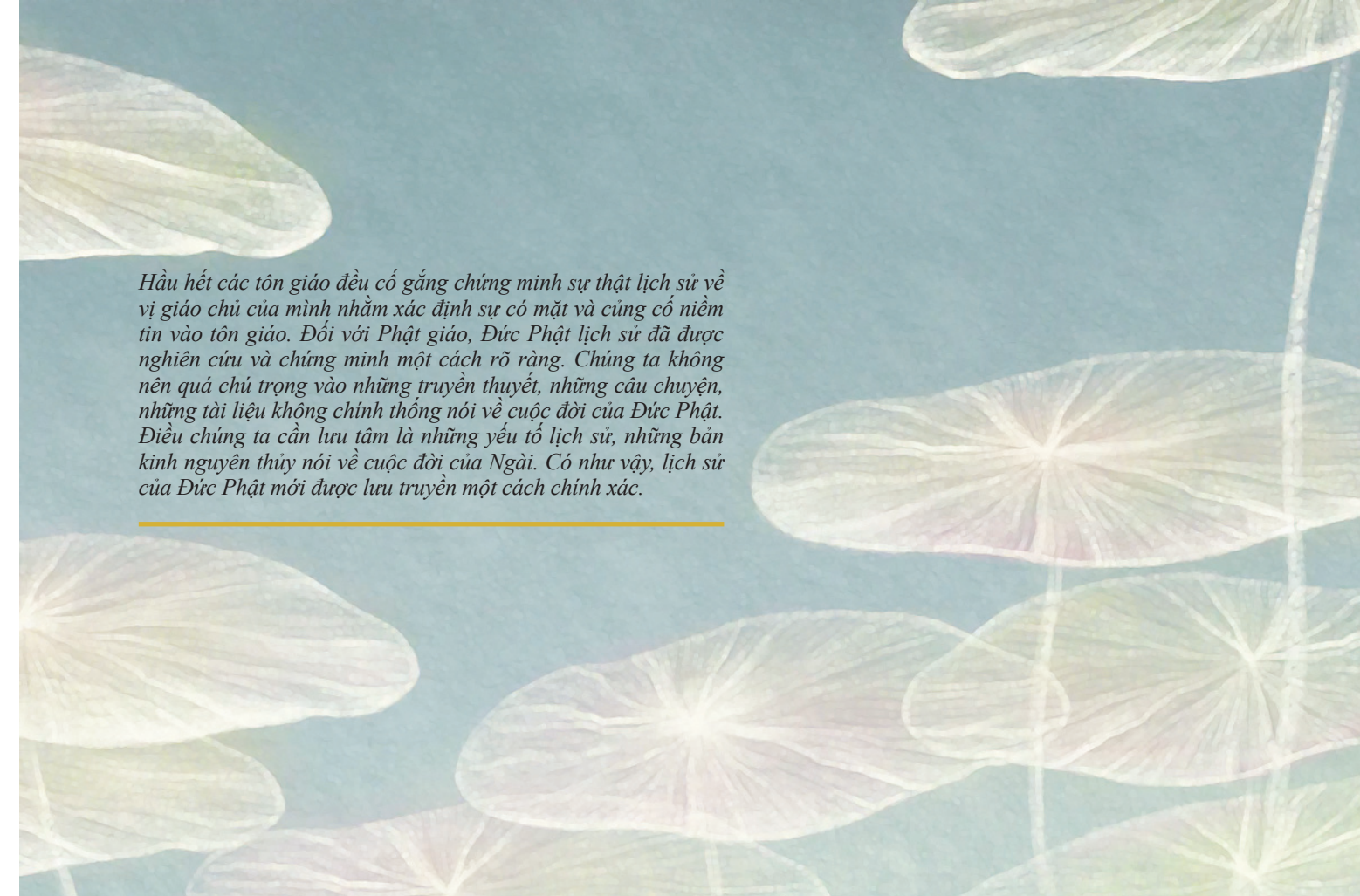
Trong *Kinh Nàlaka* thuộc *Kinh Tiểu Bộ 1*, khi vị ân sĩ Asita nhìn thấy chư Thiên hoan hỷ một cách lạ thường, ông đã thưa hỏi nguyên do và được trả lời rằng:

“*Tại xứ Lumbini
Trong làng các Thích-ca,
Có sanh vị Bồ Tát,
Báu tối thắng, vô tỷ,
Ngài sanh, đem an lạc,
Hạnh phúc cho loài Người,
Do vậy chúng tôi mừng,
Tâm vô cùng hoan hỷ*”[6].

Khi nghe như vậy, ông đã đến nơi, diện kiến vua Tịnh Phạn và xem tướng cho Thái tử. Khi được thấy Thái tử với dung sắc tốt đẹp lạ thường, ánh sáng tỏa rạng muôn phương, ông tiên đoán về bậc vĩ nhân rằng:

“*Thái tử này sẽ chứng
Tối thượng quả Bồ đề,
Sẽ chuyển bánh xe pháp,
Thấy thanh tịnh tối thắng,
Vì lòng từ thương xót,
Vì hạnh phúc nhiều người,
Và đời sống Phạm hạnh,
Được truyền bá rộng rãi*”[7].

Khi dự đoán như vậy rồi, ông liền rơi lệ vì cảm thán mình không đủ phước đức để sống tới ngày Thái tử thành chánh giác và học được giáo lý của Ngài. Chúng ta, những người con Phật thời đại ngày nay có lẽ cũng phải biết bản thân thiếu phước, không được sanh ra nhằm thời Phật tại thế. Cũng chính vì vậy mà có lời cảm thán rằng: “*Phật tại thế thời ngã trầm luân, kim đắc nhân thân Phật diệt độ, ảo não tự thân đa nghiệp chướng, bất kiến Như Lai kim sắc thân*”. (Phật còn tại thế thì con ở trong đang trầm luân nơi nào, khi con được thân người thì Phật đã diệt độ, buồn thay thân con nhiều nghiệp chướng, không thể thấy thân tướng tốt đẹp của Như Lai). Không thấy được Phật, không được sự hướng dẫn trực tiếp của Phật thì đúng là một điều rất đáng buồn. Thế nhưng chúng ta may mắn hơn tiên nhân Asita một điểm, chúng ta sanh sau thời Phật, những giáo pháp cao thượng mà Ngài thuyết dạy vẫn còn nguyên vẹn, hình ảnh xuất trần vĩ đại của Ngài vẫn còn khắc họa cho bề dày lịch sử. Những gì còn lại cho chúng ta ngày nay vẫn quá



Hầu hết các tôn giáo đều cố gắng chứng minh sự thật lịch sử về vị giáo chủ của mình nhằm xác định sự có mặt và củng cố niềm tin vào tôn giáo. Đối với Phật giáo, Đức Phật lịch sử đã được nghiên cứu và chứng minh một cách rõ ràng. Chúng ta không nên quá chú trọng vào những truyền thuyết, những câu chuyện, những tài liệu không chính thống nói về cuộc đời của Đức Phật. Điều chúng ta cần lưu tâm là những yếu tố lịch sử, những bản kinh nguyên thủy nói về cuộc đời của Ngài. Có như vậy, lịch sử của Đức Phật mới được lưu truyền một cách chính xác.

quý giá, nếu phải rơi lệ buồn rầu, hãy rơi lệ buồn cho bản thân không biết học và thực hành giáo pháp của Phật để tự mình chiêm nghiệm giá trị của giải thoát, của hạnh phúc chân thực.

KẾT LUẬN

Hầu hết các tôn giáo đều cố gắng chứng minh sự thật lịch sử về vị giáo chủ của mình nhằm xác định sự có mặt và củng cố niềm tin vào tôn giáo. Đối với Phật giáo, Đức Phật lịch sử đã được nghiên cứu và chứng minh một cách rõ ràng. Chúng ta không nên quá chú trọng vào những truyền thuyết, những câu chuyện, những tài liệu không chính thống nói về cuộc đời của Đức Phật. Điều chúng ta cần lưu tâm là những yếu tố lịch sử, những bản kinh nguyên thủy nói về cuộc đời của Ngài. Có như vậy, lịch sử của Đức Phật mới được lưu truyền một cách chính xác.

Thông qua bài viết, người viết đã tổng hợp một số chi tiết trong các bản Kinh Nikāya nói về sự đản sanh của Đức Thế Tôn. Tuy không xác nhận các yếu tố niên đại hay các sự kiện lịch sử một cách chính xác. Nhưng thông qua uy tín và sự chính thống của nguồn tài liệu Nikaya có thẩm quyền nhất đối với Phật giáo, những chi tiết kể trên xác chứng những điềm lành tốt đẹp và nguyên nhân thị hiện cao cả

của bậc đại giác. Bài viết mang tính chất tổng hợp và nhắc lại những yếu tố kể trên để người đọc có thể cùng ôn lại nhân kỷ niệm tháng đản sanh đầy hân hoan và hỷ lạc của người con Phật. Mong rằng phần nào củng cố niềm tin và khát khao thực hành chánh pháp của đồng đạo nếu có dịp xem qua.

Chú thích và tài liệu tham khảo

- [1] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương I Một Pháp XIII. Phẩm Một Người, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.46.
- [2] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1996), *Kinh Tăng Chi Bộ I*, Chương I Một Pháp XIII. Phẩm Một Người, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.47.
- [3] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 2012), *Kinh Trung Bộ 2*, 123. Kinh Hy Hữu Vị Tăng Hữu Pháp, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, tr.454.
- [4] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, 14. Kinh Đại Bôn, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.452.
- [5] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1991), *Kinh Trường Bộ I*, 14. Kinh Đại Bôn, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.453.
- [6] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu Bộ I*, Kinh Tập - Chương Ba: Đại Phẩm, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.667.
- [7] Hòa thượng Thích Minh Châu (dịch, 1999), *Kinh Tiểu Bộ I*, Kinh Tập - Chương Ba: Đại Phẩm, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, TP. Hồ Chí Minh, tr.671.

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH



PHẬT ĐẢN SINH QUA CÁI NHÌN CỦA THIÊN TÔNG

Minh Trang*



Chân tâm, Phật tánh được hiểu chính là bản chất nguyên thủy của tâm: Luôn thanh tịnh, lặng lẽ, không hình tướng, không sanh diệt và trùm khắp. Tuy chân tâm luôn có sẵn nơi mỗi người nhưng chúng ta không nhận ra vì chúng ta thường quen chạy theo cánh duyên, khởi suy nghĩ, phân biệt trên đó (vọng tâm) cho nên Chân tâm bị che mờ.

*Trầm hương xông ngát điện
Sen nở Bụt hiện thân
Pháp giới thành thanh tịnh
Chúng sinh lắng nghiệp trần.*

Cách đây hơn 2.500 năm, vào ngày trăng tròn tháng Tư năm 624 TCN, dưới cội cây Vô Ưu thành Ca-tỳ-la-vệ toàn thể nhân loại hân hoan đón mừng một bậc Giác Ngộ ra đời - Đức Phật Thích Ca Mâu Ni - Người đã chỉ cho chúng sinh con đường giải thoát mọi khổ đau, trói buộc. Từ đó, theo truyền thống Phật giáo, ngày Đức Phật ra đời (ngày Phật đản) được coi như là ngày “Tết” của toàn thể Phật tử. Đó không những là dịp để tôn vinh Đức Thế Tôn, mà còn là dịp để ôn lại cuộc đời đức Phật cùng những lời dạy của Ngài. Từ đó, làm tăng trưởng niềm kính tin Tam bảo, khơi gợi lòng tri ân đối với bậc Đạo sư, sách tấn người con Phật tiếp tục nỗ lực tu học đạt đến giác ngộ giải thoát. Đây là ý nghĩa Phật đản nhìn theo góc độ sử liệu và truyền thống chung của Phật giáo, nhưng trong nhà thiền (Thiền tông) ngoài quan niệm theo truyền thống thì “Phật đản sinh” còn thêm một ý nghĩa nữa.



Thiền tông quan niệm “Tức tâm tức Phật” hay “Kiến tánh thành Phật” có nghĩa rằng nơi mỗi người đều có khả năng thành Phật, chỉ cần trở về với bản tâm thanh tịnh thì đó chính là tâm Phật và ngay giây phút ấy “Phật đản sinh”.

QUAN NIỆM “PHẬT ĐẢN SINH” TRONG NHÀ THIỀN

Thiền tông quan niệm “Tức tâm tức Phật” hay “Kiến tánh thành Phật” có nghĩa rằng nơi mỗi người đều có khả năng thành Phật, chỉ cần trở về với bản tâm thanh tịnh thì đó chính là tâm Phật và ngay giây phút ấy “Phật đản sinh”. Thiền tông khuyến khích mỗi người hãy làm hiện khởi ông Phật nơi tự thân thay vì chỉ tưởng nhớ về một vị Phật quá khứ: “*Nếu khi tâm sinh là Phật sinh*
Nếu khi Phật diệt là tâm diệt”.

(Phật tâm ca -
Tuệ Trung Thượng sĩ ngữ lục)

Chân tâm, Phật tánh được hiểu chính là bản chất nguyên thủy của tâm: Luôn thanh tịnh, lặng lẽ, không hình tướng, không sanh diệt và trùm khắp. Tuy chân tâm luôn có sẵn nơi mỗi người nhưng chúng ta không nhận ra vì chúng ta thường quen chạy theo cảnh duyên, khởi suy nghĩ, phân biệt trên đó (vọng tâm) cho nên Chân tâm bị che mờ.

Việc tưởng nhớ về cuộc đời, công hạnh của một bậc giác ngộ là điều rất cần thiết, giúp khắc sâu trong tâm tư mỗi người về gương hạnh của Phật, của các bậc tiền nhân, làm phát khởi lòng tri ân và nhắc nhở chúng ta tiếp tục nỗ lực tu tập giải thoát. Tuy nhiên, nếu để tâm trí miên man theo các suy nghĩ và hoài niệm thì lại thành điều nguy hại. Trong nhà thiền có câu: “*Mỗi lần nhắc lại một lần mới*” được sử dụng khi nhắc lại những lời dạy hay cuộc đời của các vị tiền bối, với ngụ ý rằng nói lại chuyện xưa là để làm sống lại cái nhiệm màu của hiện tại, bởi chuyện xưa là chuyện đã qua tức là “chuyện chết”, cho nên bây giờ nghe lại phải khéo thấy được cái đang “sống”, cái mà không “chết” theo thời gian và không gian. Có được cái thấy đó chính là thấy được Phật tánh nơi chính mình, cũng là lúc “Phật đản sinh”. Như lời Lục Tổ Huệ Năng dạy:

*Bồ đề tự nhận nơi tâm,
Huyền đạo cũng chẳng việc ngoài,
Người người theo đây tu hành,
Tịnh Độ ở ngay trước mắt.*

(Phẩm Quyết Nghi - Kinh Pháp Bảo Đàn)

*Trầm hương xông ngát điện
Sen nở But hiện thân
Pháp giới thành thanh tịnh
Chúng sinh lắng nghiệp trần.*

(Ảnh: sưu tầm)



LÀM SAO ĐỂ PHÁT KHỞI ÔNG PHẬT NỘI CHÍNH MÌNH?

Tuy lý như vậy, nhưng cần phải công phu và thực hành ra sao để làm phát lộ ông Phật của chính mình?

Nhận rõ cội gốc sinh tử và Niết bàn

Trong Kinh Lăng Nghiêm, ngài A Nan hỏi Phật: “Cái gì là cội gốc của phiền não sinh tử? Cái gì là cội gốc của Bồ đề Niết bàn?”. Mười phương chư Phật đồng thời trả lời: “Sáu căn của ông là cội gốc phiền não sinh tử, sáu căn của ông cũng chính là cội gốc Bồ đề Niết bàn!”. Sáu căn chính là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đó là những cơ quan hàng ngày chúng ta sử dụng để nhận biết các cảnh duyên (tức là sáu trần tương ứng: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) trong mọi hoạt động của đời sống. Sở dĩ chúng ta bị trôi lăn trong sinh tử vì sáu căn của chúng ta luôn luôn chạy theo sáu trần sinh ra tâm phân biệt ưa thích, yêu ghét... từ đó phát sinh khổ, vui, được mất, hơn thua, đố kỵ... Vì vậy, khéo xoay trở lại ngay nơi sáu căn chính là Bồ đề Niết bàn, hướng theo ngoại cảnh là phiền não sanh tử. Tức là

ngay nơi mắt thấy sắc, nơi tai nghe tiếng... chỉ thấy nghe thuần túy, không để tâm dính mắc, phân biệt thì ông Phật liền hiện tiền. Cách thực tập này cũng được Nhị Tổ của thiền phái Trúc Lâm Việt Nam - Thiền sư Pháp Loa xiển dương và ghi lại trong *Thượng Thừa Tam Học Khuyên Chúng Phổ Thuyết*: “Trong 12 cảnh giờ, ngoài dirt các duyên, trong tâm không dấy động. Tâm không dấy động nên cảnh đến vẫn an nhàn. Mắt không vì cảnh khởi phân biệt, thức không vì pháp trần mà dính mắc. Ra vào không giao thiệp nên gọi ngăn dừng. Tuy nói ngăn dừng mà chẳng phải ngăn dừng. Nên biết tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế”.

TỪ BỎ CÁI NHÌN HAI BÊN

Phật tính bản hữu vốn tự thanh tịnh, trong sáng vì vậy nó vốn không cần phải tu sửa. Chỉ cần nhận ra được Phật tính ấy là chúng ta đã thừa hưởng được trọn vẹn “gia tài” có sẵn rồi. Xuất phát từ việc đó, tổ Vĩnh Gia Huyền Giác - một vị Thiền sư xuất cách đời Đường (Trung Hoa) khuyên người học đạo chỉ cần không để tâm kẹt vào cái nhìn hai bên, không



Như lời Lục Tổ Huệ Năng dạy: Bồ đề tự nhận nơi tâm, Huyền đạo cũng chẳng việc ngoài, Người người theo đây tu hành, Tịnh Độ ở ngay trước mắt. (Phẩm Quyết Nghi – Kinh Pháp Bảo Đàn)

dính kẹt nơi danh tự ngay đó “Phật đản sinh” liền:
*Tuyệt học vô vi nhàn đạo nhân,
Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân
Thực tánh vô minh tức Phật tánh
Thân không huyền hóa tức Pháp thân.*
(Chứng đạo ca)

Mở đầu câu nói, Ngài đã giới thiệu đây là phương pháp tu của các bậc Tuyệt học, bậc vô vi, người học đạo mà tu theo phương pháp này thì sẽ được nhàn. Pháp tu ấy chính là “*Chẳng trừ vọng tưởng, chẳng cầu chân*”; chân - vọng chỉ là hai khái niệm đối đãi được con người tạm đặt ra để phân biệt, bản chất của chúng đều là giả có. Ví dụ như khi ta bước vào một ngôi nhà tối tăm, vì muốn nhà sáng, ta cố gắng tìm cách để đoạn trừ bóng tối và ngồi cầu cho ánh sáng mau xuất hiện thì đó là việc làm dư thừa, tốn công vô ích. Lúc ấy chỉ cần mang vào đó một cây đèn hoặc bật công tắc đèn lên thì lập tức ngôi nhà liền sáng, bóng tối biến mất. Bởi sáng và tối cũng là hai phạm trù đối đãi, cái này có vì cái kia có, có tối nên mới gọi là sáng và ngược lại. Vì vậy, người học đạo khôn khéo chỉ cần nhận rõ các khái niệm đều là giả danh, không thật, là các tướng đối đãi mà thế gian tạm sử dụng, chúng đều có chung một nguồn

gốc, chung một thể tánh, chính là Phật tánh: “*Thực tánh vô minh tức Phật tánh; Thân không huyền hóa tức Pháp thân*”. Có được cái thấy như vậy rồi thì vô minh tự biến mất, trí tuệ liền hiện tiền, nhanh như trở một bàn tay. Khi đó ngay thân huyền hóa, giả tạm này pháp thân thanh tịnh sẽ hiện bày.

Tóm lại, Thiên tông hướng mọi người tu ngay trong đời sống thực tại, ngay nơi thân tâm của chúng ta. Sự giác ngộ không nằm ở bên ngoài con người mình, ông Phật không nằm ngoài chúng sinh, cũng là con người đó mà “khi mê là chúng sinh, khi giác liền thành Phật”. Rất mong rằng, không chỉ trong ngày lễ mừng Phật đản sinh chúng ta mới nhớ về Đức Phật, mà hãy thức tỉnh ông Phật có sẵn nơi chính mình trong mỗi hơi thở vào ra, trong từng giây từng phút của đời sống hàng ngày, đó mới thực sự là lúc ta diện kiến “Phật đản sinh” và cũng là vật phẩm cúng dường quý giá nhất để kính dâng lên chư Phật mười phương, dâng lên vị Bổn sư của chúng ta Đức Phật Thích Ca Mâu Ni nhân dịp đại lễ Phật đản.

Chú thích:

* Minh Trang - Nghiên cứu sinh viện Trần Nhân Tông, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

Những chương trình

Phật Sự

Online

Thực hiện



BẢN TIN PHẬT SỰ 20H



BẢN TIN PHẬT SỰ TIẾNG ANH



HOÀNG PHÁP ONLINE



ĐỌC LẠI TẬP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO



AN CƯ LẠC NGHIỆP



HƯỚNG DẪN CẨM HOA



CHUYỆN CỬA THIÊN



ĐƯỜNG VÀO NỘI TÂM



NGUYỄN LÂM CON THẢO



PHẬT PHÁP HỎI ĐÁP



PHẬT GIÁO VÀ ĐỜI SỐNG



SỐNG NHƯ NHỮNG ĐÓA HOA



CÂU CHUYỆN BÈN TÁCH TRÀ



ĐỒNG VỌNG PHÁP



NGHỆ THUẬT PHẬT GIÁO



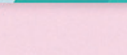
NGƯỜI CON PHẬT



LỜI CON DÂNG PHẬT
TRẮNG THẮNG TỰ



TÒA NGÁT HƯƠNG SEN



LỜI PHẬT DẠY

Liên hệ **Live** và đăng tin tức
Chùa Minh Đạo - 12/3 Kỳ Đồng, P.9, Q.3, TP.HCM

Đại đức THÍCH TUỆ TÁNH - 0944 020802
Email: PSOMiennam@phatsuonline.com

THƠ CA
VŨ HOÀNG CHƯƠNG
VỀ BỒ TÁT THÍCH
QUẢNG ĐỨC



Võ Quốc Việt





Thi phẩm Vũ Hoàng Chương về Bồ tát Quảng Đức cũng như nhiều thi sĩ khác, tựu trung với cảm hứng ngợi ca, cảm phục và thương tiếc, cùng góp sức kêu sáng ánh đạo vàng khắp châu thân ngài Quảng Đức. (Anh: redsvn.net)

Vũ Hoàng Chương vốn là một thi sĩ tiên chiến, nổi danh với “say và mộng”. Thế nhưng, cảm hứng nghệ thuật nổi bật trong thi ca của ông giai đoạn 1954-1975 lại là Phật giáo. Với các thi tập: Lửa từ bi (1963), Ánh trăng đạo lý (1966), Bút nở hoa đàm (1967),... Vũ Hoàng Chương là một trong những nhà thơ thể hiện sâu sắc và tha thiết tấm lòng sùng kính, tán dương Phật pháp; điển hình với biểu tượng Bồ tát Thích Quảng Đức trong phong trào Phật giáo dân tộc năm 1963. Thơ ca Vũ Hoàng Chương ít nhiều đã góp thêm vào

ngọn lửa từ bi Bồ tát Thích Quảng Đức để kêu sáng lòng yêu nước Việt và chiếu rọi tâm hồn con người khắp nơi trên thế giới.

LỬA TỪ BI GÓP THÊM ÁNH ĐẠO VÀNG

Thi phẩm Vũ Hoàng Chương về Bồ tát Quảng Đức cũng như nhiều thi sĩ khác, tựu trung với cảm hứng ngợi ca, cảm phục và thương tiếc, cùng góp sức kêu sáng ánh đạo vàng khắp châu thân ngài Quảng Đức. Vì sao có ngọn lửa Quảng Đức? Đó là ngọn lửa đáp lời kêu gọi trong tâm thư Thượng tọa Thích

Vũ Hoàng Chương vốn là một thi sĩ tiên chiến, nổi danh với “say và mộng”. Thế nhưng, cảm hứng nghệ thuật nổi bật trong thi ca của ông giai đoạn 1954-1975 lại là Phật giáo. (Ảnh: sưu tầm)



Tâm Châu ngày 9/5/1963 gửi cho quý Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni cùng toàn thể Phật tử Việt Nam sau sự kiện chính quyền Sài Gòn đàn áp Phật tử tại Đài Phát thanh Huế. Không chỉ chấn động đời sống nhân sinh, lời kêu gọi và ngọn lửa ấy còn in dấu trong thi ca. Nhiều thi phẩm Vũ Hoàng Chương khắc họa trực tiếp ngọn lửa ngài Quảng Đức: Lửa từ bi, Hoa nào ấm mộng, Điệp khúc, Núi kia sông nọ chùa này, Tháp đoàn viên, Nổi lửa từ bi, Bia hùng lực, ... Nhìn chung, trang thơ ông về Bồ tát Quảng Đức nêu cao tinh thần Phật đạo lớn lao, tinh thần xả thân vì đạo pháp.

*“Nhấn ra muôn dặm về muôn thuở
Vĩ cái Tâm nên lụy cái Hình”.*

(Dư ba)

Nghĩa hy sinh này như xả thân của chân lý trước bạo lực chứ không phải lấy bạo lực để đối đầu một bạo lực khác. Như Thượng tọa Thích Trí Quang đã nói: *“Chúng tôi nguyện đem xương máu của mình trang trải cho Phật pháp và nếu chết là chết như cái chết của chân lý trước bạo lực, chứ không phải bạo lực này chết vì kém bạo lực khác”* [1]. Khắc họa Hùng Lực Phật pháp của Hòa Đức, Vũ Hoàng Chương sử dụng liên hoàn điệp từ điệp ngữ với tốc

độ thơ gấp gáp, nhịp thơ gãy gọn, giọng điệu quyết liệt (rất khác với phong cách nghệ thuật của ông thời tiên chiến) để xây dựng tượng đài ngọn lửa ngài Quảng Đức dâng lên tầng tầng lớp lớp, cháy ngút tới chín tầng.

*“Tháp, Tháp Lửa chín tầng xây
giữa muôn trùng sắt máu vô tâm
hiện tình thương vào gạch ngói.
từng viên gạch chưa quên
đã nung lò Hoả Đức,
mạch đất tổ bỗng chứa chan Hùng lực
theo lời kinh nghẹn lệ đang trào ra, tung ra...”*

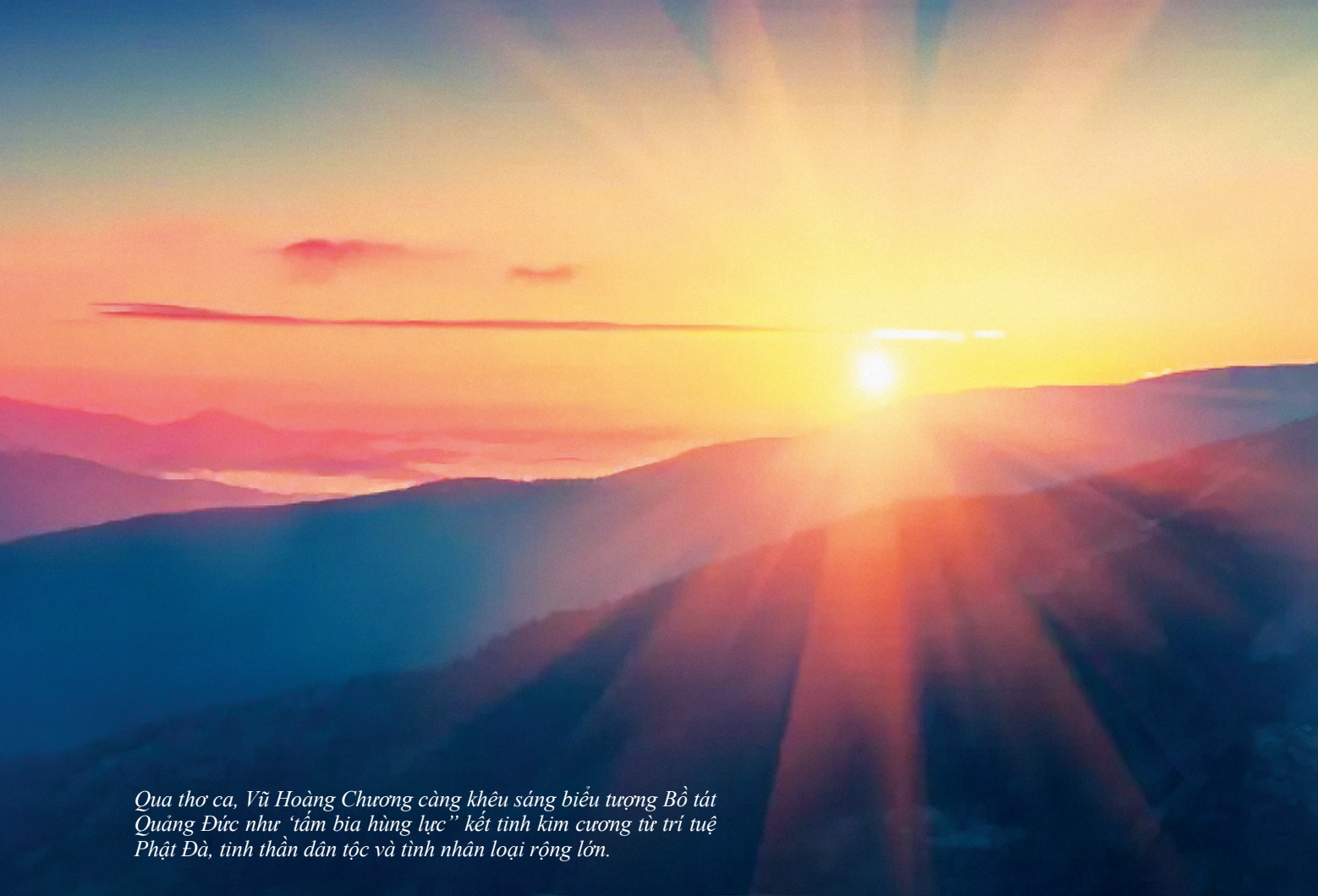
(Tháp đoàn viên)

Nhưng Hùng Lực Phật pháp không phải bạo lực. Khắc họa ngài Quảng Đức, Vũ Hoàng Chương nêu cao tinh thần đấu tranh bất bạo động.

*“Bàn tay Nguyễn-Vọng
Chặt đi còn nguyên
Chẳng Bạo mà Động
Một ngàn mười truyền”.*

(Gãy một cành mai)

Chính vậy, trang thơ về Bồ tát Quảng Đức như góp thêm lửa từ bi vào ánh đạo vàng rực rỡ. Cảm hứng



Qua thơ ca, Vũ Hoàng Chương càng khêu sáng biểu tượng Bồ tát Quảng Đức như ‘tâm bìa hùng lực’ kết tinh kim cương từ trí tuệ Phật Đà, tinh thần dân tộc và tình nhân loại rộng lớn.

thán phục ngợi ca hòa với chất giọng thông thiết càng khẳng định Phật pháp trường tồn. Biểu tượng ngài Quảng Đức hợp nhất cùng tinh thần Phật pháp nhiệm mầu. “Thi bá” Vũ Hoàng Chương không tạo ra biểu tượng ngài Quảng Đức mà sử dụng thi ca để hiệp tôn biểu tượng ấy bằng nghệ thuật ngôn từ “bút nở hoa đàm”!

*“ý Người đã Kim Cương bùng nổ;
tàn nhục thân Đạo pháp không lia.
vẫn Kim Cương Bảo Tọa chốn ngôi kia”*

(Tháp đoàn viên)

Có thể thấy, Vũ Hoàng Chương thường sử dụng các hình ảnh thuộc trường liên tưởng Phật giáo. Trường liên tưởng xoay quanh hình tượng bồ tát Quảng Đức tạo thành hệ thống hình ảnh: kim cương bùng nổ, kim cương bảo tọa, lửa tòa sen, hai vàng sáng, mặt trời mới mọc, ánh đạo vàng, sáu ngã luân hồi, bánh xe quay, người siêu thăng, bóng cây bồ đề, trái tim bồ tát, lửa huyền vi, tháp chín tầng, ... Tất cả bộc lộ niềm thán phục, ngợi ca hạnh nguyện Bồ tát Quảng Đức.

*“Ngọc hay đá, tượng chẳng cần ai tạc!
Lụa hay tre, nào khiến bút ai ghi!
Chỗ Người ngồi: một thiên thu tuyệt tác*

Trong vô-hình sáng chói nét Từ-Bi”

(Lửa từ bi)

Trường liên tưởng xoay quanh biểu tượng ngài Quảng Đức còn truyền dẫn đến ý nghĩa sức mạnh (không phải bạo lực) và ý nghĩa hủy diệt (đặc biệt yếu tố lửa). Lửa từ bi thể hiện sức mạnh thanh tẩy, thiêu đốt “tâm ma” tính người, soi sáng vô minh hồn người, đẩy lùi bóng tối tham đắm mê muội. Như lời ngài Quảng Đức dặn dò đệ tử (Thích Thông Bửu) trước khi xả thân cho Phật pháp. “Con! Đừng khóc nữa hãy cười lên, cười lên để cho dân tộc khỏi bị làm nô lệ, khóc làm chi, mà đạo pháp phải vì suy vi, cười đi con và hãy đem nụ cười ấy mà hiến dâng cho kẻ khác vì họ đang thiếu, nhất là những kẻ đang thiếu tình thương” [2].

*“Thương chúng sinh trăm luân bể khổ,
Người rẽ phẳng đêm tối đất dày
Bước ra, ngồi nhập định, hướng về Tây
Gọi hết Lửa vào xương da bỏ ngõ
[...]*

*Người siêu thăng...
giống bão lắng từ đây.
Bóng Người vượt chín tầng mây
Nhân gian mát rượi bóng cây bồ-đề”.*

(Lửa từ bi)



Như lời ngài Quảng Đức dẫn dò đệ tử (Thích Thông Bửu) trước khi xả thân cho Phật pháp. “Con! Đừng khóc nữa hãy cười lên, cười lên để cho dân tộc khỏi bị làm nô lệ, khóc làm chi, mà đạo pháp phải vị suy vi, cười đi con và hãy đem nụ cười ấy mà hiến dâng cho kẻ khác vì họ đang thiếu, nhất là những kẻ đang thiếu tình thương”.

LỬA TỪ BI SOI CHIẾU VẬN MỆNH DÂN TỘC

Tái hiện biểu tượng Bồ tát Quảng Đức trong thi ca, Vũ Hoàng Chương còn cho thấy tinh thần phong trào Phật giáo 1963 đồng hành vận mệnh dân tộc. Phật giáo không tách rời cấu trúc văn hóa truyền thống người Việt và nước Việt. Phong trào Phật giáo 1963 nói chung, hành động xả thân của Bồ tát Quảng Đức nói riêng không nhằm gây bất ổn xã hội. Như lời Bồ tát Quảng Đức nhắn gửi: “*Trước khi tôi nhắm mắt về cảnh Phật tôi trân trọng gửi lời cho Tổng thống Ngô Đình Diệm nên lấy lòng Bác ái, Từ bi mà đối xử với quốc dân và thi hành chánh sách bình đẳng tôn giáo để giữ vững nước nhà muôn thuở*”[3]. Khắc họa hình tượng ngài Quảng Đức, thơ ca Vũ Hoàng Chương góp phần thức tỉnh dân Việt nhận ra tính chất độc tài của chính quyền họ Ngô; không chỉ soi chiếu đạo pháp mà còn soi chiếu vận mệnh dân tộc.

*“đất Phật trời thơ, một phen bĩ cực.
xót đạo thương đời, lòng đau rưng rức.*

*bồ tát thiêu thân, đem tan đày vực.
thế giới nghiêng mình, Việt Nam bừng thức”.*

(Bìa hùng lực)

Nhờ được lửa Quảng Đức, dân Việt nhìn lại lịch sử tranh đấu ngàn năm. Để thấy rằng: “*Đạo Phật ta vẫn đời đời xán lạn! / dân Việt ta vẫn không thể nào thua!*” (Nỗi lửa từ bi). Và còn thấy: Phật giáo vốn song hành góp sức cho tộc Việt dựng xây, giữ gìn nền độc lập tự chủ (từ Ngô-Đình-Tiền Lê tới Lý-Trần và gần đây với cuộc chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX). Ở “*Tháp đoàn viên*” của Vũ Hoàng Chương, độc giả nhìn thấy Phật giáo hài hòa tiến trình và cấu trúc văn hóa-lịch sử dân tộc ngàn năm.

*“Người khiến giác quan năm cửa
dẫn vào Tim sức Lửa
tự Hồng Bàng qua Đinh, Lý, Trần, Lê,
đã gắn chặt lòng dân, sử ngàn trang rực rỡ;
Người ra đi trường cứu với sơn khê.*

*lửa Dân tộc, gốc bồ đề,
trái tim này: một phương quê nhiệm mầu”.*

Từ đó, người đọc còn nhận ra mối quan hệ sâu sắc lâu bền giữa văn hóa Phật giáo và văn hóa dân tộc. Đây là nền tảng vững chãi cho sự trường tồn của đạo pháp. Và khi ngoại bang đàn áp, khủng bố nhằm thủ tiêu Đạo Phật [4] thì coi như họ đã quay đầu trở thành kẻ thù của văn hóa truyền thống dân tộc.

*“lễ thường: ngôi Chúa ngôi Vua
dựng trên súng phải tiêu vong dưới đạn
chỉ còn lại tinh thần Nhân bản
vàng vặc núi sông chót vót ngôi chùa”.*

(Nói lửa từ bi)

Đồng hành cùng vận mệnh dân tộc, hình tượng Bồ tát Quảng Đức được thi sĩ họ Vũ đặt trong mối tương liên lịch sử qua các thời đại khác nhau. Đây cũng là sự tiếp nối mạch ngầm tồn tại của hồn dân tộc cùng với tinh thần Đạo Phật (mà sự phấn phát của Đạo Phật thời hiện đại nên nhìn lại từ cuộc vận động chấn hưng đầu thế kỷ XX).

*“Trang sử Việt
cũng là trang sử Phật
Trái bao độ hưng suy
dẫu nguy mà chẳng mất
Lại giờ đây sáng ngời uy danh”.*

(Bánh xe diệu pháp)

Trong biểu tượng lửa từ bi Quảng Đức, thi nhân còn giúp cho độc giả nhận ra một dáng hình Việt Nam, cùng với bước thăng trầm lịch sử của dân tộc Việt. Bước đường cam go của lịch sử dân tộc đương hồi quốc biến và cuộc pháp nạn của Đạo Phật cùng quy tụ nơi biểu tượng thi ca Thích Quảng Đức. Vũ Hoàng Chương dựng tượng thi ca Quảng Đức tại ngã tư lịch sử như dấu mốc, như điểm cố định chói lọi trên dòng lịch sử.

*“Hãy đặt gói xuống Ngã Tư lịch sử,
Một địa điểm chói loà vinh dự
Trên bản đồ thế giới từ nay;
Việt Nam đâu?
Nước có Ngã tư này!
Ngã tư này! Ngã tư này!
Lửa dâng lòng nước, hương bay về nguồn...”.*

(Điệp khúc)

Thậm chí, Vũ Hoàng Chương còn đặt hình tượng bồ tát trong chiều kích lớn hơn. Lửa xả thân ngài

Quảng Đức lồng vào bóng dáng Việt dựng thành “huong quốc”; để nơi đâu cũng là “Hương Sơn miền Bắc”, “Hương Giang thân kinh” và “Việt Nam quốc tự Sài thành”. Thi sĩ nương theo “nghĩa hy sinh” cho Phật pháp nối liền non sông một dải. Nước Việt với mái chùa không hai mà một. Anh linh người nghĩa nhập vào hồn non nước. “*Thì nước Việt đã là Hương quốc, / Núi sông nào chẳng ngát anh linh!*” (Núi kia sông nọ chùa này). Khẳng định sự bất diệt của quê hương Việt Nam! Gặp gỡ ý thơ Vũ Hoàng Chương, Trụ Vũ cũng có bài thơ tán dương hạnh nguyện Bồ tát Quảng Đức:

*“tìm Quảng Đức kết bằng hoa giác ngộ
tượng kim cương hồn đạo pháp thiêng liêng
dù chúng mung ngàn ngọn lửa, con tim
vẫn không cháy dù diệt chùa Xá Lợi
tìm bất diệt vẫn không hề diệt nổi
và lửa thiêng dân tộc vẫn tràn dâng
và bùng lên trong từng cánh hoa xuân” [5].*

(Lửa thiêng ngày 20 tháng 8,
Trụ Vũ)

*“lễ thường: ngôi Chúa ngôi Vua
dựng trên súng phải tiêu vong dưới đạn
chỉ còn lại tinh thần Nhân Bản
vàng vặc núi sông chót vót ngôi chùa.
nên dầu bị qua phân ly tán,
bị áp bức, phao vu, bội phản
Đạo Phật ta vẫn đời đời xán lạn!
dân Việt ta vẫn không thể nào thua!”.*

(Nói lửa từ bi,
Vũ Hoàng Chương)

Thơ ca Vũ Hoàng Chương quả thực đã nói thêm vào ngọn lửa từ bi. Như chính ước nguyện của thi nhân, chỉ mong thơ là rơm rác, nguyện nhóm thêm lửa nghĩa hy sinh; để tinh thần xả thân cho Phật pháp của Bồ tát Thích Quảng Đức sống mãi. “Thi bá” của ông đã khắc tạc niềm tin tưởng trường tồn Đạo Phật trên quê hương Việt Nam.

LỬA TỪ BI SOI CHIẾU TÂM HỒN NHÂN LOẠI

Với Vũ Hoàng Chương, từ pháp nạn ở miền Nam Việt Nam, lửa truyền tinh anh khắp sáu ngã. Lửa từ bi Quảng Đức truyền tin toàn nhân loại, lay động không chỉ cộng đồng Phật giáo mà còn quảng đại loài người nói chung.

MỪNG PHẬT ĐẢN SANH

“Khắc bằng lửa vào lòng đậy lòng đậy
Nơi trái tim Bồ Tát truyền sang tình anh...
Cỏ cây nhập hội
Chim cá đồng thanh
Vần thơ sóng nổi
Đur âm nhiệt thành
Rằng: Xe Diệu Pháp ba ngàn cõi
Một cõi này thơm vết dấu tranh”.

(Bánh xe Diệu Pháp,
Saigon 11/1963)

Hương thơm đạo pháp được cất trữ ướp vào trong thi ca. Và thơ ca chỉ nguyện làm rom rác, cháy lên nổi lửa từ bi, thổi bùng mong ước của ngài Quảng Đức cầu nhân loại hòa bình. Thơ ca chuyên chở tâm lòng từ bi và tình thương to lớn của Đạo Phật dành cho nhân loại.

“Thơ cháy lên theo với lời Kinh;
Tụng cho nhân loại hoà bình
Trước sau bền vững tình huynh-đệ này”.

(Lửa từ bi)

Qua thi ca, thi sĩ họ Vũ chuyển tải tâm lòng ngài Quảng Đức khi nghe thấy “tiếng lòng trái đất” hụp lặn khổ đau. Đó là tiếng lòng kiếp người đau khổ rên xiết thảm thiết giữa cõi hoàn vũ bị vô minh chìm ngập trong bạo lực, xung đột, giết chóc. Và thơ ca Vũ Hoàng Chương cũng đã minh chứng sức soi chiếu của Phật pháp vào chúng sinh. Lửa từ bi phát tỏa ánh sáng tuệ giác vào lương tri nhân loại. Thế nên, biểu tượng ngài Quảng Đức không chỉ phản ánh vấn đề dân tộc Việt Nam trong chính trường Nam Việt Nam mà còn là vấn đề nhân bản rộng lớn. Ánh phản chiếu qua thi ca Vũ Hoàng Chương phần nào làm sáng tỏ giá trị nhân bản cao thượng này!

“Ôi, con đường tiến tới Lửa Từ Bi!
Nơi hào quang sáng rực;
Nơi trước đây vị thần tăng Quảng Đức
Tự đốt mình lên, tự huỷ mình đi
Cho cõi nhân sinh mát bóng Phật kỳ!”.

(Điệp khúc)

VÀI LỜI KẾT

Với cảm hứng Phật giáo, hồn thơ Vũ Hoàng Chương như được chuyển hóa trong sinh mệnh mới. Đạo Phật cơ hồ tiếp thêm nguồn sinh lực thuần khiết cho hồn thơ của ông vượt qua ảo mộng say sưa đến với ánh đạo vàng phơi phới rực rỡ hào quang. Những thi tập (như *Lửa từ bi*, *Ánh trăng đạo lý*, *Bút nở hoa*

đàm) biểu lộ hình tượng trí thức dần thân với tâm lòng nhiệt thành dành cho dân tộc, đất nước và đạo pháp. Nhờ đó, độc giả có thể thấy nhiều cách tân độc đáo trên phương diện thể loại, thi pháp, thi liệu, tứ thơ, cảm hứng,... Thơ ca Việt Nam hiện đại đã có một Vũ Hoàng Chương ủ mộng say thơ giữa khung trời tiền chiến, thì cũng hẳn có một “thi bá” nương bóng Phật kỳ.

Trong sự nghiệp thi ca của ông, những thi phẩm viết về Bồ tát Quảng Đức ít nhiều góp phần tạo dựng nên biểu tượng phong trào Phật giáo 1963 và “bia hùng lực” đáng nể của Phật giáo Việt Nam hiện đại, như Hòa thượng Thích Thiện Hoa từng nói: “*Cuộc tranh đấu anh dũng của Phật giáo vừa qua, không những làm cho thế giới kính nể Phật giáo Việt Nam, mà còn làm cho thế giới kính nể dân tộc Việt Nam*”[6]. Qua thơ ca, Vũ Hoàng Chương càng khêu sáng biểu tượng Bồ tát Quảng Đức như ‘tâm bia hùng lực’ kết tinh kim cương từ trí tuệ Phật Đà, tinh thần dân tộc và tình nhân loại rộng lớn.

Chú thích

- [1] Nam Thanh (1964), *Cuộc tranh đấu lịch sử của Phật giáo Việt Nam*, Saigon, Linh Sơn Nghiên cứu Phật học Hội xuất bản, tr.5.
- [2] Thích Thông Bửu (1967), *Diễn văn Kỷ niệm Đệ ngũ chu niên ngày cố Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu*, *Tạp chí An Lạc* số 13 (30/5/1967), tr.11.
- [3] Nam Thanh (1964), *Sdd*, tr.18.
- [4] Trương Thiện (1967), *Nói dối*, *Tạp chí An Lạc* số 12 (15/5/1967), tr.1.
- [5] Trụ Vũ (1966), *Lửa thiêu ngày 20 tháng 8*, *Tạp chí An Lạc* số 2, tr.50-51.
- [6] [3] Nam Thanh (1964), *Sdd*, tr.4.

Tài liệu tham khảo

1. Thích Thông Bửu (1967), *Diễn văn Kỷ niệm Đệ ngũ chu niên ngày cố Hòa Thượng Quảng Đức tự thiêu*, *Tạp chí An Lạc* số 13 (30/5/1967), tr.8-14.
2. Vũ Hoàng Chương (1963), *Lửa từ bi (thơ)*, Saigon, Đoàn thanh niên Tăng Ni xuất bản.
3. Vũ Hoàng Chương (1966), *Ánh trăng đạo lý (thơ)*, Saigon, Nha Tuyên úy Phật giáo ấn hành.
4. Vũ Hoàng Chương (1967), *Bút nở hoa đàm (thơ)*, Saigon, Vạn Hạnh xuất bản.
5. Nam Thanh (1964), *Cuộc tranh đấu lịch sử của Phật giáo Việt Nam*, Saigon, Linh Sơn Nghiên cứu Phật học Hội xuất bản.
6. Trương Thiện (1967), *Nói dối*, *Tạp chí An Lạc* số 12 (15/5/1967), tr.20-26.
7. Trụ Vũ (1966), *Lửa thiêu ngày 20 tháng 8*, *Tạp chí An Lạc* số 2, tr.50-51.



PHẬT GIÁO &
THỜI ĐẠI



Sas-tra Slac Rit hay thường gọi là Kinh Lá Buông là loại sách cổ, sách quý hiếm người Khmer chế tác nhằm để ghi chép phục vụ mọi sinh hoạt trong đời sống thể tục và tín ngưỡng-tôn giáo. Trải qua nhiều thế kỷ, nhưng sách Lá Buông vẫn còn tồn tại với thời gian và không gian. (Ảnh: baodantoc.vn)

BỐI CẢNH RA ĐỜI VÀ GIÁ TRỊ CỦA SAS-TRA SLAC RIT -

“SÁCH LÁ

LTS: Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật giáo trân trọng giới thiệu bài viết *Bối cảnh ra đời và giá trị của Sas-tra Slac Rit - “Sách Lá Buông”* của Hòa thượng Tiến sĩ Danh Lung. Bài viết là tham luận trích từ Hội thảo Khoa học bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Kinh Lá Buông, do Ban Thường trực Hội đồng Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam phối hợp cùng Ban Tôn giáo Chính phủ, Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam tỉnh An Giang, Sở Nội vụ - Ban Tôn giáo tỉnh An Giang và Trường Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh đồng tổ chức vào ngày 11/5/2023 tại tỉnh An Giang.

Tóm tắt:

Sas-tra Slac Rit hay thường gọi là Kinh Lá Buông là loại sách cổ, sách quý hiếm người Khmer chế tác nhằm để ghi chép phục vụ mọi sinh hoạt trong đời sống thế tục và tín ngưỡng-tôn giáo. Trải qua nhiều thế kỷ, nhưng sách Lá Buông vẫn còn tồn tại với thời gian và không gian. Đây là loại sách mà người Khmer xem là báu vật, là vật linh thiêng lưu giữ tại các chùa Khmer, các nhà của các vị Achar; sách ghi chép những nội dung có giá trị thiết thực trong đời sống tinh thần lẫn giáo dục, cần được nghiên cứu sâu hơn để bảo tồn và phát huy những giá trị vốn có.

Từ khóa: sách cổ, giá trị, báu vật, linh thiêng, văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo.

DẪN NHẬP

Sách Lá Buông là loại sách cổ quý hiếm, đã hình thành từ lâu tại các nước Nam Á và Đông Nam Á, để ghi chép kinh điển của Đức Phật, kinh thánh của Bà la môn giáo và ghi chép những điều quan trọng trong cuộc sống. Đây là loại sách có giá trị rất đặc biệt. Những giá trị đó không chỉ là công cụ đơn thuần ghi



Những loại sách Lá Buông đã đề cập có nội dung có giá trị giáo dục rất cao. Những giá trị giáo dục đó không chỉ dừng lại ở phương pháp dạy học như: ngữ pháp, ngữ căn hay cách viết văn vần văn xuôi, mà giá trị giáo dục ở đây là qua các loại sách Phật giáo, sách kinh thánh Bà la môn hay sách văn học dân gian, sách giáo huấn, ... mà còn ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách, đối nhân xử thế, vun trồng đạo đức lối sống, hình thành tư duy kiểm soát hành vi như ăn hiền ở lành, sống hòa nhã, hay hình thành tinh thần trách nhiệm tình yêu thương đối với bản thân, gia đình, dân tộc và cộng đồng xã hội...

BUÔNG”

HT. Danh Lung*

chép nội dung kinh điển của Đức Phật hay thường gọi là Kinh Lá Buông, mà thực tế giá trị của nó còn thể hiện qua nhiều phương diện khác nhau, từ đạo đến đời, từ lịch sử đến văn hóa, kỹ thuật đến thẩm mỹ, từ văn phong đến tâm hồn ẩn chứa trong đó. Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ xin làm rõ thêm về nguồn gốc và một vài giá trị của sách Lá Buông.

NGUỒN GỐC

Tiếng Khmer gọi loại hình văn bản này là Sas-Tra Slác Rit. Theo từ điển tiếng Khmer của nhà xuất bản Viện Phật học: Sas-Tra có từ gốc là Sas-(stra) nghĩa là quy tắc, nguyên tắc, quy ước, lời chỉ dạy, lời hướng dẫn,... rồi biến thành Sas-Tra hay SaTra (dùng cho bộ kinh hay luật tục ghi bằng Lá Buông). Theo Từ điển Khmer-Việt của nhà xuất bản Chính trị Quốc gia Sự thật thì Sas-(stra) nghĩa là sách, sách kinh, sách về luật lệ, sách văn học... còn Slác Rit thì từ S'lac nghĩa là lá và từ Rit nghĩa là ép; Slác Rit nghĩa là lá ép. Theo Từ điển tiếng Khmer đó là lá cây Trăng cùng họ với thốt nốt hay cọ ta, kè ta, cọ lùn (*Livistonarotundifolia*) (tên khoa học: *Corypha lecomtei*), tiếng Việt gọi là Lá Buông. Nhưng vì quá trình chế tác phải qua công đoạn Rit nghĩa là ép Lá Buông, nên người Khmer gọi tên sách gắn liền với cách chế tác thành: Sas-Tra Slác Rit, tiếng Việt thường gọi Kinh Lá Buông. Vì là loại sách nên sách Lá Buông cũng có chức năng như bao nhiêu loại sách giấy khác, nó không chỉ đơn thuần ghi chép kinh điển Đức Phật, thường gọi là kinh Lá Buông hay ghi chép kinh thánh Bà la môn giáo dẫn đến ngộ nhận, làm cho ý nghĩa và giá trị thực tế vốn có của nó hạn hẹp. Thực tế sách Lá Buông còn ghi chép nhiều nội dung từ tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa lễ hội đến truyện dân gian, lời giáo huấn cũng như các sự kiện diễn ra trong đời sống hằng ngày. Ngày xưa cũng như ngày nay, người Khmer xem sách Lá Buông là báu vật linh thiêng, là tài sản trí tuệ của các bậc tiền nhân để lại.

Người Khmer Nam Bộ và người Khmer Campuchia có cùng dân tộc, văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo và tiếng nói chữ viết. Ngoài văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo bản địa từ xa xưa thì người Khmer còn tiếp biến văn hóa, tín ngưỡng tôn giáo của các nước như Ấn Độ từ những thế kỷ trước Công nguyên. Đối với chữ viết, nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đa số thừa nhận người Khmer có tiếp biến ký tự, mẫu chữ Brahmi miền Nam Ấn Độ thời Pallava, kết hợp với sự sáng kiến của mình đã chuyển thành ký tự mẫu chữ Khmer để ghi chép văn hóa, kinh thánh Bà la môn, kinh điển của Phật giáo

và những sự kiện khác diễn ra trong đời sống thường ngày của người Khmer.

Bước đầu người Khmer khắc ghi trên bia đá vào khoảng thế kỷ thứ I-II [1]; tiếp theo là ghi chép trên da động vật, trên Lá Buông hay vỏ cây Tràm. Sách/kinh Lá Buông ra đời là một dấu mốc một bước ngoặt lịch sử của sự phát triển người Khmer xưa; dấu mốc và bước ngoặt lịch sử đó không chỉ là sự kế thừa, phát triển ghi chép ký tự mẫu chữ theo bia đá mà còn là sự sáng tạo, là tư duy thẩm mỹ, chắc bền, thông dụng và linh hoạt. Sự sáng tạo và chắc bền là biết vận dụng những loại lá thiên nhiên vô tri vô giác mọc hoang dã trên núi hay trong rừng, qua khối óc sáng tạo chế tác biến thành của có giá trị và chắc bền để đi theo người Khmer cùng thời gian và không gian.

Sự sáng tạo còn ở chỗ biết chọn lọc cải biến các ký tự, mẫu chữ vay mượn kết hợp với những gì đã có, biến thành ký tự mẫu chữ mềm mại uyển chuyển hoàn toàn của người Khmer. Tính thẩm mỹ bởi sách Lá Buông không phải hoàn toàn ghi chép theo ký tự mẫu chữ trên bia đá của thời Phù Nam hay thời tiền Angkor hoặc thời Angkor, nhưng nó đã cải cách dần dần mẫu chữ ký tự thành thẩm mỹ dễ đọc, đều đặn uyển chuyển mềm mại; cải cách văn phong để dễ hiểu dễ nhớ thu hút sự chăm chú người học. Nó thông dụng và linh hoạt là bởi khi ghi chép trên bia đá nó chỉ thông dụng cho giới vua chúa quan thần trong thành học tập, nhưng khi chuyển sang ghi chép trên sách Lá Buông nó thông dụng cho các tầng lớp trong xã hội nghiên cứu học tập, dễ cất giữ, dễ di chuyển khi cần thiết. Sách Lá Buông là dụng cụ ghi chép, chuyển tải hai văn hóa du nhập từ Ấn Độ và những tín ngưỡng tôn giáo bản địa, những sự kiện diễn ra trong xã hội người Khmer.

Mặc dù bước đầu ghi chép bằng ngôn ngữ Sankrit hay ngôn ngữ Pali hoặc ngôn ngữ Khmer xưa, nhưng sách Lá Buông đã được xã hội người Khmer đón nhận và phổ biến từ rất sớm. Bởi người Khmer là tộc người có khối óc sáng tạo, có tư duy thẩm mỹ, có ý chí vươn lên đã từng kiến tạo nhiều công trình vĩ đại có tuổi đời hàng ngàn năm để lại cho con cháu tới ngày hôm nay và mai sau, thì chắc chắn rằng qua tiếp biến văn hóa phi vật thể của hai tôn giáo lớn người Khmer sẽ nghiên cứu học hỏi biết cách chế tác Lá Buông, biết cách viết chữ/khắc chữ trên Lá Buông từ thời mới nhập hoặc chỉ muộn hơn chút ít. Như vậy, mặc dù sách Lá Buông từ thời mới du nhập, mới biết chế tác biết sử dụng không



Tính thẩm mỹ bởi sách Lá Buông không phải hoàn toàn ghi chép theo ký tự mẫu chữ trên bia đá của thời Phù Nam hay thời tiền Angkor hoặc thời Angkor, nhưng nó đã cải cách dần dần mẫu chữ ký tự thành thẩm mỹ dễ đọc, đều đặn uyển chuyển mềm mại; cải cách văn phong để dễ hiểu dễ nhớ thu hút sự chăm chú người học. (Ảnh: Hội thảo khoa học “Bảo tồn và phát huy giá trị Di sản văn hóa phi vật thể Kinh Lá Buông” - phunuonline.com.vn)

còn, đồng thời ngoài sách Lá Buông hiện không có sách nào khác có niên đại sớm hơn bởi nhiều lý do khách quan và chủ quan, như nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước khi nghiên cứu về văn hóa Khmer đã nhận định. Nhưng chúng ta có thể nói rằng: Sách Lá Buông đã hình thành trong xã hội Khmer chỉ muộn hơn không lâu so với hai dòng văn hóa tôn giáo truyền bá vào đây, hoặc không muộn hơn nhiều so với khi người Khmer vay mượn kí tự, mẫu chữ Brahmi của miền nam Ấn Độ chuyển sang ký tự mẫu chữ của người Khmer, để sử dụng rộng rãi từ đó đến nay.

Mặc khác, lịch sử cho thấy sách Lá Buông ra đời và lưu truyền trong bối cảnh đất nước đang diễn ra chiến tranh và chuyển đổi tín ngưỡng tôn giáo liên miên. Theo nhiều nhà nghiên cứu như: GS. Miseltrane, GS. Georges Coedès hay GS.TS. Tỳ kheo Pang Khắt, xã hội người Khmer xưa khi vua chúa theo Bà la môn giáo thì quan thần và người dân theo Phật giáo theo tín ngưỡng dân gian hoặc ngược lại,... rồi qua nhiều đời vua đã có những vị mặc dù theo tôn giáo hoặc theo hệ phái khác của Phật giáo nhưng vẫn tôn trọng tôn giáo tín ngưỡng hay hệ của quan thần cũng như của người dân đang theo. Có những vị vua thì ngược lại, bản thân theo tôn giáo nào thì muốn các quan thần và người dân cùng theo tôn giáo hệ phái đó, có khi không tôn trọng những tín ngưỡng tôn giáo hoặc hệ phái mà quan thần cũng như người dân đang theo, dẫn đến sự xung đột

tín ngưỡng tôn giáo, xung đột trong hệ phái Phật giáo. Cho nên, mỗi khi chiến tranh, mỗi khi xung đột diễn ra là mỗi khi văn hóa vật thể, phi vật thể bị phá hủy hay bị lấy đi nơi khác, kể cả tượng thờ trong đền hay trên vách đền cũng bị phá hủy bị lấy đi, không muốn để lại dấu tích gì trong xã hội người Khmer.

Một việc cụ thể khác, chỉ riêng các chùa Khmer các nhà người Khmer ở Nam bộ có sách Lá Buông đều rơi vào tình trạng đó. Vận mệnh sách Lá Buông cũng không ngoại lệ mỗi khi có chiến tranh xảy ra, ngoại trừ một số chùa còn lưu giữ lại. Đến khi đất nước thanh bình, tín ngưỡng tôn giáo, văn hóa lễ hội được trân trọng, ý thức trách nhiệm nâng cao thì một số nước đã gửi trả tài sản văn hóa cho người Khmer, trong đó có sách Lá Buông được các viện, các chùa Khmer cất giữ thận trọng để nghiên cứu học tập. Theo GS. Miseltrane trong quyển “Văn hóa Văn minh - Nền tảng Văn minh Khmer” trong mục nói về nguyên nhân suy đồi ngôn ngữ Sankrit có đề cập: “Sách được viết bằng ngôn ngữ Sanskrit trên Lá Buông và da động vật sau thời vua Jayavaraman VII (PL 1724-DL 1181) đã bị hư và bị phá hoại, nguyên nhân do Phật giáo Theravada không dùng ngôn ngữ Sanskrit, chuyển sang dùng ngôn ngữ Pali nên ít được lưu tâm. Mặc khác, ngôn ngữ Sanskrit lúc bấy giờ được xem là ngôn ngữ quý chỉ dùng trong thành, dành cho vua chúa hay các đại thần hoặc các đạo sĩ Bà la môn, không thông dụng trong quần chúng

nhân dân” [2]. Như vậy, học giả này cũng ghi nhận sách Lá Buông đã có từ khi người Khmer tiếp biến văn hóa của hai tôn giáo lớn từ Ấn Độ.

Theo GS. Côm-pha Sết trong bài giảng về chữ Khmer cổ và GS. Trâng Nghea trong Văn minh Khmer, xuất bản năm 1974, tr.106 cũng khẳng định như GS. Miseltrane: “*Sách Lá Buông đã có từ xưa nhưng bị phá hủy bởi chiến tranh, bởi xung đột tôn giáo*”. Và trong Lịch sử Chữ Khmer của GS ngôn ngữ Khmer Leang Hấp An cũng khẳng định chỉ riêng lĩnh vực sáng tác văn học: “*Sau thời Ăng Kor 1336 đến ngày nay, các nhà sáng tác, các nhà thơ vẫn tiếp tục sáng tác ghi chép trên bia đá và Lá Buông. Chỉ tiếc do chiến tranh diễn ra liên miên, nên sách Lá Buông hoặc bị đốt hoặc bị lấy đi nơi khác, hiện nay chỉ còn một số sách cổ được lưu giữ ở Viện Phật giáo, trong số sách này có sách truyện Sas-Tra Jiyatot của tác giả Cô có nội dung ghi về niên đại Ekaāsappanā mà cho đến nay các nhà nghiên cứu chưa thống nhất*”. Theo GS. Nhóc Them phân tích câu từ trong sách truyện Jiyatot thì “*ghi là Ekaāsappanā câu hai không vần với câu đầu, nên ghi là Ekabāsaptacha hay Ekadvāsaptacha nghĩa là 1276 và DL 1354 và nếu như vậy thì có niên đại hơi lâu*”. Như vậy, GS. Leang Hấp An cũng thừa nhận sau thời Angkor thì người Khmer vẫn tiếp tục thực hiện việc ghi chép trên bia đá và trên Lá Buông như những thời trước Angkor, khẳng định những sách Lá Buông có trước đó do chiến tranh bị phá hủy hay bị lấy đi nơi khác [3]. Đặc biệt, theo báo cáo của ông Chiêu-Tà-Cuôn sứ thần Trung Hoa đã đến MahāNokor đất nước Khmer xưa hồi PL. 1839 - DL. 1296 có ghi rằng: “*Thấy có Tỳ kheo cạo tóc, có tam y màu vàng, mặc y hở vai phải kín vai trái, đi chân không, chánh điện lợp ngói, trong chánh điện có Pô Lai: Phật là tượng Phật Sakyamuni, tượng Phật trong chánh điện làm bằng đồng đen; không có chuông trống, ăn thịt cá, không uống rượu, ăn một ngày một bữa; trong chùa không có nhà bếp, Tỳ kheo hay Sa di đi khát thực, tụng kinh, kinh điển khắc trên Lá Buông; vua trao đổi các việc lớn với Tỳ kheo, không có Tỳ kheo Ni*” [4].

Mặt khác, ngoài nguồn thư tịch ghi nhận bối cảnh ra đời của sách Lá Buông được đề cập và không đề cập ở đây, nếu so sánh về phương diện văn phong, ký tự, mẫu chữ khắc trong sách Lá Buông còn lưu giữ đến nay, cụ thể như trong sách Tīkājīnālāṅkāra xuất bản năm PL. 2359 - DL. 1816 lưu giữ ở chùa Candaraṅṣī (nay thuộc TP. Hồ Chí Minh), thì thấy gần giống như

ký tự và văn phong khắc trên bia đá của thời Angkor và trước đó. Ví dụ như từ đáng thương, hải lòng hay từ vậy, cũng vậy,...

Như vậy, dù sách Lá Buông cổ bị phá hủy hay thất lạc do chiến tranh hoặc vì nguyên nhân khác và đến nay chưa khảo sát đầy đủ các loại sách Lá Buông hiện có trong các chùa Khmer nói chung và trong các chùa Khmer ở Nam Bộ nói riêng, có sách Lá Buông nào có niên đại sớm hơn sách Tīkājīnālāṅkāra hay không hoặc sớm hơn bao lâu, nhưng những gì chúng ta được biết qua thư tịch và qua cách so sánh văn phong, ký tự mẫu chữ thì những dữ liệu giúp chúng ta tự tin nói rằng: Sách Lá Buông ra đời là một dấu mốc lịch sử của sự phát triển, kế thừa và phát huy cách khắc ghi trên bia đá của những thời tiền Angkor. Sách Lá Buông không chỉ có giá trị về bối cảnh hình thành mà còn có giá trị về học thuật về giáo dục cộng đồng - xã hội của người Khmer xưa, là báu vật quý hiếm, là vật thể linh thiêng, là trí tuệ sáng tạo và kinh nghiệm mà các bậc tiền nhân để lại cho hậu thế hôm nay và mai sau. Vì vậy, chúng ta cần có trách nhiệm bảo tồn và phát huy những giá trị vốn có của nó.

NHỮNG GIÁ TRỊ TIÊU BIỂU

Giá trị nghệ thuật khắc chữ

Từ lá của loài cây vô tri vô giác như đã trình bày, nhưng khi qua kỹ thuật điêu luyện, tư duy thẩm mỹ và sự tinh túy toàn tâm toàn ý thì người Khmer xưa đã thổi hồn vào từng ký tự, từng nét chữ, từng ngôn từ văn phong in đậm trên trang sách Lá Buông. Lật lên từng trang sách, chúng ta thấy từng dòng chữ ngay ngắn, từng nét chữ đều đặn mềm mại sống động như linh hồn dân tộc hiện lên trên từng trang sách một cách gần gũi, thân thiện và không hề có chút gì xung khắc, mâu thuẫn và xa cách. Đây là nghệ thuật, là tư duy thẩm mỹ của người Khmer xưa bắt nguồn từ tinh thần yêu dân tộc, yêu cuộc sống thanh bình, yêu sự tiến bộ và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng. Những nét chữ đều đặn, mềm mại, sống động đó bắt nguồn từ đam mê, sự kiên trì và tỉ mỉ, là sự say mê tập trung toàn tâm toàn ý hay đúng hơn đó là chánh niệm lắng lòng khi thực hiện khắc lên từng nét chữ không để sai sót chút nào, lắng lòng chọn từng văn phong khắc lên thành câu vừa có ý nghĩa sâu sắc, vừa dễ đọc dễ hiểu. Nghệ thuật khắc chữ trong sách Lá Buông không khác gì trong nghệ thuật hội họa, được các nghệ nhân trau chuốt từng đường nét, phối màu và hài hòa giữa nhân vật với phong cảnh. Văn phong hiện lên trên trang

sách rất chuẩn mực, phản ánh trung thực theo kinh điển Đức Phật và trung thực môi trường sống, ý chí và nghị lực vươn lên. Đây thật sự là hồn cốt của dân tộc người Khmer xưa vẫn theo từng bước chân đi của thế hệ hôm nay và mai sau. Mặt khác, qua nghệ thuật khắc chữ trên Lá Buông của mỗi loại sách, mỗi thời điểm khắc chữ khác nhau nó không chỉ giúp chúng ta biết được niên đại, mà còn cho thấy hoàn cảnh đời sống của ngày xưa, sống đúng theo chuẩn mực và sự uơm mầm tình yêu dân tộc mà các bậc tiền nhân truyền dạy. Theo Hòa thượng Phó Pháp chủ Châu Ty là nghệ nhân khắc chữ tiêu biểu hiện nay: *“Muốn khắc chữ trên Lá Buông trước hết phải có tinh thần yêu dân tộc, yêu văn hóa, phải là người có mắt sáng, vì khi khắc chưa hiện lên thành chữ; tiếp đến là công đoạn chế tác Lá Buông cho tốt, chọn kim (đéc char) cho vừa để dễ cầm; phải tập viết chữ cho đẹp cho đều và khi khắc phải ngồi đúng thế, tâm hồn phải thoải mái và tập trung không để phân tâm. Khắc xong bôi lọ pha dầu thực vật trên mặt Lá Buông rồi lao cho sạch thì mới hiện chữ; sau cùng là biết cách đóng thành bộ sách Lá Buông”*.

Ngoài ra, những gì Hòa thượng kể lại không chỉ giúp chúng ta thấy được giá trị mỹ thuật khắc chữ trên sách Lá Buông, mà còn cho thấy những giá trị phương pháp giáo dục của người Khmer xưa, những giá trị đó sẽ chuyển hóa người học hình thành nhân cách, đạo hạnh lối sống và ý chí kiên trì; hình thành tư duy thẩm mỹ và tinh thần yêu văn hóa yêu dân tộc. Từ nghệ thuật khắc chữ người học sẽ có nghị lực vượt khó trong cuộc sống, kiên trì tu luyện theo chuẩn mực chuẩn tắc, kiến tạo đời sống của mình tốt đẹp và có giá trị, chọn cách sống hòa nhã tràn đầy tình yêu thương trong gia đình và cộng đồng xã hội.

Giá trị vật chất

Mặc dù cây Lá Buông (cây Trắng) là loại cây mọc hoang dã trong rừng núi, nhưng nó là loại cây cứng và bền chắc, hóa thành sản phẩm để phục vụ đời sống như lấy thân cây để làm xuống, làm bàn ghế sử dụng thì chịu đựng nắng mưa lâu dài. Lá Buông rất bền chắc và dẻo, có nhiều công dụng trong đời sống, người Khmer xưa lấy lá Buông dùng để làm vách nhà, để lợp mái nhà, mái chuồng trâu, bò hay làm tổ cho dơi đậu lấy phân trồng trọt,... Đặc biệt, khi người Khmer sáng kiến chế tạo lá Buông thành công cụ để ghi chép trong học thuật cũng như ghi chép các sự kiện trong cuộc sống thường ngày, thì ý nghĩa và giá trị của nó càng được nâng lên gấp trăm

ngàn lần. Đó là ý nghĩa và giá trị của một vật chất được chế tạo từ lá cây mọc hoang dã trong rừng núi trở thành một vật thể văn hóa, ghi chép các loại văn học, lời giáo huấn hay lời cầu khẩn phục vụ giáo dục hoặc nghi lễ lễ hội tín ngưỡng tôn giáo. Nó còn là vật thể linh thiêng, là báu vật quý hiếm được người Khmer nói chung, người Khmer Nam bộ nói riêng và một số tộc người ở Nam - Đông Nam Á trân trọng, dùng ghi chép kinh điển Đức Phật. Họ quý trọng bởi nhờ lá Buông mà người sau được biết lịch sử, văn hóa văn học, phong tục tập quán hay những kinh nghiệm sống, sự kiện diễn ra trong đời sống thường ngày của bậc tiền nhân. Họ xem lá Buông là báu vật, là vật thể linh thiêng bởi trong sách Lá Buông còn ghi chép những kinh thánh của Bà la môn giáo, những bùa ngải, những nghi thức cúng kiếng và đặc biệt là kinh điển Đức Phật,... nhờ báu vật, nhờ vật thể linh thiêng đó đã giúp họ sống đúng theo chuẩn mực, dù là người thành thị hay giới nông dân thấp kém đều có đạo đức tốt, biết yêu thương giúp đỡ lẫn nhau, cuộc sống an lạc, hạnh phúc và được cộng đồng xã hội quý trọng.

Giá trị tinh thần

Như đã nói, Kinh Lá Buông gọi cho đúng là sách Lá Buông mới phản ánh đầy đủ ý nghĩa, giá trị và chức năng vốn có. Đây còn là một loại thư tịch cổ, là văn hóa phẩm người Khmer nói chung và người Khmer Nam bộ nói riêng. Vì là sách, là thư tịch và là văn hóa phẩm ghi chép nhiều nội dung có giá trị, nên sách Lá Buông ngoài có ý nghĩa và giá trị về vật chất, còn có ý nghĩa và giá trị học thuật, kinh nghiệm sống, giá trị đời sống tinh thần về tình yêu thương giữa con người với con người, giữa con người với thiên nhiên và động vật. Những giá trị đó được phản ánh qua từng loại sách là:

Sas-tra Phật giáo

a/ Sas-Tra Trey-bey-đok (Kinh Tam tạng) là lời dạy của Đức Phật gồm 84.000 pháp môn chia thành 3 tạng là: Kinh tạng, Luật tạng và Luận tạng.

b/ Sas-tra Thom-ma-bot-tát-thă-ka-tha (Kinh Pháp Cú) gồm 8 tập xếp theo mẫu chuyện của Đức Phật giáo huấn đến các Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, các bậc đế vương đến dân chúng người nô tỳ trong xã hội Ấn Độ xưa.

c/ Sas-tra Thom-ma-cót-Thom-ma-tras (Kinh đản sanh-thành đạo) là những kinh nói về cuộc đời và sự nghiệp, đạo hạnh của Đức Phật, từ khi đản sanh, thành đạo đến nhập Niết bàn.

d/ Sas-tra Chea-Đok (Phật tích) nói về tiền kiếp của Đức Phật khi còn là vị Bồ tát.

Sas-tra Pa-vê-ney (sách truyện dân gian)

Là những mẫu truyện dân gian, truyện cười, truyện ngụ ngôn hay lời giáo huấn viết theo thể loại tục ngữ, truyện ngắn, ... mang ý nghĩa giáo dục và kinh nghiệm trong đời sống thường ngày.

a/ Sas-tra Ruong (sách truyện): là những truyện kể, truyền thuyết trong dân gian của người Khmer xưa.

b/ Sas-tra Ch'báp (sách giáo huấn): là những lời giáo huấn về chuẩn mực chuẩn tắc được viết dưới dạng thể thơ hay câu tục ngữ, nhằm răn dạy cách sống, cách làm người và giáo dục lòng yêu thương giữa người với người, ...

c/ Sas-tra Ka-tê-lôk (sách truyện đối nhân xử thế): là loài truyện ngắn, hài hước, nhưng cũng mang tính giáo dục cao.

d/ Sas-tra L'bok (sách truyện kể về sai lầm): là những truyện thường mượn con vật thay thế nhân vật chính, một con vật thì khôn ngoan một con vật thì ngu dốt, như truyện Phê nung Cho-chot: con Rái cá với Chó sói, ...

e/ Sas-tra L'beng (sách trò chơi vui đùa): là những truyện ngắn hay những trò chơi vui đùa nhằm để thư giãn, giải trí.

f/ Sas-tra Ch'môs-th'năm (sách tên thuốc chữa bệnh): là những tên thuốc dân gian qua kinh nghiệm trong cuộc sống.

g/ Sas-tra Yon Ka-tha (sách lá bùa): là những sách về hình thức niềm tin như các lá bùa, bùa ngải của người Khmer đã có từ lâu đời.

k/ Sas-tra Ch'môs sất (sách tên động vật): là những sách viết về các loài động vật như: Ton-sai: Thọ, Kon-dô: Chuột, Ch'ke: Chó, ...

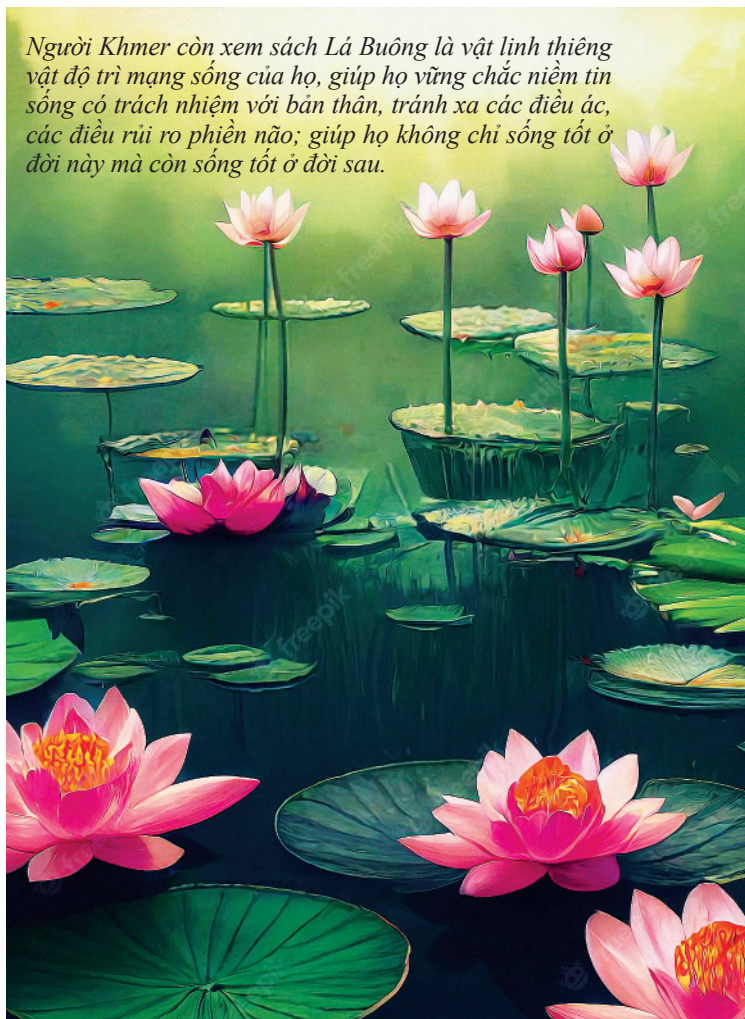
Sas-tra Sâk sa (sách dạy học)

Là các bộ sách thuộc nhóm dành nghiên cứu học tập về lĩnh vực tôn giáo học và thế học như: Vey-dia-kor Pali (ngữ pháp Pali), Thea-tu-song-k'rôs (ngữ căn Pali), ... Nhìn chung, những loại sách kể trên và những sách khác thuộc Lá Buông chưa đề cập đầy đủ thì đều được người Khmer xem là báu vật, có giá trị bằng hoặc hơn các loại báu vật khác trong đời sống của họ. Những chùa, những nhà có sách Lá Buông không chỉ là tài sản vật chất mà nó còn là tài sản ảnh hưởng đến tinh thần của người Khmer nói chung và người Khmer Nam Bộ nói riêng; bởi những nội dung trong sách Lá Buông còn là tài sản trí tuệ, tài sản về kinh nghiệm sống được các bậc tiền nhân của họ đúc kết từ hàng trăm hàng ngàn năm trước để lại. Những tài sản đó đã giúp cho họ có nghị lực, có trí lực có đầy đủ niềm tin

đôi phó với những khó khăn, thách thức trong cuộc sống, những tài sản đó còn là động lực để họ vững bước kiến tạo đời sống an lành, gia đình hạnh phúc, xã hội được bình yên.

Song song, người Khmer còn xem sách Lá Buông là vật linh thiêng vật độ trì mạng sống của họ, giúp họ vững chắc niềm tin sống có trách nhiệm với bản thân, tránh xa các điều ác, các điều rủi ro phiền não; giúp họ không chỉ sống tốt ở đời này mà còn sống tốt ở đời sau. Bởi trong sách Lá Buông ghi chép những kinh điển Đức Phật, lời dạy của bậc toàn giác, những lời dạy đó là pháp tu để giải thoát để chuyển hóa từ u mê đến với giác ngộ, chuyển hóa từ khổ não đến an lạc, chuyển hóa từ bệnh tật bởi tham, sân, si, danh, lợi và tà pháp đến với từ, bi, hỷ, xả đến với chánh pháp, đến với đời sống không vì tham, sân, si, không vì danh vì lợi mà tranh giành mà xung đột, ảnh hưởng đến tình đoàn trong gia đình trong dòng tộc và cộng đồng-xã hội. Hay đời sống không vì tham, sân, si không vì danh vì lợi mà trở thành người bất hiếu, người có cuộc sống không giá trị không ý nghĩa. Cho nên, ngày xưa mỗi khi có các lễ hội như tết Chol Chnam Thmay, lễ Vesak (Rằm tháng 4), lễ tang hay lễ báo hiếu, ... người Khmer

Người Khmer còn xem sách Lá Buông là vật linh thiêng vật độ trì mạng sống của họ, giúp họ vững chắc niềm tin sống có trách nhiệm với bản thân, tránh xa các điều ác, các điều rủi ro phiền não; giúp họ không chỉ sống tốt ở đời này mà còn sống tốt ở đời sau.



luôn thính chur Tăng thuyết giảng kinh trong sách Lá Buông. Trước khi thuyết giảng, họ còn đọc sách Lá Buông trên đầu và phát tâm cầu nguyện trước bàn thờ Phật, ông bà tổ tiên. Họ nguyện hồi hướng phước này đến tổ tiên, chia phước này đến thân nhân và chúng sinh còn hiện tiền đều được an lạc và cầu nguyện cho bản thân và gia đình hạnh phúc, tai qua nạn khỏi.

Ngoài sách kinh điển Đức Phật thì sách Lá Buông còn chép kinh thánh Bà la môn giáo, đó là những kinh và những nghi thức thờ cúng các vị thần như thần Shiva mà người Khmer gửi gắm niềm tin trong đó. Bên cạnh kinh thánh, sách Lá Buông còn ghi chép những bùa ngải và những niềm tin, nghi thức dân gian khác như: nghi thức và những bài cầu nguyện cúng A rắc Neak ta, cúng K'rong Pea-li,... Những niềm tin đó luôn in đậm trong tâm thức của họ. Họ tin rằng những sách Lá Buông luôn hiện hữu linh nghiệm của bùa ngải hay hiện hữu linh nghiệm của A rắc Neak ta. Những linh nghiệm đó sẽ theo hộ trì giúp họ vượt qua khó khăn và được hưởng sự an lành trong cuộc sống. Cho nên, gia đình người Khmer và các chùa Khmer luôn cất giữ sách Lá Buông nơi trang nghiêm và không dám mang sách vào nơi dơ bẩn ô uế.

Giá trị giáo dục

Những loại sách Lá Buông đã đề cập có nội dung có giá trị giáo dục rất cao. Những giá trị giáo dục đó không chỉ dừng lại ở phương pháp dạy học như: ngữ pháp, ngữ căn hay cách viết văn vần văn xuôi, mà giá trị giáo dục ở đây là qua các loại sách Phật giáo, sách kinh thánh Bà la môn hay sách văn học dân gian, sách giáo huấn,... mà còn ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách, đối nhân xử thế, vun trồng đạo đức lối sống, hình thành tư duy kiểm soát hành vi như ăn hiền ở lành, sống hòa nhã, hay hình thành tinh thần trách nhiệm tình yêu thương đối với bản thân, gia đình, dân tộc và cộng đồng xã hội...

Qua những ảnh hưởng đó sẽ làm cho người học trở thành người tốt, người có ích trong xã hội. Ngoài ra, sách Lá Buông còn có giá trị giáo dục kinh nghiệm sống, giáo dục cách làm ăn làm giàu chính đáng, cách sống chân thật hiền hậu, không tham lam dối trá; giáo dục hình thành tinh thần trân trọng và cách bảo vệ môi trường, biết sống gần gũi với thiên nhiên yêu thương các động vật. Song song, sách Lá Buông còn giáo dục người Khmer cách chăm sóc và bảo vệ sức khỏe cho bản thân và xã hội, biết tận dụng dược liệu sẵn có để

chữa trị các bệnh tật. Đây là kho tàng giá trị giáo dục được các bậc tiền nhân đúc kết từ thực tế trong cuộc sống có tính nhân văn cao, có khả năng ảnh hưởng và chuyển hóa người ác thành lương thiện, người xấu thành tốt, người lạ thành thân thiện và người tốt càng tốt càng có giá trị cao đẹp hơn.

Thực tế, những giá trị giáo dục này đã ảnh hưởng đến người Khmer khi xã hội Khmer còn phổ biến rộng rãi các loại sách Lá Buông. Trong các lễ hội hay lễ tang, tinh thần của người Khmer trong sáng niềm tin vững vàng, hành vi lành mạnh hòa nhã, gia đình đoàn kết, cộng đồng gắn chặt, xã hội yên bình. Ngày nay vì nhiều lý do khách quan và chủ quan, một số chùa và phum sóc người Khmer ít hoặc không còn phổ biến sách Lá Buông rộng rãi như xưa. Tầm giá trị sách Lá Buông không phát huy như trước. Đây là một hạn chế cần được khắc phục, để phát huy giá trị vốn có của sách Lá Buông trở thành văn hóa linh thiêng, là tài sản trí tuệ quý báu của các bậc tiền nhân để lại.

KẾT LUẬN

Sách Lá Buông hay gọi là kinh Lá Buông đã hình thành trong xã hội người Khmer từ lâu, nó luôn đi cùng người Khmer từ không gian và thời gian này sang không gian và thời gian khác. Sách Lá Buông là báu vật quý hiếm, là văn hóa phi vật thể chứa đựng nhiều nội dung có giá trị trong nhiều lĩnh vực: văn hóa-giáo dục, tín ngưỡng-tôn giáo và những kinh nghiệm trong cuộc sống người Khmer xưa. Mặc dù hiện nay chúng ta thường gọi là kinh Lá Buông có dẫn đến ngộ nhận sách Lá Buông chỉ ghi chép kinh điển Phật giáo hay không. Nhưng nếu chúng ta nghiên cứu sâu và nêu cao tinh thần trách nhiệm, có giải pháp bảo tồn và phát huy rộng rãi trong cộng đồng thì sách Lá Buông không có nghĩa hẹp, không mất đi giá trị vốn có, tiếp tục phát huy tác dụng, góp phần kiến tạo cuộc sống cá nhân và xã hội được bình yên hạnh phúc.

Chú thích và tài liệu tham khảo

- * Hòa thượng Tiến sĩ Danh Lung - Ủy viên Thư ký HĐTS GHPGVN, Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, Viện trưởng Phân viện Nghiên cứu Phật giáo Nam tông Khmer.
- [1] GS. Ngôn ngữ Khmer Leang Hấp An (1967), *Lịch sử chữ Khmer*, Nxb. Kim Êng, tr.5-26.
- [2] GS. Miseltrane (2013), *Văn hóa văn minh - Nền tảng văn minh Khmer*, Nxb. Phnom Pênh, tr.266-267.
- [3] GS. Leang Hấp An nhà ngôn ngữ Khmer (1967), *Lịch sử chữ Khmer*, Nxb. Kim Êng, tr.233-236.
- [4] Dẫn nguồn từ ngài Tỳ kheo Pang Khắt, *Lịch sử Phật giáo Campuchia*, tr. 109, xuất bản năm PL 2504-DL 1961.



Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra mô hình giáo dục Phật giáo thông minh, từ đó giúp việc học tập của Phật tử trở nên thuận tiện hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện thuận lợi để truyền đạt kiến thức và phát triển khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về thời gian cũng như không gian, tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả học tập.

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO ĐƯƠNG ĐẠI

Trong *Kinh Pháp Hoa*, phẩm Thảo Dụ, Phật dạy:

Ví dụ trong một trận mưa, nước mưa rơi xuống, thấm nhuần các chủng loại cỏ cây, cây lớn hút nước nhiều, cây nhỏ hút nước ít, song qua quá trình mưa xuống, tất cả đều hút nước và tươi tốt. Cũng vậy, trong buổi thuyết pháp của Đức Phật, có vô số chúng sanh nghe pháp, người trí nghe và hiểu pháp nhiều, người kém trí nghe và hiểu ít, song qua quá trình nghe pháp, mọi người đều nghe và lần lượt giải thoát”.

(HT. Thích Trí Tịnh dịch,
Nxb. Tôn giáo)

Phật giáo là một tôn giáo lớn của nhân loại. Đức Phật là một nhà giáo dục tuyệt vời, Ngài vận dụng khéo léo nguyên tắc khế lý, khế cơ, khế thời, khế xứ để chữa cho người bệnh khổ, cho mọi chúng sanh, như Ngài từng nói: *“Ta như vị lương y tùy bệnh cho thuốc”*. Vì vậy, trong giáo dục Phật giáo, phương pháp được áp dụng từ kinh nghiệm thực tế của sự tu tập nơi chính bản thân. Tùy theo căn tánh, trình độ, hoàn cảnh... mà Đức Phật có phương pháp giảng dạy cho đối tượng. Ví dụ người nặng lòng sân thì Phật dạy tu quán từ bi, người nhiều tham dục Ngài dạy pháp quán bất tịnh. Đây là phương pháp giáo dục đối trị.

Từ lời dạy của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Giáo đoàn Nguyên thủy đã kết tập nên cốt lõi của Phật giáo là Kinh tạng và Luật tạng. Trải qua nhiều thế kỷ với bao biến đổi thăng trầm, một hệ thống Luận tạng phát triển vô cùng phong phú dựa trên Pháp và Luật do Đức Thế Tôn trao truyền. Kinh, Luật và



Giáo dục Phật giáo là giảng dạy giáo lý từ cơ bản đến thậm thâm vì diệu của Đạo Phật cho người học. Người học gồm tứ chúng là Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di. Hiện nay có ba truyền thống giáo dục Phật giáo là Nam tông, Bắc tông và Mật tông. Mỗi truyền thống đều có nét đặc sắc riêng về Phật giáo nguyên bản.

ĐƯƠNG ĐẠI

TT. Thích Minh Nhãn*

Luận là Pháp bảo của Phật giáo và đó cũng là ngọc báu vô cùng quý giá trong kho tàng tri thức nhân loại. Từ Tam tạng thánh điển của Phật giáo, hậu thế có thể rút ra những nguyên tắc, bài học cho các hoạt động tu học cá nhân, đoàn thể và chung sống hòa hợp giữa người với người. Muốn đạt được điều ấy nhất thiết phải chú trọng giáo dục Phật giáo để trao truyền chất “Phật” từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Giáo dục Phật giáo là giảng dạy giáo lý từ cơ bản đến thậm thâm vi diệu của Đạo Phật cho người học. Người học gồm tứ chúng là Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Ưu bà tắc và Ưu bà di. Hiện nay có ba truyền thống giáo dục Phật giáo là Nam tông, Bắc tông và Mật tông. Mỗi truyền thống đều có nét đặc sắc riêng về Phật giáo nguyên bản.

Mục tiêu của giáo dục Phật giáo không ngoài việc thúc đẩy người học tiếp thu đúng đắn giáo lý Đạo Phật, trở nên có chánh tư duy, chánh kiến, từ đó người học tin tưởng, thực hành, tinh tấn trên đạo lộ giải thoát. Nghĩa là giáo dục Phật giáo đào tạo Phật tử thụ đắc pháp học, pháp hành và nếm trải pháp vị, trở thành người có ích cho Tăng đoàn và xã hội. Học Phật để đối trị tâm mình, bởi vì Phật nói tất cả pháp để trị tất cả tâm; nếu không có tất cả tâm cần gì dùng đến tất cả pháp? (Phật thuyết nhất thiết Pháp, vi trị nhất thiết tâm; nhược vô nhất thiết tâm, hà dụng nhất thiết Pháp?). Giáo dục Phật giáo còn đảm trách thêm nhiệm vụ đào tạo Phật học như một ngành khoa học. Do đó, vai trò của người giảng dạy còn là người truyền trao phương pháp, kỹ năng nghiên cứu vấn đề. Còn người học phải có am hiểu và bản lĩnh tự mình tìm tòi, giải thích vấn đề Phật học một cách khoa học, lớp lang, bài bản.

Từ khi Phật giáo du nhập vào nước ta, giáo dục Phật giáo đã luôn tồn tại trong lòng dân tộc. Từ những vị Tăng Ni đầu tiên ở trung tâm Phật giáo Luy Lâu, Phật giáo nước Việt đã bắt rễ trong lòng dân tộc. Từ thế kỷ V đến thế kỷ X, giáo dục Phật giáo đã dần lớn mạnh thông qua sự đào tạo truyền thừa của các thiền phái: thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, thiền phái Vô Ngôn Thông và thiền phái Thảo Đường. Các vị Tỳ kheo được triều đình Ngô, Đinh và Tiền Lê kính trọng do tài năng, đức độ và vai trò cứu nhân độ thế, giúp vua, giúp nước. Đến thời kỳ nhà Lý-Trần, Phật giáo như một tôn giáo chủ lưu (Quốc giáo) trong đời sống dân tộc đã khuyến tấn hàng ngũ vua, quan thực

hành những biện pháp trị vì gắn gũi với lời Phật dạy. Trong suốt thời kỳ nhà Hậu Lê và thời Nguyễn, dù có nhiều gian truân, trắc trở, nhưng Phật giáo vẫn sống chan hòa trong nhân gian và hóa độ rất nhiều người từ bình dân đến quý tộc nhà Lê, chúa Trịnh, chúa Nguyễn.

Đến đầu thế kỷ XX, phong trào Chấn hưng Phật giáo xuất hiện. Báo chí chữ Quốc ngữ là diễn đàn giáo dục tinh thần yêu nước, lan tỏa giá trị Phật học đến mọi nhà. Các trường đào tạo Tăng tài mở ra ở nhiều nơi trải từ Hà Nội vào Huế, đến Nha Trang, Bình Định, Sài Gòn và các tỉnh miền Tây Nam bộ. Đến giữa thế kỷ XX, hệ thống trường Bồ Đề do Phật giáo triển khai đã đào tạo được rất nhiều con em gia đình Phật tử. Năm 1964, Viện Đại học Vạn Hạnh ra đời giáo dục chuyên môn về Phật học, Văn học, Triết học... đã tạo được tiếng vang lớn và đào tạo nhiều nhân tài cho đất nước.

Kế thừa hàng nghìn năm truyền thống văn hóa của Phật giáo dân tộc và hơn bốn mươi năm phát triển, giáo dục Phật giáo của Giáo hội Phật giáo Việt Nam hiện đã hoàn thiện thành một hệ thống có chiều sâu, hòa nhập vào hệ thống quy chuẩn của nền giáo dục quốc dân. Hệ thống giáo dục Phật giáo hiện tại bao gồm các bậc học sau:

- Sơ cấp Phật học;
- Trung cấp Phật học;
- Cao đẳng Phật học;
- Cử nhân Phật học;
- Thạc sĩ Phật học;
- Tiến sĩ Phật học.

Hệ thống đào tạo chuyên ngành giảng sư:

- Trung cấp giảng sư
- Cao cấp giảng sư

Cả nước có 4 Học viện Phật giáo Việt Nam: Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế, Học viện Phật giáo Việt Nam tại TP. Hồ Chí Minh và Học viện Phật giáo Nam tông Khmer tại TP. Cần Thơ, có chức năng đào tạo chương trình Đại học Phật giáo (Cử nhân, Cao đẳng Phật học) và sau Đại học (Thạc sĩ và Tiến sĩ Phật học). Chương trình đào tạo Tăng Ni sinh đã liên kết với nhiều trường Đại học ở các nước trong khu vực, có hàng trăm Tăng Ni du học sinh đang theo học ở các quốc gia như: Trung Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Úc, Hoa Kỳ...



Giáo dục Phật giáo có bề dày hàng nghìn năm, chứa đựng tinh túy của biết bao thế hệ chư Tôn đức Tổ sư. Ngày nay, trong vận hội chuyển đổi số, việc xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi số giáo dục hợp lý nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa quan trọng.

Bên cạnh hệ thống trường lớp, Giáo hội đã biên soạn và ấn hành bộ sách giáo khoa Trung cấp Phật học. Đây là bộ sách mang tính khoa học có hệ thống dành cho hệ Trung cấp Phật học, làm nền tảng cho hệ Cao đẳng, Cử nhân Phật học. Hiện nay đã ấn hành rộng rãi cho Tăng Ni sinh 19 đầu sách với số lượng 250.000 cuốn, phân phối cho 35 trường Trung cấp cả nước, trên tổng số 32 đầu sách đang nghiệm thu. Kế hoạch thực hiện sách giảng dạy cho Cao đẳng, Cử nhân Phật học đang được triển khai.

Hệ thống thư viện Phật học đang được đầu tư phát triển. Các Học viện đều có thư viện trường, đầu tư ngân sách xây dựng tòa thư viện và sách nghiên cứu chuyên môn hàng chục tỷ đồng. Hiện nay, thư viện của mỗi học viện đã có 30.000 quyển sách, 15.000 tựa sách. Ngoài ra còn có hệ thống sách đọc điện tử Phật học. Các trường Trung cấp cũng xây dựng phòng đọc sách cho Tăng Ni sinh với hàng nghìn đầu sách.

GIÁO DỤC PHẬT GIÁO TRONG CHUYỂN ĐỔI SỐ

Cùng với sự phát triển không ngừng của khoa học và công nghệ, chuyển đổi số chính là xu hướng của giáo dục nói chung và giáo dục Phật giáo nói riêng. Việc áp dụng công nghệ vào giáo dục Phật giáo gợi mở nhiều phương thức giáo dục mới thông minh, hiệu quả hơn và đồng thời tiết kiệm chi phí cho người học.

“Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” được phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ xác định rằng: “*Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá*

Phật dạy: “Ví dụ trong một trận mưa, nước mưa rơi xuống, thấm nhuần các chủng loại cỏ cây, cây lớn hút nước nhiều, cây nhỏ hút nước ít, song qua quá trình mưa xuống, tất cả đều hút nước và tươi tốt. Cũng vậy, trong buổi thuyết pháp của Đức Phật, có vô số chúng sanh nghe pháp, người trí nghe và hiểu pháp nhiều, người kém trí nghe và hiểu ít, song qua quá trình nghe pháp, mọi người đều nghe và lần lượt giải thoát”. (HT. Thích Trí Tịnh dịch, Nxb. Tôn giáo)

thể hóa. 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% nội dung chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học”. Như vậy, chuyển đổi số trong giáo dục chính là việc ứng dụng những công nghệ tiên tiến giúp nâng cao trải nghiệm của người học; cải thiện những phương pháp giảng dạy cũng như tạo môi trường để học tập thuận tiện, hiệu quả nhất. Điều này cũng phù hợp với giáo dục Phật giáo bởi vì khách thể và chủ thể trong giáo dục Phật giáo không khác về chất so với giáo dục quốc dân.

Ứng dụng chuyển đổi số sẽ tạo ra mô hình giáo dục Phật giáo thông minh, từ đó giúp việc học tập của Phật tử trở nên thuận tiện hơn. Sự bùng nổ của các nền tảng công nghệ đã tạo điều kiện thuận lợi để truyền đạt kiến thức và phát triển khả năng tự học của người học mà không bị giới hạn về thời gian

cũng như không gian, tiết kiệm chi phí, gia tăng hiệu quả học tập.

Hiện tại, chuyển đổi số trong giáo dục được ứng dụng dưới hai hình thức chính là: ứng dụng công nghệ trong giảng dạy (lớp học thông minh) và ứng dụng công nghệ trong quản lý giáo dục.

Chuyển đổi số trong đào tạo và giảng dạy

Trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 bùng phát, Giáo hội đã ứng dụng thành công công nghệ hiện đại để mở các lớp đào tạo, giảng dạy, hội thảo trực tuyến. Đây là bước đi mới mẻ và rất cần được tiếp tục phát huy trong thời gian tới.

Các cơ sở đào tạo nên đưa thông tin về chuyển đổi số vào trong chương trình giảng dạy, nhất là giúp người học sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong các lớp Trung cấp Phật học. Đồng thời, định hướng có nhân sự chuyên nghiệp về công nghệ thông tin trong tương lai.

Việc học tập và giảng dạy không thể thiếu tài liệu, do đó trong chuyên đổi số rất cần thúc đẩy phát triển học liệu số (phục vụ dạy - học, kiểm tra, đánh giá, tham khảo, nghiên cứu khoa học). Giáo hội có thể quan tâm hơn nữa trong việc hình thành kho học liệu số (không chỉ chứa Kinh, Luật, Luận tạng mà còn chứa sách vở, báo chí nghiên cứu Phật học và báo chí của Phật giáo). Kho học liệu số nên mang quy mô của một thư viện Phật giáo Việt Nam. Kho học liệu cũng cần liên kết với quốc tế, đáp ứng nhu cầu tự học, học tập suốt đời.

Trên thế giới, từ lâu các tổ chức giáo dục, các trường Đại học đã mở những khóa đào tạo trực tuyến cấp chứng chỉ, thậm chí Văn bằng tốt nghiệp cho người học trên toàn cầu. Các khóa học ấy có thể tìm thấy trên website của Udemy, edX, Coursera, hay Open edX... uy tín của cơ sở đào tạo và người giảng dạy là bảo chứng cho chứng chỉ hoặc văn bằng cho khóa học ấy. Các khóa học có thể miễn phí hoàn toàn hoặc miễn phí đào tạo và tính phí nếu người học muốn được nhận chứng chỉ bản giấy (hoặc bản điện tử). Đây là một mô thức đào tạo trực tuyến rất hay mà chúng ta có thể tham khảo. Đơn cử, chúng ta hoàn toàn có thể thiết kế một số khóa đào tạo Phật học cơ bản ngắn hạn từ 6-8 tuần học với bài tập online, tài liệu được số hóa và giới thiệu đến những người muốn tìm hiểu Phật giáo căn bản mà chưa có điều kiện đến trường lớp. Người học sau khi tốt nghiệp khóa học có thể tra cứu mã số văn bằng, chứng chỉ trên website của trường đào tạo. Như vậy rất thuận tiện trong thời đại số.

Chuyển đổi số trong quản lý giáo dục và đào tạo

Công tác quản lý trong giáo dục Phật giáo đang từng bước được chuyển đổi số. Theo chúng tôi, có thể áp dụng bài học kinh nghiệm từ hệ thống giáo dục phổ thông của nước ta hiện nay: đó là xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý thông tin chi tiết của tất cả các trường học từ sơ cấp lên đến sau đại học bao gồm các câu phân cơ sở dữ liệu thành phần (gồm trường, lớp, học sinh, giáo viên, cơ sở vật chất, tài chính,...). Đối với người học thì cần số hóa các thông tin về lý lịch, quá trình học tập, rèn luyện, sức khỏe, trú xứ... Đối với người giảng dạy thì số hóa hồ sơ nghiên cứu, trình độ chuyên môn, đánh giá theo chuẩn. Các hồ sơ dữ liệu trên nên triển khai phân cấp đến các cấp Giáo hội được giao trách nhiệm quản lý.

Việc tổ chức tuyển sinh nên ứng dụng sâu hơn nữa công nghệ số, cho phép người học đăng ký các khóa học ngắn hạn, khóa đào tạo trung và dài hạn qua website của Giáo hội hoặc cơ sở đào tạo.

Để đáp ứng chuyển đổi số trong quản lý giáo dục, nhất thiết phải xây dựng hạ tầng mạng, thiết bị công nghệ: hạ tầng mạng và trang thiết bị công nghệ cần đổi mới, đặc biệt là khu vực có kết nối kém giúp thu hẹp được khoảng cách vùng miền. Với giải pháp này, có thể ưu tiên sử dụng hình thức thuê dịch vụ hay huy động nguồn lực xã hội. Tăng cường kết hợp công nghệ như Big data, AI, Blockchain... với cơ sở dữ liệu số chuyên ngành nhằm xây dựng các hệ thống thu thập thông tin đưa ra các dự báo, dự đoán và tạo ra các ứng dụng, dịch vụ phù hợp đến từng đối tượng người học.

Theo chúng tôi, cập nhật tư duy quản lý là việc rất quan trọng, ảnh hưởng đến sự thành tựu của chuyển đổi số trong giáo dục Phật giáo. Do đó, cần tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo cho nhân sự Thư ký Văn phòng, Tăng sự, Giáo dục, Hoằng pháp và một số Ban, Viện khác để nhân sự đủ khả năng tham gia sớm vào công tác chuyển đổi số của Giáo hội.

KẾT LUẬN

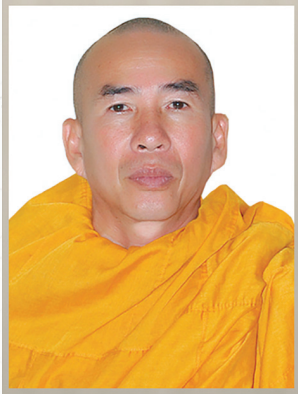
Giáo dục Phật giáo có bề dày hàng nghìn năm, chứa đựng tinh túy của biết bao thế hệ chư Tôn đức Tổ sư. Ngày nay, trong vận hội chuyển đổi số, việc xây dựng lộ trình thực hiện chuyển đổi số giáo dục hợp lý nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa quan trọng. Chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục nên được xem là giải pháp lâu dài mang tính chiến lược, gắn với những cải cách mạnh mẽ, triệt để trong giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo, chứ không phải là giải pháp tình huống ứng phó với COVID-19. Trong chuyển đổi số thì quan trọng nhất không phải công nghệ, cũng không phải là đầu tư kinh phí mà chính là quyết tâm của toàn bộ mọi người, nhất là những người quản lý.

Chúng tôi rất tin tưởng rằng bằng sự tinh anh và nhiệt tâm, công cuộc chuyển đổi số trong giáo dục Phật giáo nước ta sẽ đạt được nhiều thành tựu quan trọng, ích nước, lợi đạo, mang pháp lạc của Đức Thế Tôn đến mọi miền.

* Thượng tọa Tiến sĩ Thích Minh Nhẫn, Ủy viên Thư ký Hội đồng Trị sự, Phó Tổng Biên tập Thường trực Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo.

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thắp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày an lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hàng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 1 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hun phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật Đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn.**
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn





VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG

Phật giáo và văn hóa du lịch tâm linh tại tỉnh Khánh Hòa



ĐD. Thích Nguyên Thế

TÓM TẮT: Du lịch tâm linh vẫn đang là một trong những sản phẩm du lịch được quan tâm, có sức hấp dẫn lớn và là xu hướng phổ biến không chỉ ở Việt Nam mà cả thế giới. Trong đó, các di tích tôn giáo, cơ sở thờ tự, chùa chiền, thiền viện,... của Phật giáo cũng có sức hút nhất định và đóng góp không nhỏ vào phát triển du lịch tại các địa phương, thúc đẩy kinh tế, nâng cao các giá trị tinh thần cho đời sống xã hội. Phật giáo Khánh Hòa sở hữu rất nhiều di tích Phật giáo có giá trị lịch sử, những ngôi cổ tự, đại tự thu hút nhiều lượt khách hành hương, tham quan chiêm bái đến từ nhiều quốc gia và các địa phương khác trong cả nước. Phật giáo và du lịch tâm linh Phật giáo đã và sẽ tiếp tục là sợi chỉ mềm xuyên suốt, gắn kết mối quan hệ trao đổi hợp tác song phương không chỉ giữa Việt Nam và Ấn Độ, mà còn mở rộng ra các nền văn hóa khác.

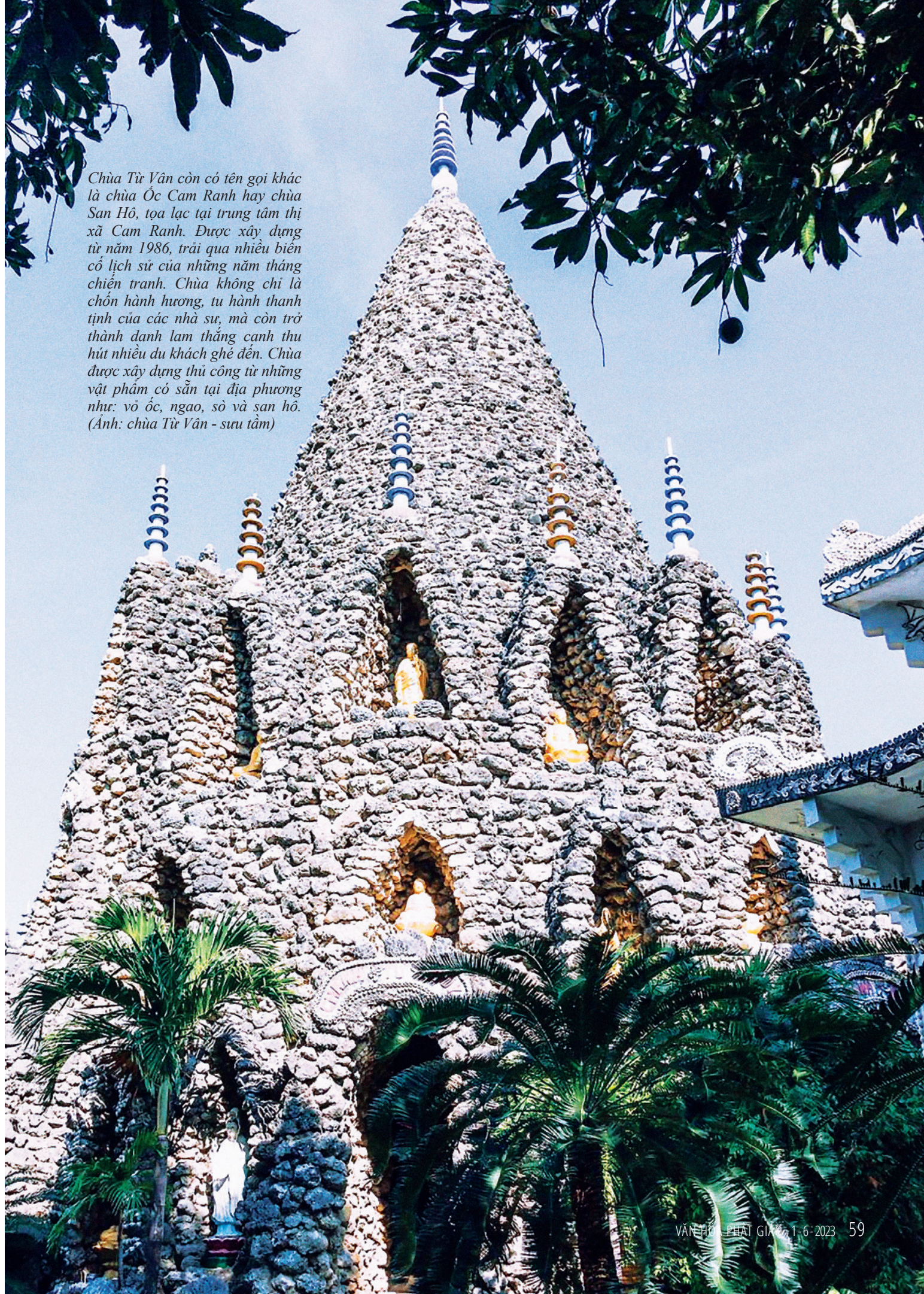
Từ khóa: Văn hóa Phật giáo, Phật giáo Khánh Hòa, du lịch tâm linh.

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc của Thủ tướng Ấn Độ Narendra Modi tại Việt Nam và viếng chùa Quán Sứ ngày 03/9/2016, ông đã khẳng định lại mối quan hệ trải dài hơn 2.000 năm giữa Việt Nam - Ấn Độ, giữa Phật giáo và Hindu giáo chính là sự gắn kết quan trọng và nổi bật nhất. “*Những liên kết văn hoá này tự thân đã được phản ánh theo nhiều cách, mà nổi bật nhất là trong mối quan hệ giữa Phật giáo và các di tích của nền văn minh Hindu*”, Thủ tướng Modi chia sẻ.

VAI TRÒ CỦA DU LỊCH TÂM LINH PHẬT GIÁO

Ngày nay, du lịch tâm linh (spiritual tourism) được xem là một sản phẩm du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh làm cơ sở và mục tiêu đáp ứng nhu cầu của con người về lĩnh vực đời sống tinh thần. Có nhiều hình thái du lịch tâm linh khác nhau, tuy nhiên ở góc độ du lịch tâm linh gắn với tôn giáo và đức tin thì Phật giáo chiếm vị trí ưu thế hơn hết. Đối tượng là khách du lịch tâm linh Phật giáo không chỉ giới hạn và Tăng Ni, Phật tử, hay người có cảm tình với Đạo Phật, mà còn có cả các tín đồ tôn giáo khác. Với phương thức hành hương tâm linh, du khách thường quy tụ về các ngôi danh lam cổ tự, các thánh tích

Chùa Từ Vân còn có tên gọi khác là chùa Ốc Cam Ranh hay chùa San Hô, tọa lạc tại trung tâm thị xã Cam Ranh. Được xây dựng từ năm 1986, trải qua nhiều năm tháng chiến tranh. Chùa không chỉ là chốn hành hương, tu hành thanh tịnh của các nhà sư, mà còn trở thành danh lam thắng cảnh thu hút nhiều du khách ghé đến. Chùa được xây dựng thủ công từ những vật phẩm có sẵn tại địa phương như: vỏ ốc, ngao, sò và san hô. (Ảnh: chùa Từ Vân - sưu tầm)



Theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/12/2017, chùa Linh Sơn là cơ sở thờ tự của Phật giáo duy nhất trong tổng số 16 cơ sở được nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh xếp hạng quốc gia. (Ảnh: Tổ đình Linh Sơn Vạn già - sưu tầm)

Phật giáo, các địa điểm liên quan đến cuộc đời của các vị cao Tăng trong Phật giáo,... Không như các loại hình du lịch khác mang tính thời vụ, theo mùa, du lịch tâm linh Phật giáo không bị giới hạn trong các dịp lễ, tết cổ truyền mà còn được diễn ra vào các dịp giỗ, kỵ chư Tổ khai sơn, hữu công, chư vị Thánh tổ, uy linh hiền thánh, các dịp lễ vía,... Thông qua hoạt động hành hương, các đối tượng khách du lịch được trải nghiệm các không gian văn hóa Phật giáo, được tương tác, thực hành các giá trị đạo đức, giải thoát của Phật giáo giúp họ cân bằng và củng cố niềm tin nơi Tam bảo và hướng đến những giá trị cuộc sống tốt đẹp hơn.

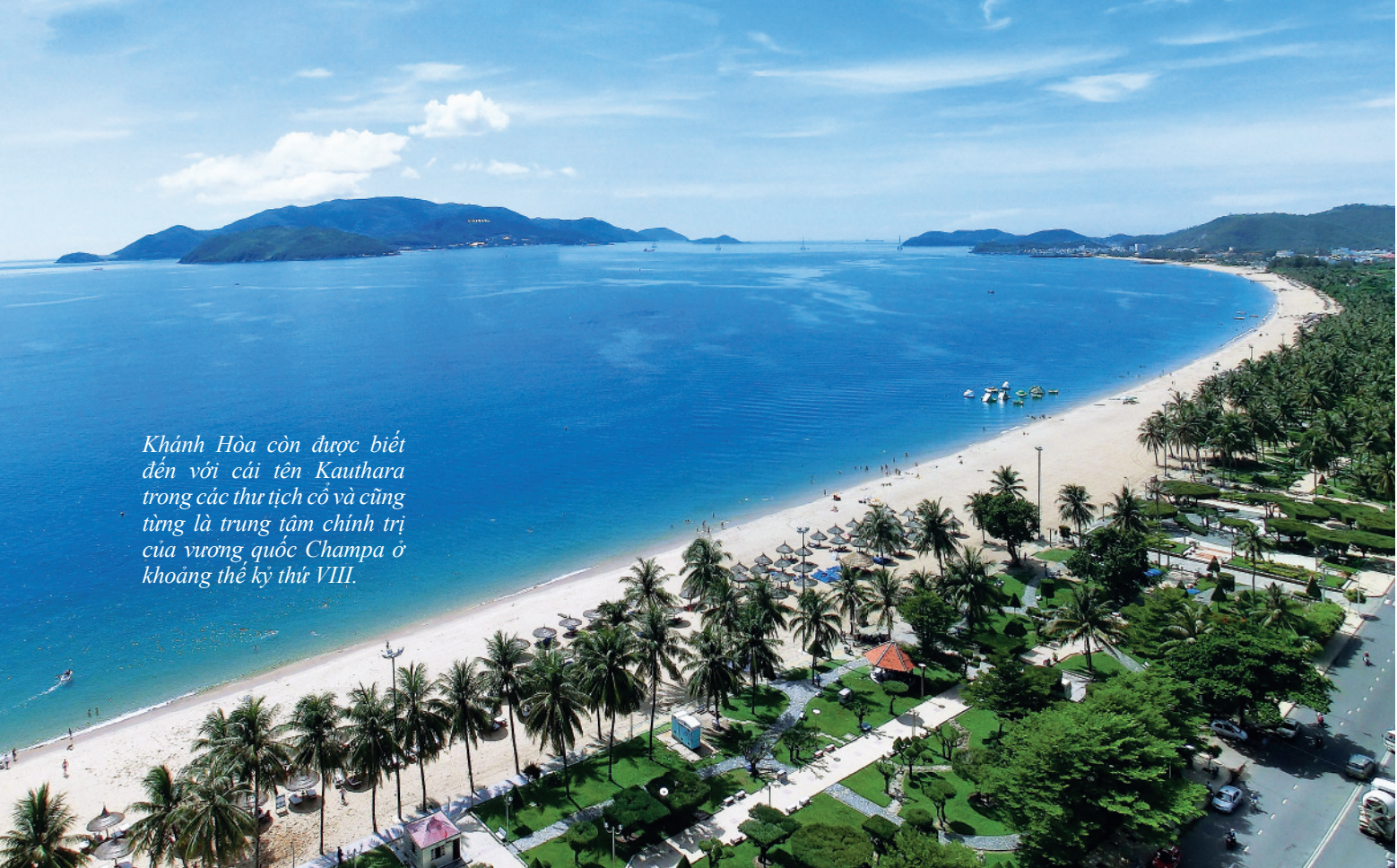
Ngày nay, du lịch tâm linh không chỉ ở Việt Nam mà mở rộng ra toàn thế giới đang trở thành xu hướng phổ biến, nhằm tôn vinh các giá trị văn hóa đạo đức, niềm tin tôn giáo và gắn kết các giá trị đời sống tinh thần. Phật giáo Việt Nam đã có một quá trình dài gắn bó, đồng hành và

mang đậm bản sắc dân tộc Việt. Các cơ sở thờ tự của Phật giáo hiện nay không những giữ gìn bảo quản các giá trị văn hóa phi vật thể mà còn lưu giữ các di tích kiến trúc, văn hóa, nghệ thuật đặc sắc, lâu đời. Bên cạnh các ngôi cổ tự từ vài trăm đến hàng ngàn năm tuổi thì đền chùa Phật giáo còn được xây dựng quy mô, khang trang với nhiều hạng mục đặc sắc khác nhau vươn tầm thế giới. Vì thế, các ngôi đền, chùa vào các dịp lễ hội quy tụ được rất nhiều du khách, tín đồ về tham dự, vãng cảnh. Với xu hướng phát triển như thế, du lịch tâm linh đã trở thành nhu cầu không thể thiếu, mang lại hiệu quả thiết thực cho kinh tế địa phương, nâng cao đời sống tinh thần cho nhân dân và đóng góp tích cực vào phát triển bền vững.

TỔNG QUAN VỀ PHẬT GIÁO KHÁNH HÒA

Khánh Hòa còn được biết đến với cái tên Kauthara trong các thư tịch cổ và cũng từng là trung tâm chính trị của vương quốc Champa

ở khoảng thế kỷ thứ VIII. Vương quốc Champa xưa có một sự liên kết đặc biệt với Ấn Độ cổ đại, từ thể chế chính trị, văn hóa, tôn giáo và đây cũng là những yếu tố gắn kết sớm nhất tạo tiền đề cho mối quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Ấn Độ. Ở giai đoạn vàng son của lịch sử Champa, Phật giáo và Bà La Môn giáo đóng vai trò chủ đạo trong tín ngưỡng tâm linh của người bản xứ. Với sự phát triển rực rỡ của Phật học viện Đồng Dương, trung tâm tu học, nghiên cứu Phật pháp quy tụ nhiều học giả, tu sĩ không chỉ trong toàn cõi của vương quốc mà còn có cả các Tăng nhân ngoại quốc. Hiện nay, tại thôn Đại Điền Tây, xã Diên Điền, huyện Diên Khánh có một số ngôi tháp cổ được người dân địa phương gọi là “Tháp Hời”, nhưng theo nhận định của Quách Tấn và các nhà nghiên cứu lịch sử văn hóa thì giả thuyết cho rằng đó là tháp thờ hài cốt (xá lợi) của các Tăng sĩ ngoại quốc như Ấn Độ, Trung Hoa [1]. Ngoài ra, văn



Khánh Hòa còn được biết đến với cái tên Kauthara trong các thư tịch cổ và cũng từng là trung tâm chính trị của vương quốc Champa ở khoảng thế kỷ thứ VIII.

bia Võ Cảnh có niên đại từ thế kỷ thứ II cũng đã thể hiện được vị trí của Phật giáo trong niềm tin tôn giáo của người dân xứ Kauthara, vương quốc Champa. Như vậy, Phật giáo đã có mặt tại vùng đất Khánh Hòa từ rất sớm. Trên nền tảng đó, dưới sự ủng hộ của nhà Nguyễn, Phật giáo của người Việt đã kế thừa, phát triển và trở nên phổ biến như hiện nay.

Theo thống kê năm 2017, tỉnh Khánh Hòa có 420 cơ sở với gần 1500 Tăng Ni [2]; trong đó, có rất nhiều ngôi chùa có niên đại từ thế kỷ XVIII-XIX và được nhà nước công nhận di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, có thể kể đến như: chùa Hội Phước (1680), chùa Bửu Phong (1683), chùa Kim Sơn (1732 – 1735), chùa Thiên Bửu và chùa Phổ Hóa (1740 – 1747), chùa Linh Sơn (1761), chùa Bửu Phong và chùa An Dưỡng (1753),... Gần 400 năm du nhập và phát triển, Phật giáo Khánh Hòa đã luôn gắn

bó, đồng hành cùng với nhân dân địa phương để gìn giữ, kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống văn hóa dân tộc và thể hiện trọn vẹn tinh thần yêu nước, đấu tranh chống áp bức, xâm lược trong các thời kỳ chiến tranh vệ quốc của dân tộc.

CÁC ĐIỂM HÀNH HƯƠNG PHẬT GIÁO NỔI BẬT TẠI KHÁNH HÒA

Gần 400 năm hình thành và phát triển, Phật giáo Khánh Hòa đã có hơn 400 cơ sở, trong đó có rất nhiều ngôi cổ tự, cơ sở được công nhận di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh. Nhiều cơ sở, chùa, thiền viện trở thành điểm đến không thể thiếu của các đoàn du khách không phân biệt tôn giáo, loại hình du lịch khi đặt chân đến Khánh Hòa. Một số điểm tham quan hành hương tâm linh tiêu biểu, phổ biến nhất, thu hút nhiều lượt khách tham quan và thực hiện các nghi thức tôn giáo có thể kể tên như:

Chùa Linh Sơn (Vạn Giã)

Chùa còn được gọi là Tổ đình Linh Sơn Vạn giã, tọa lạc tại thôn Hiền Lương, xã Vạn Lương, huyện Vạn Ninh, Khánh Hòa. Theo Quyết định số 2228/QĐ-UBND của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc phê duyệt, công bố danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh đến ngày 21/12/2017, chùa Linh Sơn là cơ sở thờ tự của Phật giáo duy nhất trong tổng số 16 cơ sở được nhà nước công nhận là di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh xếp hạng quốc gia.

Chùa được thành lập dưới thời Hậu Lê, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 22 (1761). Ban đầu chùa có tên là Sa Long Tự, sau khi bị hỏa hoạn và trùng tu lại dưới triều vua Tự Đức thứ 21 (1867) chùa được đổi tên thành Linh Sơn Tự. Đây là một ngôi chùa có mặt khá sớm trong lịch sử Phật giáo Khánh Hòa. Chùa Linh Sơn trải qua 8 đời truyền thừa. Thượng tọa trụ

tri Thích Thiện Dương đã tổ chức trùng tu từ năm 1990 đến nay. Chùa còn giữ bản Sắc tứ ở triều Bảo Đại và quả chuông cổ, cao 1m, có ghi năm chú tạo “*Cảnh Hưng nhị thập nhị niên, Tân Tỵ, bát nguyệt*”. Đặc biệt, chùa còn gắn liền với tên tuổi của một vị danh Tăng Phật giáo thời hiện đại là Bồ tát Thích Quảng Đức, Ngài là trụ trì đời thứ 5 của ngôi chùa Linh Sơn này.

Chùa Long Sơn

Chùa Long Sơn - một thắng cảnh Phật giáo được xếp vào hạng bậc nhất ở Khánh Hoà không chỉ với nét đẹp danh lam mà còn có ảnh hưởng rất lớn đối với tín ngưỡng Phật giáo cho cả Khánh Hoà xưa và nay. Chùa Long Sơn còn là một trong những điểm hành hương không thể bỏ qua khi đến thành phố biển Nha Trang. Chùa tọa lạc ngay dưới chân núi Trại Thủy thuộc phường Phương Sơn. Chùa được xây dựng vào thế kỷ XIX, có hơn 100 năm tuổi với nhiều công trình kiến trúc Phật giáo độc đáo, nhất là tượng Phật Thích Ca tọa thiền được biết đến như là “tượng kim thân Phật tổ ngoài trời lớn nhất Việt Nam”.

Pháp viện Thánh Sơn

Pháp viện Thánh Sơn được nhiều người biết đến bởi lối kiến trúc độc đáo mang đậm phong cách Ấn Độ và Myanmar. Chùa tọa lạc trên ngọn núi Đẻ Dài thuộc thôn Khánh Xuân, xã Diên Lâm, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Chùa Thánh Sơn được xây dựng năm 1918, nhưng đã bị hư hại do sự tàn phá của thời gian và chiến tranh. Đến năm 2006, sư Giác Khoan đã tiếp quản và tiến hành trùng tu, kiến thiết nhiều hạng mục công trình, tạo vẻ mỹ

quan độc đáo như hiện nay. Chùa cũng là một điểm đến rất thú vị, thu hút được số lượng lớn khách hành hương trong và ngoài tỉnh.

Tổ đình Tịnh xá Ngọc Tông

Tịnh xá Ngọc Tông, ngôi Tổ đình Nam Trung của Giáo đoàn 3 hệ phái Khất Sĩ, cũng là một địa điểm danh lam thắng cảnh của TP. Nha Trang. Tịnh xá được Trưởng lão Giác An khai sơn và khởi công xây dựng vào năm 1966. Tịnh xá là một quần thể kiến trúc bao gồm Tổ đình Nam Trung, Tịnh xá Ngọc Tông và Tịnh độ Ni giới, nằm ở khu Võ Tánh, xã Vĩnh Lương, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Chùa Suối Đổ

Chùa Suối Đổ có tên chữ là Quan Âm Sơn tự, tọa lạc ở phía Tây dãy núi Hoàng Ngưu, thuộc địa phận huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. Chùa nằm men theo triền núi nên có diện tích rất khiêm tốn, rộng chừng vài trăm mét vuông, bên cạnh dòng suối nhỏ chảy qua các khe đá, tạo thành những dòng thác trắng xóa. Quan Âm sơn tự là điểm tập trung đông khách viếng thăm nhất, gồm các hạng mục chính như: Chánh điện thờ Quan Âm Bồ tát, bên phải là miếu Ngũ hành nương nương, bên trái là miếu thờ Thánh Mẫu Thiên Y A Na. Chùa Suối Đổ là một ngôi chùa được dân gian tin tưởng là linh thiêng. Chính vì vậy, mỗi dịp lễ, tết rất nhiều khách hành hương về đây chiêm bái. Chùa Suối Đổ dần trở thành điểm du lịch tâm linh nổi tiếng của huyện Diên Khánh.

Chùa Từ Vân

Chùa Từ Vân còn có tên gọi khác là chùa Ốc Cam Ranh hay chùa

San Hô, tọa lạc tại trung tâm thị xã Cam Ranh. Được xây dựng từ năm 1986, trải qua nhiều biến cố lịch sử của những năm tháng chiến tranh. Chùa không chỉ là chốn hành hương, tu hành thanh tịnh của các nhà sư, mà còn trở thành danh lam thắng cảnh thu hút nhiều du khách ghé đến. Chùa được xây dựng thủ công từ những vật phẩm có sẵn tại địa phương như: vỏ ốc, ngao, sò và san hô. Các hạng mục như: Tháp Bảo Tích, con đường dẫn xuống địa ngục, đường lên thiên đàng, ao sen, đường đi Bát chánh đạo, thuyền Bát Nhã, Thủy Long cung, cầu Lục Độ,... mang đậm triết lý nhà Phật. Đây cũng là một trong những điểm độc đáo, ấn tượng đối với khách hành hương về ngôi chùa có một không hai này.

GÌN GIỮ CÁC GIÁ TRỊ VĂN HÓA PHẬT GIÁO TRONG VIỆC PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH.

TP. Nha Trang từ lâu đã là điểm đến thu hút được số lượng lớn khách du lịch trong và ngoài nước. Tuy nhiên, dưới góc độ tìm hiểu về du lịch tâm linh tại Khánh Hòa và cụ thể là Phật giáo, có thể nói, số lượng khách hành hương, du lịch tâm linh cũng chiếm một tỷ trọng khá lớn. Các hình thức hành hương thập tự, tham dự các lễ hội, khóa tu, dự lễ của các đoàn du khách là Phật tử, tín đồ hầu như đều kết hợp, lồng ghép với việc tham quan, du lịch nghỉ dưỡng ngắn. Tuy nhiên, du lịch tâm linh ở nước ta nói chung, và các địa phương như Khánh Hòa nói riêng vẫn còn đối mặt với một số khó khăn. Để nhận thấy nhất đó là một số khách hành hương vì không phải là Phật tử, không



*Phật giáo và văn hóa
du lịch tâm linh tại
tỉnh Khánh Hòa.*

hiều các vấn đề cơ bản về oai nghi, cách thức và hiểu rõ mục đích, ý nghĩa của từng nơi mình đến, từng lễ hội mình đang tham dự nên chưa hành xử phù hợp với tác phong văn hóa Phật giáo.

Hiện nay, các đoàn hành hương, du lịch tâm linh Phật giáo đa phần mang tính tự phát, có rất ít các công ty lữ hành, du lịch tổ chức chuyên nghiệp và thuần túy. Chính vì vậy, các đoàn du khách thực hiện các chuyến tham quan còn thiếu bài bản, chưa được thuyết minh, hướng dẫn cụ thể, chi tiết về từng điểm đến, cũng như cách ứng xử với từng cơ sở khác nhau như: chùa, thiền viện, ni viện,... như thế nào cho phù hợp. Do yếu tố tự phát của các du khách, sự thiếu chuyên nghiệp và đầu tư về mặt nhân sự, phương thức quản lý còn chưa theo kịp tốc độ phát triển của du lịch tâm linh, đã dẫn đến các hiện tượng mà báo chí phản ánh đôi nơi trong thời gian qua, ảnh hưởng không tốt đến môi trường văn hóa và môi trường sinh thái tại địa phương.

Do đó, thiết nghĩ, chúng ta cần quan tâm nhiều hơn nữa trong việc tuyên truyền, hướng dẫn và nâng cao hiểu biết của tín đồ hành hương là Phật tử và người có thiện cảm với Đạo Phật. Đối với du khách nước ngoài, cần trang bị thêm nhiều bản hướng dẫn bằng ngoại ngữ, đáp ứng được vấn đề nhân sự giao tiếp, thuyết minh, giới thiệu bằng ngoại ngữ cho du khách. Từ đó, xây dựng một văn hóa du lịch tâm linh Phật giáo văn minh, hiểu biết và tạo điều kiện cho việc giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa tinh thần tốt đẹp hơn.

KẾT LUẬN

Có thể thấy, du lịch tâm linh, hành hương tôn giáo đang trở thành xu hướng du lịch hiện đại, mang lại nhiều lợi ích kinh tế cũng như lan tỏa những giá trị tinh thần đáng kể trong đời sống cộng đồng địa phương. Từ những nhận định trên, phải thừa nhận rằng nhiều tỉnh, thành ở Việt Nam trong đó có Khánh Hòa có tiềm năng phát triển du lịch tâm linh rất lớn và cụ thể là du lịch tâm linh Phật giáo. Tuy nhiên, thực tế cho thấy rằng nhận

thức và đầu tư trong việc phát triển loại hình du lịch này vẫn chưa khai thác hết tiềm năng hiện hữu.

Việc nâng cao hoạt động tiếp thị du lịch tâm linh từ lâu đã được coi là yếu tố sống còn nhằm thúc đẩy du lịch phát triển. Chúng ta thấy rằng Nha Trang (Khánh Hòa) từ lâu đã khẳng định vị trí của mình trong bản đồ du lịch của thế giới, với biển xanh, cát trắng, nắng vàng và các hòn đảo ngọc tuyệt vời giữa đại dương xanh bao la. Thuận lợi hơn nữa, với sự phong phú của các cộng đồng dân cư, với nền lịch sử, văn hóa nhiều màu sắc hình thành nên những niềm tin, tín ngưỡng đặc thù và từ đó Phật giáo Khánh Hòa cũng đã có đóng góp nhật định để tạo nên sự phong phú, sinh động và thu hút khách hành hương, du lịch.

Chú thích:

- [1] Quách Tấn (2002, tái bản), *Xứ trầm hương*, Hội Văn học Nghệ thuật Khánh Hòa, tr.310.
- [2] Pháp Đăng, *Phật giáo Khánh Hòa xây dựng và phát triển bên vịnh vùng cao - hải đảo*, <http://phatgiaokhanhhoa.vn/?ArticleId=e714cc6b-1fb4-4043-8bff-90fd9e88d87e> (ngày truy cập 16/6/2022).

Tài liệu tham khảo:

1. Pháp Đăng, *Phật giáo Khánh Hòa xây dựng và phát triển bên vịnh vùng cao - hải đảo*, <http://phatgiaokhanhhoa.vn/?ArticleId=e714cc6b-1fb4-4043-8bff-90fd9e88d87e> (ngày truy cập 16/6/2022).
2. Nguyễn Văn Tuấn, *Du lịch tâm linh ở Việt Nam – Thực trạng và định hướng phát triển*, Tham luận tại Hội nghị quốc tế về du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững (Ninh Bình, 21-22/11/2013). <http://itdr.org.vn/du-lich-tam-linh-o-viet-nam-thuc-trang-va-dinh-huong-phat-trien/>.
3. Đỗ Phương Uyên – Phan Thị Hải Yến, *Hiện trạng sản phẩm du lịch tỉnh Khánh Hòa*, Tạp chí Công Thương, Số 14 (tháng 6/2020), <https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/hien-trang-san-pham-du-lich-tinh-khanh-hoa-73650.htm>.

NHẮC NHỞ LÒNG



SC. Thích Nữ Diệu Hoa

Sống đạm bạc biết đâu là đủ
Sẽ giống như tinh tú trên trời
Bềnh bồng tựa gió thành thoi
Lòng vui trí thản tâm ngời dạ yên.

Người ít muốn biết đủ sẽ luôn hài lòng với cuộc sống hiện tại dẫu có gian nan hay thiếu thốn vật chất. Từ ngàn xưa, người xuất gia tu theo Đức Phật luôn hiểu và biết những gì một tu sĩ Phật giáo phải làm. Như ông bà xưa có câu: “*Ăn theo thuở, ở theo thời*”. Thuở Đức Phật còn tại thế, Tăng đoàn chỉ đi khát thực để nuôi sống xác phàm chứ không tự nấu ăn. Ai cúng dường thức ăn chi thì dùng thức ăn nấy. Về thọ dụng vật mọn, Đức Phật dạy phép tam tịnh nhục.

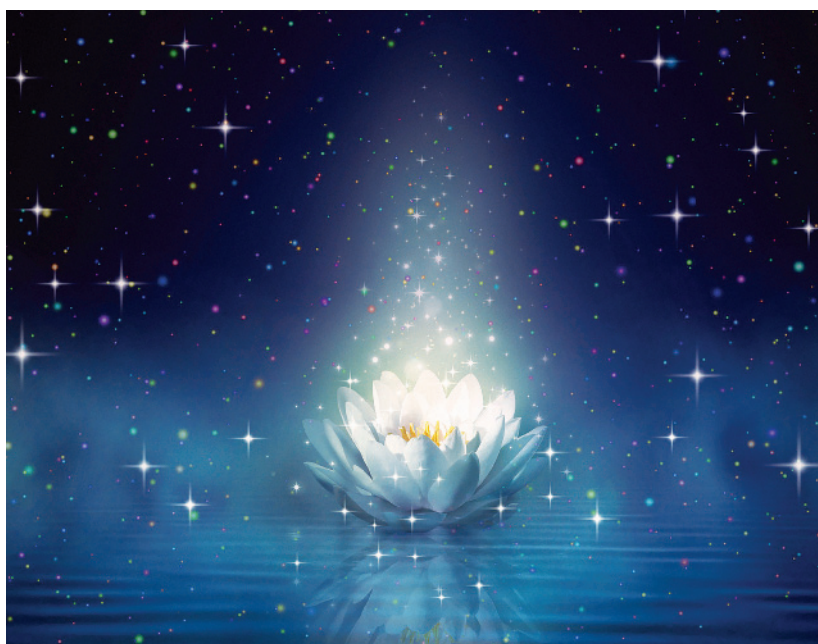
Thời nay, do có một số đối tượng bất hảo, lợi dụng sự tín tâm của Phật tử, nên đã giả mạo nhà tu để thực hiện hành vi lừa gạt làm ảnh hưởng uy tín của Tăng đoàn. Vì lý do vấn nạn đó nên Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã ra quyết định Tăng, Ni không được đi khát thực nữa, thường là các chùa có Phật tử phát tâm nấu ăn.

Thuở Đức Phật còn tại thế, chư Tăng đều đi bộ vì thời đó không có phương tiện giao thông hiện đại như bây giờ. Ngày nay chúng ta đang học đạo nhưng vẫn sống ở đời, cái nào tiện lợi, không ảnh hưởng đến việc tu hành, không trái giới luật, tuân thủ pháp luật thì tu sĩ được phép dùng. Chẳng hạn như việc tự lái xe, đi tàu điện, taxi hay máy bay để di chuyển khi có Phật sự và duyên sự. Đó không phải là lối sống xa xỉ, sai lời Phật dạy của pháp môn hạnh đầu đà mà chỉ là phương tiện. Nếu chấp nhặt vào nó ta sẽ rất mệt mỏi tâm trí, làm tổn thời gian và mất đi những giây phút bình yên trong lòng. Cho nên:

*Người thoát tục tâm thanh hoan hỷ
Luôn giữ gìn thân ý sạch trong
Tình thương tràn ngập nơi lòng
Nào phiền chẳng vướng thong dong cả đời.*

Thời xưa vải vóc cũng hiếm hoi, mỗi hành giả chỉ được đôi bộ đồ thay đổi. Một phần vì hành theo giới luật, một phần vì đa số Phật tử cũng còn nghèo. Nhưng ngày nay, việc học giáo lý để trở thành Phật tử thuần thành để cuộc sống an vui thì chiếm đa số. Nên việc cúng dường y phục

*Có đối đầu với muôn trùng
giông bão thì mới dễ dàng
tôi luyện cái tôi. Thành
công hay bất bại, thanh tịnh
hay ô uế, bình yên hay sâu
đau trên con đường tu tập
là đều lệ thuộc và liên quan
đến phẩm hạnh của một nhà
tu hành. (Ảnh: suru tâm)*



*Người thoát tục tâm thanh hoan hỷ
Luôn giữ gìn thân ý sạch trong
Tình thương tràn ngập nơi lòng
Nào phiền chằng vướng thong dong
cả đời.*

cho Tăng, Ni để cầu phước và làm tròn trách nhiệm của cư sĩ tại gia là nhu cầu lớn của Phật tử. Người xuất gia không ngăn cảm tâm Bồ đề của bất cứ ai. Dù nghèo hay giàu, dù lành lặn hay tật nguyên cũng đều được hướng dẫn tạo phước và tu tập. Việc phát tâm trong sạch cúng dường y phục, vật thực, nhu yếu phẩm cho Tăng đoàn có công đức bao nhiêu thì mỗi người cũng có thể cảm nhận được khi chính mình thực hiện.

Đối với tu sĩ, việc nhận sự cúng dường của đàn na tín thí là phải chí tâm tu, cách duy nhất để đền đáp ân đó là phải tu tinh tấn, không nên giải đãi để khỏi nợ nần nhau ở kiếp vị lai. Nếu kiếp hiện tại ta đền ơn thí chủ bằng việc tu hành thì duyên lành được kết nối giữ người nhận và người cho. Nếu ngược lại thì là nợ, mà nợ để lâu ví von như bị tăng lãi, lãi chồng lãi sẽ thêm nhiều. Vì vậy, tu sĩ rất thận trọng sau khi nhận từ sự cúng dường.

Luôn tinh tấn vun gây đức hạnh

Chấp nệ rời sống cảnh an nhiên

Thiền tu giữ bỏ ưu phiền

Giữ lòng hiếu đạo bình yên mãi dành.

Trong Đạo Phật, hiếu thảo là một phẩm hạnh và trách nhiệm không thể thiếu ở mỗi người. Cha mẹ cho ta hình hài và nuôi ta khôn lớn, nếu không có cha mẹ, ta không thể có mặt trên cuộc đời này để mà học Phật hay làm việc thiện gieo phước. Sách có câu: “*Ấn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng. Nghĩa ân sư muôn kiếp khó đáp đền*”. Nếu không có thầy tổ hướng dẫn, điu đất ta sẽ không thể trưởng thành trong ánh đạo. Sẽ

Trong cuộc sống, không có gì là vĩnh cửu cũng như không có ai hoàn hảo. It nhiều cũng có phạm lỗi sai hoặc gặp phiền muộn từ người khác mang đến. Nếu có thực tập thiền định, sẽ dễ dàng chuyển hoá từ phiền phức thành duyên lành.

không thể tự mình hanh thông mọi việc trong những ngày đầu mới tầm thầy học đạo, chấp chững đi trên con đường lý tưởng an lạc giải thoát.

Mỗi thời quả đường thọ thực của đại chúng đều quán tưởng ân đàn na tín thí, sau khi thọ quả đường đều phục nguyện: “*Chúng Tăng com ngày hai bữa, thường nhớ công khó khổ của người nông phu. Thân mặc ba y hằng xét nghĩ sự nhọc nhằn của người thợ dệt, thuốc thang giường chông bởi sự nhịn ăn bớt mặc của đàn na, học đạo tiến tu nhờ lòng từ dạy răn của Thầy tổ. Nguyện chư tín chủ đạo tâm thêm lớn, ruộng phước thêm nhiều, cùng pháp giới chúng sanh, đều trọn thành Phật đạo*”.

Ấn Tổ quốc cũng lớn vô cùng. Để có cuộc sống bình yên và yên tâm tu hành thì đâu thể không biết ơn Tổ quốc mình. Và cũng thâm biết ơn những người làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, giữ bình yên, trật tự xã hội cho chúng ta được an tâm sống. Có một câu nói: “*Tổ quốc ghi công*”, dù chỉ bốn chữ vồn vẹn nhưng đầy đủ ý nghĩa cao cả và thiêng liêng mà bất cứ ai nhìn thấy cũng nghiêng mình kính cẩn. Và bất kỳ người nào mỗi khi có dịp đứng trước bảng danh sách tên liệt sĩ, sẽ vẫn luôn thấy chạnh lòng buồn ngùi xúc động với tâm niệm nhớ ơn. Để có ngày hoà bình như hôm nay thì biết bao người đã ngã xuống, hy sinh để bảo vệ Tổ quốc mình. Đáng để ta đời đời ghi nhớ và khắc sâu vào lòng.

Một xã hội mà sống trong sự biết ơn sẽ không có sự buồn lòng, một đạo tràng có nhận thức chánh tà, đúng sai biết yêu thương, nuôi dưỡng tâm từ thì phiền não không đến, tham sân si cũng không có cơ hội tung hoành.

Người luôn biết nương về cửa Phật

Nơi an lành phảng phất mùi hương

Nghe kinh nhắc dạ phải tường

Tâm bình tinh tấn ngừng vương muộn phiền.

Mỗi ngày đều có rất nhiều cảm xúc đi qua con người chúng ta. Vui buồn, thương ghét, giận hờn đều do mình quyết định chào đón nó. Chấp nhận cảm xúc nào ta sẽ bị nó múa men trước mặt và vây quanh mình suốt thời gian đó trừ khi ta quyết buông bỏ, chánh niệm để trở lại trạng thái bình yên và thanh tịnh. Giữa những cay đắng thăng trầm, chọn lương thiện, tử tế, bao dung hỷ xả, tha thứ, buông bỏ hay chọn thù hận, tức giận, chấp nhặt, tiểu nhân, căm phẫn đều do mình cả. Bởi:



Mỗi ngày đều có rất nhiều cảm xúc đi qua con người chúng ta. Vui buồn, thương ghét, giận hờn đều do mình quyết định chào đón nó. Chấp nhận cảm xúc nào ta sẽ bị nó mùa men trước mặt và vây quanh mình suốt thời gian đó trừ khi ta quyết buông bỏ, chánh niệm để trở lại trạng thái bình yên và thanh tịnh.

*Đời chỉ khổ nếu như chấp nhặt
Cứ hờn nhiên ai bắt ta buồn
Đâu người ép lệ phải tuôn
Tại mình không chịu ngưng buồn đó thôi.*

Trong cuộc sống, không có gì là vĩnh cửu cũng như không có ai hoàn hảo. Ít nhiều ai cũng từng phạm lỗi sai hoặc gặp phiền muộn từ người khác mang đến. Nếu như có thực tập thiền định, sẽ dễ dàng chuyển hoá từ phiền phức thành duyên lành. Ví dụ nếu một vị tu sĩ tu tịnh tấn mà bị ai đó đặt điều nói xấu, đàm tiếu sau lưng với mục đích hạ bệ uy tín và thanh danh mà cả một đời tu gầy dựng, vị đó sẽ tự biết sẽ làm gì để phiền phức đó không khiến tâm mệt mỏi hơn mà cảm thấy thông dong, nhẹ nhàng thư thái giữa cái gọi là phiền muộn ấy.

Mỗi người đều có trách nhiệm với cuộc đời mình nên mọi chuyện đều do mình quyết định. Cũng như khi có khách đến thăm, ta đón tiếp hay không là quyền của ta. Phiền não đến, chướng duyên, oan ức hay điều bất như ý, con ma tham sân si có khiêu chiến hay mời gọi thì cũng đâu làm ta phiền lòng nếu thật sự đã làm chủ được tâm mình.

*Khi mê muội xác phàm nhận quả
Hãy sửa thân hoà nhã tu trì
Đừng đường chánh thiện mà đi
Hương theo ngõ Phật việc gì cũng an.*

Tâm mê là phàm và tâm ngộ là Phật. Giác ngộ hay đọa bàng sanh đều do ta quyết định qua ý khởi và thân hành động.

*Khi nóng giận ngăn liền con tức
Giữ tâm can hết mực nhân từ
Hương về thiện tánh chân như
Thành thoi nhàn trí đẹp trừ chấp nê.*

Trong thực tế, việc nói lý thuyết thì dễ nhưng thực hành cũng khá là khó, bởi đâu đó cũng còn có người nghiệp rất dày còn phước thì rất mỏng. Những chuyện bất bình vẫn thường xảy ra với tu sĩ Phật giáo, sự nhẫn nhịn và chịu đựng sẽ giúp hành giả ngày càng hoàn thiện bản thân và thanh tịnh thân tâm hơn. Có đối diện với chướng duyên mới trưởng thành được trong giác ngộ. Có đối đầu với muôn trùng giông tố thì mới dễ dàng tôi luyện cái tôi. Thành công hay bất bại, thanh tịnh hay ô uế, bình yên hay sầu đau trên con đường tu tập là điều lệ thuộc và liên quan đến phẩm hạnh của một nhà tu hành.



Tín đồ Phật tử tham gia bảo vệ, giữ gìn môi trường xanh-sạch-đẹp

TT. Thích Hạnh Chơn

Con người sống, tồn tại nhờ nhiều điều kiện trợ duyên, trong đó, môi trường góp phần rất quan trọng trong việc ảnh hưởng đến sức khỏe và tinh thần. Vì vậy, Phật giáo do Đức Phật sáng lập nhấn mạnh đến vấn đề môi trường qua chính cuộc đời của đức Phật và những lời dạy thiết thực của Ngài. Trải qua hơn 2.500 năm, những lời dạy ấy vẫn còn nguyên giá trị, góp phần to lớn trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp nếu con người chịu học và ứng dụng. Với tín đồ Phật giáo, lời dạy của Đức Thế Tôn luôn soi sáng và dẫn đường cho các thế hệ noi theo. Chính nhờ hiểu và thực hành những lời dạy vàng ngọc ấy, tín đồ Phật tử đã và đang tích cực tham gia bảo vệ và giữ gìn môi trường sạch đẹp trong mọi thời đại.

Bài viết sẽ trình bày một số lời dạy của Đức Phật được trích từ kinh điển Phật giáo. Từ đó, bài viết đưa ra một số đề xuất Phật giáo cần thực hiện nhằm đóng góp thiết thực trong việc bảo vệ môi trường.

LỜI DẠY CỦA ĐỨC PHẬT VỀ MÔI TRƯỜNG

Có thể nói, cả cuộc đời của Đức Phật đều gắn bó mật

thiết với môi trường thiên nhiên. Đó là Ngài sinh ra tại vườn Lâm-tỳ-ni, thành Phật tại Bồ đề đạo tràng, thuyết pháp tại vườn nai và Niết bàn tịch diệt tại rừng Sala. Cả cuộc đời gắn bó với thiên nhiên nên Đức Phật ý thức rất rõ cần phải bảo vệ môi trường và sống hòa mình vào thiên nhiên. Có rất nhiều bài pháp được Đức Phật thuyết giảng về vấn đề này. Bài viết đưa ra ba giáo lý phổ biến dễ hiểu và ứng dụng được trong cuộc sống để bảo vệ môi trường.

Thứ nhất, giáo lý Duyên khởi qua bài kệ trong kinh Tạp A hàm “*cái này có nên cái kia có, cái này sinh nên cái kia sinh, cái này không nên cái kia không, cái này diệt nên cái kia diệt*”. Bài kệ giáo lý Duyên khởi mang tính phổ quát rằng không có cái gì trên cõi đời này tồn tại độc lập, ngược lại chúng luôn có sự hỗ trợ, ảnh hưởng lẫn nhau. Một xã hội bất ổn như chiến tranh, trộm cướp, lừa gạt... thì con người không thể nào sống yên ổn làm ăn sinh sống. Một môi trường xã hội bị ô nhiễm bởi suy thoái đạo đức như tham nhũng, giết người, trộm cắp, nói láo... thì đời sống nhân dân khó có được an vui hạnh phúc. Một môi trường thiên nhiên bị ô nhiễm bởi không khí dơ bẩn, nguồn nước đầy hóa chất độc, tiếng ồn



inh ỏi điếc tai... thì sức khỏe người dân khó bảo đảm. Ngược lại, nếu xã hội bình yên, lãnh đạo có trách nhiệm, người dân có đạo đức, không khí trong lành... thì đời sống con người dù không giàu vẫn có hạnh phúc, an lạc như người dân nước Bhutan. Giáo lý rất thực tế không mang màu sắc tôn giáo mà ngược lại mang tính khoa học, bất cứ ai chú tâm đều có thể nhận ra và trải nghiệm ngay hiện tại. Mỗi cá nhân, tập thể sống có trách nhiệm với bản thân, xã hội, môi trường xung quanh, tất nhiên môi trường xã hội và thiên nhiên sẽ lành mạnh, trong lành theo quy luật nói trên.

Thứ hai, lời dạy của Đức Phật về chánh báo, y báo hay nhân quả rất thiết thực cho việc bảo vệ môi trường. Chánh báo tức là đời sống của mỗi người. Con người tạo ra hoặc thiện lành hay tội ác sẽ đưa đến hậu quả là an vui hạnh phúc hay khổ đau bất hạnh. Mỗi người bớt đi tham lam, thù hận và si mê sẽ đóng góp rất lớn cho xã hội bình yên và bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp.

Bởi nhờ bớt những thứ đó, con người không tham lam quá độ dẫn đến giết hại lẫn nhau nhất là gây

chiến tranh chết chóc; không khai thác cạn kiệt tài nguyên bất chấp hậu quả xấu; không tàn hại sinh vật, động vật một cách bất chấp vì lợi dưỡng cá nhân... thì việc bảo vệ môi trường là điều có thể thực hiện được trong tầm tay. Nói cụ thể, một cộng đồng người sống có ý thức không xả rác bừa bãi, bán hàng hóa không lừa gạt bằng tấm thuốc hay tráo hàng giả, giúp đỡ thương yêu nhau trong cuộc sống... thì môi trường xã hội và thiên nhiên nơi cộng đồng ấy sinh sống sẽ bình yên, lành mạnh. Mọi người đều có chánh báo tốt tức sống thiện, đạo đức thì y báo tức xã hội, môi trường sẽ tốt đẹp, lành mạnh, và trong sạch. Cõi Đức Phật A Di Đà là một cõi lý tưởng theo niềm tin.

Thứ ba, những lời dạy căn bản cho tín đồ Phật tử là năm giới hay năm điều đạo đức. Bằng việc không giết người hay các loài động vật lớn nhỏ và bảo vệ mạng sống muôn loài; không sử dụng rượu bia say sưa hay chất kích thích, ma túy; không khai thác sử dụng gỗ quý, tài nguyên hiếm... thì mỗi tín đồ Phật tử đã đóng góp vào việc bảo vệ môi trường một cách tích cực. Giữ các giới hay các điều đạo đức là tín đồ Phật tử đang ý thức bảo vệ môi trường.

Tóm lại, môi trường bị tàn phá dẫn đến thiên tai bão lũ, động đất sóng thần... phần lớn cũng do con người gây nên. Do đó, việc áp dụng lời Phật dạy để giáo dục con người hướng thiện, giảm

PHẬT GIÁO CẦN THAM GIA BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Cuộc đời và lời dạy của Đức Phật minh chứng cho phương pháp và tinh thần sống bảo vệ môi trường. Người đệ tử Phật học và hành theo lời dạy của Thế Tôn là đã và đang tham gia bảo vệ môi trường. Do đó, bài viết nêu lên một số điều mà tổ chức Phật giáo, các tự viện và cá nhân Phật tử cần có để tích cực tham gia vào chương trình ý nghĩa này. Năm 2022, hưởng ứng chương trình bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2026, do Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Bộ Tài nguyên – Môi trường phát động, Phật giáo đã tham gia hội nghị ký kết và triển khai chương trình trong cộng đồng Phật giáo. Do đó, các tổ chức Phật giáo trực thuộc mà đại diện là Ban Trị sự các cấp cần tuyên truyền đến chư tôn đức Tăng Ni trụ trì các tự viện về các hoạt động có thể tham gia. Các hình thức tuyên truyền tham gia gồm:

Thứ nhất, các tự viện thuyết giảng lời dạy của Đức Phật đến tín đồ và áp dụng trong đời sống như tam quy, năm giới hay năm điều đạo đức, mười điều thiện...

Thứ hai, mỗi tự viện tùy theo điều kiện trồng nhiều cây xanh, tạo các hồ nước và luôn giữ sạch sẽ nơi khuôn viên chùa, đường xá quanh chùa.

Thứ ba, các tự viện tiên phong trong việc thu gom các vật dụng nhựa, khó tiêu hủy để xử lý, và không vứt rác bừa bãi.

Thứ tư, các tự viện vận động Phật tử tham gia dọn vệ sinh, thu gom rác tại các tuyến đường, bãi biển, công viên...

Thứ năm, các tự viện vận động tín đồ không giết hại các loài động vật nhất là động vật quý hiếm và phóng sanh các loài động vật tùy theo khả năng và theo sự hướng dẫn để động vật thả có thể sống sót sau khi được thả.

Thứ sáu, các tự viện có chương trình thả hoa đăng vào các dịp lễ hội phải sử dụng vật liệu thích hợp, có thể gom dọn được để không gây ô nhiễm nước.

Thành viên Ban Trị sự thường xuyên trao đổi để đưa ra các giải pháp nhằm thực hiện bảo vệ môi trường như hỗ trợ các thanh niên tham gia vệ sinh

công ích; hỗ trợ các nhân viên vệ sinh như một cách động viên tinh thần quý báu; nhắc nhở những người vô tình hay cố ý xả rác bừa bãi...

Công tác bảo vệ môi trường cũng rất cần triển khai ở cấp độ tự viện và cá nhân Tăng Ni, Phật tử. Tự viện là nơi sinh hoạt của đông đảo quần chúng tín đồ Phật tử. Do đó, việc giữ gìn bảo vệ môi trường tự viện xanh, sạch, đẹp là rất quan trọng. Qua quá trình đào tạo tại các trường lớp về lời dạy của đức Phật, tất cả Tăng Ni một cách lý tưởng đều có ý thức về giá trị đạo đức nên luôn sống đời sống thanh cao góp phần vào sự bình yên của xã hội. Sự giảm thiểu tiêu thụ cũng như giữ gìn giới luật Phật là một sự đóng góp vào việc bảo vệ môi trường bởi đó là cách góp phần làm cho xã hội bình yên, lành mạnh.

Một số tôn đức trụ trì các tự viện đã tổ chức các hoạt động góp phần bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. Cụ thể, chùa Minh Tịnh vận động chúng thanh niên Phật tử mỗi tháng nhặt rác các khu phố gần chùa, nhặt rác tại bãi biển Quy Nhơn. Khi nhặt rác, các bạn trẻ mang theo biểu ngữ kêu gọi không xả rác, giữ môi trường sạch đẹp bằng những vần thơ như: “thấy rác xin hãy nhặt lên, từng điều nhỏ nhặt xây nên văn minh.” Hay “nhặt rác trên đường, trời thương Phật độ”. Niệm Phật đường Quy Hòa thường tổ chức kêu gọi các bạn trẻ nhặt rác ngoài cồn biển, trên các kênh rạch trong thành phố và các huyện lân cận. Tịnh xá Ngọc Hòa vận động mạnh thường quân và dân địa phương tạo các tuyến đường hẻm nội bộ trong thôn xóm với cách trang trí sạch đẹp, văn minh góp phần làm đẹp làng xóm. Qua các việc làm dù nhỏ, các chùa góp phần tạo cho người dân có ý thức bảo vệ cộng đồng, bảo vệ môi trường sạch đẹp.

Tóm lại, Phật giáo đã và đang tiếp tục đồng hành cùng các đoàn thể thực hiện chương trình bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp. Tuy nhiên, để chương trình được lan tỏa, Giáo hội các cấp cần vận động các tự viện, Phật tử tham gia chương trình và có những hình thức đánh giá, khuyến khích, động viên khích lệ một cách cụ thể.

Chú thích:

* Thượng tọa Thích Hạnh Chơn, chùa Minh Tịnh, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.



PHẬT GIÁO

**KHOA HỌC
& TRIẾT LÝ**

Sự liên hệ giữa NHÂN THỨC và ĐẠO ĐỨC trong con người ngũ uẩn

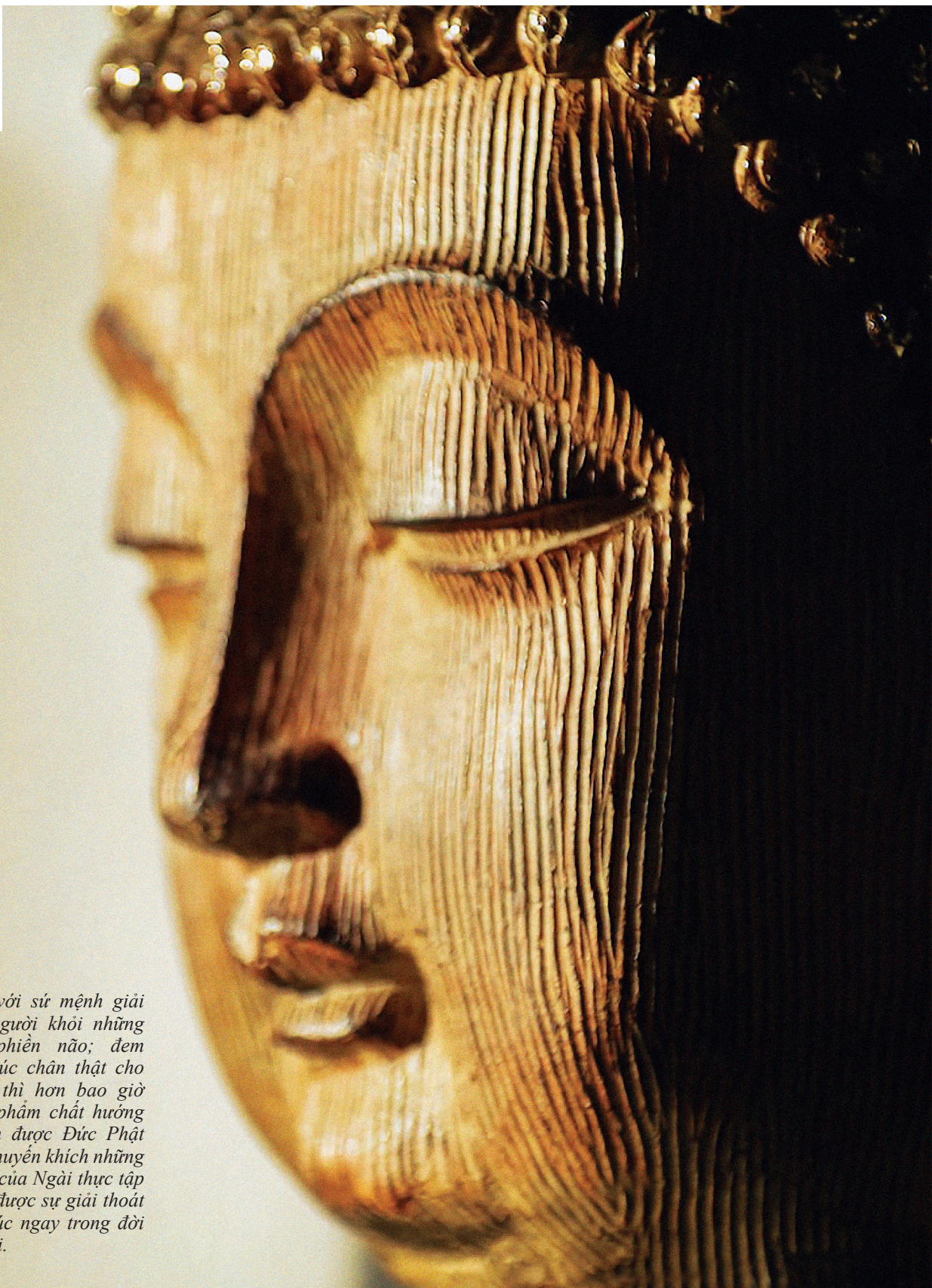
Tỳ kheo Thích Đức Kiên

Tóm tắt: Đức Phật đã nhận thấy rằng chỉ có con đường thực tập đạo đức và thiền định mới là con đường giải phóng con người ra khỏi mọi khổ đau phiền não. Con đường mà ngài khám phá chính là con đường của Bát Chánh đạo hay nói cách khác chính là con đường của Giới - Định - Tuệ. Con người phải có một sự nhận thức đúng đắn về bản chất của vạn pháp là Vô thường, Vô ngã và Khổ. Sự nhận thức đúng đắn còn là hiểu thấu đáo về luật Nhân quả Nghiệp báo: chính mình phải nhận thức đúng đắn về hành vi của mình, chịu trách nhiệm với cuộc sống hiện tại và tương lai của mình. Để thoát khỏi sự trói buộc của Nghiệp chúng ta phải thường xuyên chánh niệm, tỉnh giác, thu thúc sáu căn và luôn có Chánh kiến trong mọi ý nghĩ, hành động, lời nói dù là nhỏ nhất và phù hợp với Chánh đạo.

Từ khóa: con người, ngũ uẩn, sắc thân, tâm lý.

DẪN NHẬP

Đạo đức là một trong những lĩnh vực mà các triết gia thuộc các tôn giáo luôn dành cho nó một mối quan tâm đặc biệt trong nghiên cứu. Bởi quá trình nghiên cứu về đạo đức đã giúp con người mở ra cánh cửa tâm thức, phơi bày ra ánh sáng những mầm mống bất thiện đang ẩn sâu trong tâm khảm mỗi cá nhân và hưng khởi những phẩm chất tốt đẹp, hiền thiện; góp phần xây dựng nền tảng đạo đức cho cá nhân và xã hội. Đặc biệt, khi xã hội ngày nay đang phải đối mặt với nhiều vấn đề khủng hoảng trong nội tâm cũng như sự nguy cơ xuống cấp của những giá trị nhân bản, việc quay về với lối sống hiền thiện, đạo đức được xem là một giải pháp tối ưu để giải quyết những vấn nạn đó của con người. Con người, với tư cách là một chủ thể của nhận thức, phải là người chịu trách nhiệm cho đời sống đạo đức của chính mình. Để làm được điều này, không gì khác hơn là mỗi người phải hiểu rõ về chính con người của mình, phải tìm ra cho được mối liên hệ mật thiết giữa Nhận thức và Đạo đức, và những vận hành trong tâm thức của mình ra sao.



Đạo Phật, với sứ mệnh giải thoát con người khỏi những khổ đau, phiền não; đem lại hạnh phúc chân thật cho con người, thì hơn bao giờ hết, những phẩm chất hường thượng luôn được Đức Phật chỉ dạy và khuyến khích những người đệ tử của Ngài thực tập theo để đạt được sự giải thoát và hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại.

CON NGƯỜI NGŨ UẨN

Vậy theo Phật giáo, cái gì tạo thành con người? Để trả lời câu hỏi đó, Đức Phật đã dạy trong Kinh *Tương Ưng Bộ* như sau: “*Và này các Tỳ kheo, thế nào là Danh - Sắc? Thọ, Tưởng, Tư, Xúc, Tác ý, đây gọi là Danh. Bốn đại chủng và sắc do bốn đại chủng tạo ra, đây gọi là Sắc. Như vậy đây là Danh, đây là Sắc, Đây gọi là Danh - Sắc*” [1]. Thọ, Tưởng, Tư, Xúc, Tác ý là các hoạt động tâm lý của con người. Bốn đại chủng và các Sắc do bốn đại chủng tạo ra gọi là Sắc, là thể giới hiện tượng (hay nói cách khác là đối tượng nhận thức của con người). Đây cũng chính là phần Vật chất, là Sắc uẩn hay Sắc thân (*Rūpa*) trong Ngũ uẩn; còn Thọ, Tưởng, Tư, Xúc, Tác ý chính là nội dung của Bốn uẩn: Thọ (*Vedanā*), Tưởng (*Sañña*), Hành (*Sankhāra*), Thức uẩn (*Viññāṇa*) trong Ngũ uẩn, là phần tâm lý của con người. Hợp lại ta có Danh - Sắc, là toàn thể con người có nhận thức đầy đủ, là một chúng sinh hữu tình ở đời này.

Sắc thân (*Rūpa*) là nhóm đầu tiên trong Ngũ uẩn. Sắc thân được bốn Đại (*Mahābhūta*) là Đất (*Paṭhavi*), Nước (*Āpo*), Gió (*Vāyu*) và Lửa (*Tejo*) tạo thành. Đất tượng trưng cho những gì là chất cứng, nhám,... trong cơ thể; như là xương, thịt, da, lông,... Nước tiêu biểu cho chất lỏng như máu, mủ, dịch... Lửa tiêu biểu cho thân nhiệt. Gió tiêu biểu cho hơi thở ra vào trong cơ thể con người.

Cảm thọ (*Vedanā*) là nói đến cảm xúc của kinh nghiệm con người, mang ý nghĩa trạng thái và thái độ tâm lý. Cảm thọ hay cảm giác có ba loại; đó là thích thú (*Manāpasukha*), không thích thú (*Amanāpasukha*) và xả (*Adukkhaamasukha*). Trong hình thức thô sơ, nó chỉ là cảm giác đối với đối tượng, nhưng nếu ở mức độ sâu hơn nó dần trở thành lòng khát ái hay sân hận.

Tưởng (*Sañña*) tiêu biểu cho chức năng nhận thức (*Sañjānāti*). Như trong trường hợp của Cảm thọ, các Tưởng liên quan đến tất cả các thành phần cấu tạo của cá thể con người. Mỗi Tưởng là một sự hoà trộn của các ký ức, khái niệm, thói quen của tâm và các yếu tố vật chất.

Hành (*Sankhāra*) là một yếu tố góp phần vào tiến trình cá nhân hoá của một người và của nhận thức. Nó không những chỉ cách chúng ta chuẩn bị hình

thành con người vật lý mà còn phần nào xác định bản chất tính cách con người mới của chúng ta ở tương lai. Về mặt nhận thức luận, Hành hay còn biết đến là tính khí của con người, là một phương tiện cực kỳ có giá trị, nhờ đó con người có thể đối diện với thế giới kinh nghiệm.

Thức (*Viññāṇa*) nhằm giải thích tính tương tục trong con người được cá nhân hoá bằng khuynh hướng thói quen (*Sankhāra*). Thức không phải là một thực thể thường tồn bất tử. Nó sẽ không hoạt động được nếu bị tách ra khỏi các Uẩn khác nhất là Sắc thân (*Rūpa*), mà phải kết hợp với các Uẩn khác nếu các ý nghĩ xảy ra.

SỰ NHẬN THỨC CỦA CON NGƯỜI THEO QUAN ĐIỂM ĐẠO PHẬT

Con người với sự cấu thành của Danh và Sắc như vậy, thì vấn đề nhận thức thế giới hiện tượng diễn ra như thế nào? Trong Kinh *Bó lau*, Đức Phật đã chỉ ra mối liên hệ mật thiết giữa con người Danh Sắc với Thức là một mối quan hệ khắn khít và cộng sinh: “*Ví như hai bó lau dựa vào nhau mà đứng. Cũng vậy, này Hiền giả, do duyên Danh Sắc, Thức sanh khởi. Do duyên Thức, Danh Sắc sanh khởi*” [2]. Nghĩa là Thức và Danh Sắc không thể tách rời nhau mà tồn tại độc lập, nhờ Danh sắc mà Thức có nơi để hiện hữu và ngược lại, từ nơi Thức mà Danh Sắc có mặt. Đức Phật bằng tuệ quán của mình đã nói rằng: “*Do duyên Mắt và Sắc, này các Tỳ kheo khởi lên Nhân thức, sự gặp gỡ của ba điều kiện này là Xúc; do duyên Xúc nên có Cảm thọ. Những gì vị ấy Cảm thọ, vị ấy Tưởng về; những gì vị ấy Tưởng, những gì vị ấy Tầm cầu; những gì vị ấy Tầm cầu, vị ấy vọng tưởng mê chấp. Do những gì vị ấy mê chấp, các vọng tưởng ám ảnh như thế chỉ phối tấn công một người về các đối tượng Nhân căn được tận mắt nhận thức thuộc về quá khứ, tương lai, hiện tại*” [3].

Như vậy, sự gặp gỡ giữa Căn, Trần và Thức do Duyên được gọi là Xúc (*Phassa*). Ở đây, chúng ta nên hiểu phạm trù “Xúc” không chỉ đơn thuần là sự xúc chạm về mặt vật lý, mà nó còn bao hàm cả sự tiếp xúc ngoài mặt vật lý, nghĩa là cả trong tư tưởng. Xúc ở đây diễn đạt ý niệm về kinh nghiệm. Và kết quả của nó chính là nảy sinh Cảm thọ theo chiều hướng là thích thú, không thích thú hay thờ ơ với đối tượng; là nền tảng để quyết định Đạo đức trong thế giới thực nghiệm. Từ Cảm thọ sẽ sinh ra



Từ việc phân tích đến tận cùng bản chất con người Danh – Sắc và nhận thức đúng đắn về nó, ta sẽ thấy rằng không có một cái gì gọi là một cái “Tôi” thường tồn. Mục đích cuối cùng của một người học Phật là phải nhận thức ra được mọi sự hiện hữu đều là duyên sinh và giả tạm, nhằm từ bỏ suy nghĩ sai lầm về một cái ngã thường tồn.

Tưởng, hay nói cách khác các Tưởng thường được quyết định bởi đời sống Cảm xúc của chúng ta. Nó cho ta thấy rằng sự quan tâm của chúng ta tới đối tượng, dù nhiều hay ít, đều được dung nạp và đóng vai trò quan trọng thành nhận thức của mỗi cá nhân. Bước tiếp theo sẽ là Tầm cầu (*Vitakka*) dẫn dắt theo hai cách. Thông qua Tầm cầu mà các kết quả của Tưởng được đánh giá, dù nó đưa đến Đau khổ hay là Hạnh phúc. Nếu Tầm cầu tiếp tục chứng minh được sự tồn tại của một bản ngã là đúng, một thực thể tự tồn và độc lập (*Ātman*) thì nó sẽ đưa đến ám ảnh hay vọng tưởng (*Papañca*). Việc vọng tưởng sinh ra chính là do sự sinh khởi về quan niệm của bản ngã hay một thực thể tự tồn; là kết quả của một cảm xúc thái quá.

Trong Kinh Sīvaka, có đề cập đến quan điểm một vị Bà-la-môn cho rằng: “*Con người cảm thọ cảm giác gì, lạc thọ, khổ thọ, hay bất khổ bất lạc thọ; tất cả thọ ấy đều do nhân đã làm trong quá khứ*” [4]. Quan điểm này là một quan điểm về Định nghiệp. Chính nhận thức sai lầm này đã dẫn đến việc cho rằng tu tập khổ hạnh mới là phương pháp chấm dứt đi các Nghiệp cũ và không còn tạo ra Nghiệp mới. Với quan điểm này, Đức Phật đã nói rằng: “*Này các Thi-bà, Sa-môn, Bà-la-môn nào nói rằng: ‘Tất cả những gì người ta giác tri được đều là nhân đã tạo từ trước, đó là bỏ việc thực tế ở thế gian mà nói theo sự nhận thấy hư vọng của chính mình’*”.

Qua đó, ta thấy rằng, tiến trình nhận thức giác quan của một người bắt đầu bằng tính Duyên khởi (*Paṭiccasamuppāda*), do duyên giữa Căn - Trần - Thức mà con người nhận thức được sự vật hiện tượng khách quan. Và khi phân tích con người thành năm uẩn thì cũng có nghĩa là đã phủ nhận sự có mặt của một cái ngã siêu hình (*Ātman*) cũng như cho thấy được sự hiện diện của một cái ngã thực nghiệm.

MỐI LIÊN HỆ GIỮA NHẬN THỨC VÀ ĐẠO ĐỨC

Đạo Phật, với sứ mệnh giải thoát con người khỏi những khổ đau, phiền não; đem lại hạnh phúc chân thật cho con người, thì hơn bao giờ hết, những phẩm chất hướng thượng luôn được Đức Phật chỉ dạy và khuyến khích những người đệ tử của Ngài thực tập theo để đạt được sự giải thoát và hạnh phúc ngay trong đời sống hiện tại.

Một con người sẽ bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác như cha mẹ, bạn bè, môi trường xung quanh, v.v...; nhưng Đức Phật cho rằng trong các yếu tố khác nhau đó, thì thì Thức là nổi trội hơn cả. Chính quan điểm này, Ngài đã nhấn mạnh năng lực cá nhân trong việc phát triển phẩm chất của riêng mình về mặt Đạo đức cũng như Tâm linh dù cho có những áp lực ràng buộc từ bên ngoài.

Hành và Thức khi kết hợp với nhau sẽ hình thành nên tính cách cá nhân của một con người. Và để một con người có tâm vật lý tồn tại và các giác quan hoạt động thì sẽ có sự Tiếp xúc và Cảm thọ phản ứng với thế giới đó. Nhưng khi Vô minh (*Avijjā*) có mặt, một người phàm có thể sẽ phát sinh tâm Tham ái (*Taṇhā*) hoặc tâm Ghét bỏ đối với đối tượng. Sự Tham ái sẽ dẫn đến Chấp thủ (*Upādāna*) đối với cả đối tượng thích thú lẫn ý tưởng. Từ Chấp thủ sẽ dẫn đến Hữu (*Bhava*). Hữu là sự có mặt, sở hữu, hiện hữu, sự sinh tồn; là tất cả những gì biểu hiện sự sinh tồn, hiện hữu (thuộc vật chất, hình tướng, ý tưởng,...). Hữu còn có nghĩa là nơi chốn, cảnh giới, cõi, thế giới. Trong mười hai chi phần nhân duyên, Hữu có ý nghĩa là cõi giới có chúng sinh hiện hữu.

Trong vòng tròn của mười hai duyên khởi đây, ta sẽ thấy rằng một hiện hữu vừa là Nhân vừa là Quả cho các hiện hữu khác. Bất kể hành động nào xuất phát từ thân thể, lời nói hay suy nghĩ; nếu bị điều động bởi Vô minh (chấp thủ nơi ngã tướng của các hiện hữu) thì sẽ tạo nên Nghiệp thức dẫn tới khổ đau nơi Tam giới. Nếu hành động bị điều động bởi lòng khát ái, bởi dục vọng đều sẽ đưa đến sầu, bi, khổ, ưu, não ngay trong đời này và đời sau. Và bất cứ hành động nào gây khổ đau cho chính mình và người khác đều được xem là bất thiện, phi đạo đức. Ngược lại, những hành động nào đem lại hạnh phúc, bình an cho mình và người trong hiện tại và tương lai thì nó là thiện.

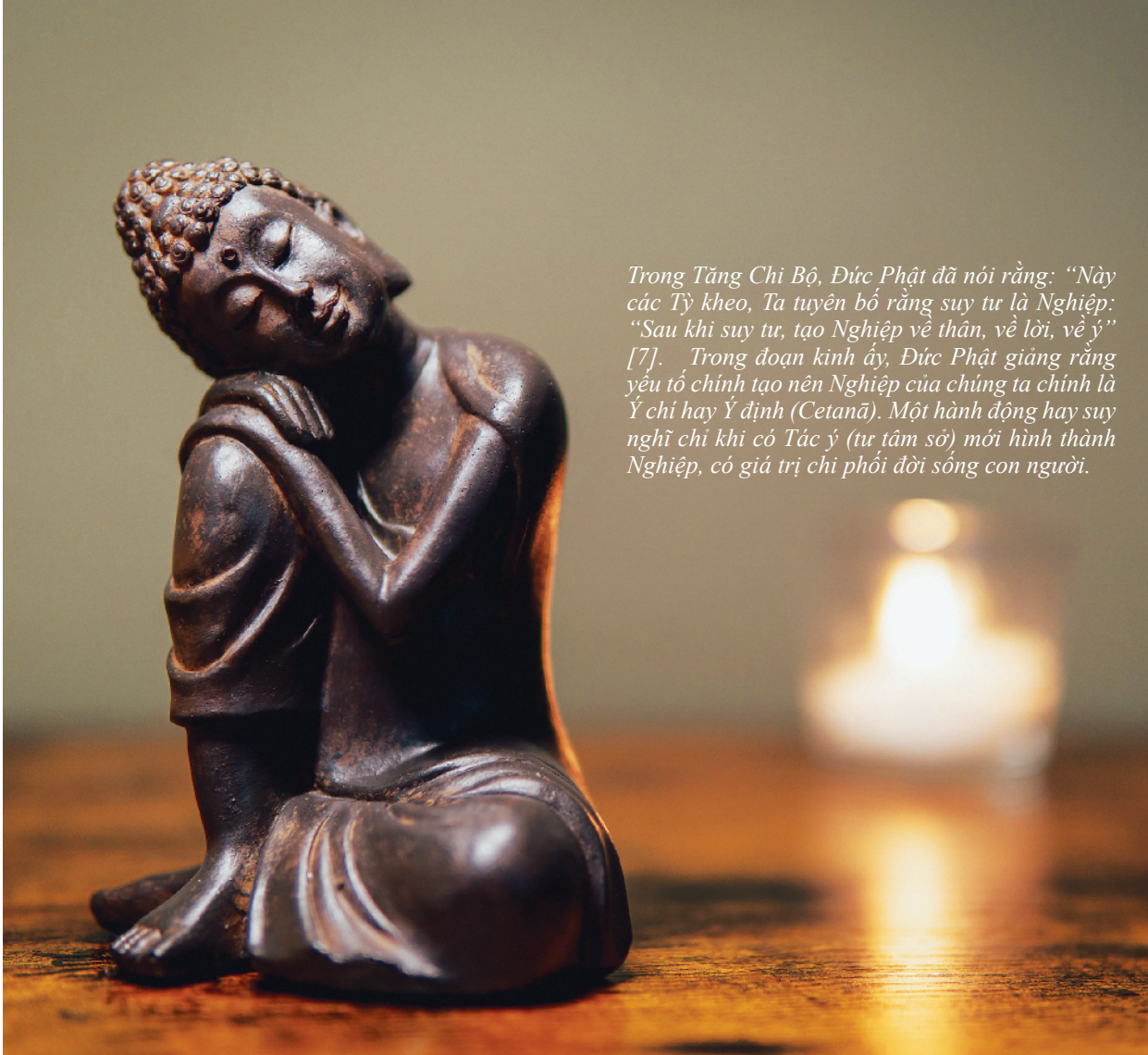
Từ việc phân tích đến tận cùng bản chất con người Danh - Sắc và nhận thức đúng đắn về nó, ta sẽ thấy rằng không có một cái gì gọi là một cái "Tôi" thường tồn. Mục đích cuối cùng của một người học Phật là phải nhận thức ra được mọi sự hiện hữu đều là duyên sinh và giả tạm, nhằm từ bỏ suy nghĩ sai lầm về một cái ngã thường tồn. Bất kỳ một nhận thức nào về một thực thể trường tồn, độc lập, tuyệt đối đều cần phải được từ bỏ; bởi vì ý tưởng về một

Tự ngã tách rời đều dẫn đến tính tự kỷ (*Selfishness*) và ích kỷ, không những sai lầm mà còn dẫn tới nhiều hậu quả tai hại. Nó là gốc rễ (*Mūla*) cho mọi đau khổ trong hiện hữu và các vấn đề suy đồi về giá trị đạo đức, vấn đề về xã hội (như trộm cướp, nghèo đói và bạo lực...) đều có nguồn gốc từ việc nhận thức về một cái ngã trong sự cạnh tranh giữa cái này và cái khác. Khi diệt trừ cái ngã riêng rẽ đó thì sẽ đưa tới một trạng thái sống tử tế, vô ngã, đầy yêu thương và nhân ái đối với kẻ khác. Đây chính là giá trị đạo đức mà Phật giáo đã cống hiến cho Xã hội. Do vậy, những giáo lý của Đạo Phật, đều giúp chúng ta có được một nhận thức đúng đắn về chính con người chúng ta, để từ đó bào mòn, trừ khử đi ý tưởng về một cái ngã thường tồn trong chính con người của mình [5].

Ý NGHIỆP LÀ NGHIỆP QUAN TRỌNG NHẤT VÀ XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

Trong Kinh *Ưu-ba-ly*, khi ngoại đạo Nigantha hỏi Đức Phật loại nghiệp nào tối trọng để tác thành và diễn tiến ác nghiệp, thì Đức Phật đã trả lời rằng: "... *Ta chủ trương ý nghiệp là tối trọng, để tác thành ác nghiệp, để diễn tiến ác nghiệp, thân nghiệp không bằng được, khẩu nghiệp không bằng được*". Lại nữa: "... *ta bảo rằng tác ý đây là nghiệp. Với ý muốn người ta hành động bằng thân xác, bằng ngôn từ và bằng cơ quan tâm thần của mình*" [6]. Ở một đoạn kinh khác trong *Tăng Chi Bộ*, Đức Phật đã nói rằng: "*Này các Tỳ kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là Nghiệp: "Sau khi suy tư, tạo Nghiệp về thân, về lời, về ý"* [7].

Trong đoạn kinh ấy, Đức Phật giảng rằng yếu tố chính tạo nên Nghiệp của chúng ta chính là Ý chí hay Ý định (*Cetanā*). Một hành động hay suy nghĩ chỉ khi có Tác ý (tư tâm sở) mới hình thành Nghiệp, có giá trị chi phối đời sống con người. Nó là một sự chủ tâm, một ý định (*Intention*), một tác động tâm thần mang tính cách duy ý hay còn gọi là Tác ý (*Volition*), là một ý muốn trong tâm thức. Tác ý (*Manasikāra*) hay sự chủ tâm (*Cetanā*) là một trong sáu khả năng căn bản của tâm thức gọi là tri thức tâm thần (*Manovijñāna*), năm tri thức kia là năm tri thức giác cảm (nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức). Tất cả sáu thức đều có sự hoạt động của tác ý. Cao hơn nữa, nó là chủ thể của các hoạt động cảm giác, xúc cảm, tư duy, ý chí phán đoán và quyết định, bao gồm các chức năng của Thọ, Tưởng và Tư hay Ý



Trong Tăng Chi Bộ, Đức Phật đã nói rằng: “Này các Tỳ kheo, Ta tuyên bố rằng suy tư là Nghiệp: “Sau khi suy tư, tạo Nghiệp về thân, về lời, về ý” [7]. Trong đoạn kinh ấy, Đức Phật giảng rằng yếu tố chính tạo nên Nghiệp của chúng ta chính là Ý chí hay Ý định (Cetanā). Một hành động hay suy nghĩ chỉ khi có Tác ý (tư tâm sở) mới hình thành Nghiệp, có giá trị chi phối đời sống con người.

chí (*Cetanā*), Các đối tượng vừa kể khi được cảm nhận bởi tri thức sẽ làm nảy sinh ra xúc cảm. Xúc cảm sẽ hiển lộ dưới dạng một hành vi tâm thần, tức một sự duy ý hay tác ý và đây chính là nghiệp. Từ đó, nghiệp tác ý này mới sinh ra trên hành động, gọi là thân nghiệp (*Kayākarma*), ở ngôn từ gọi là khẩu nghiệp (*Vakkhākarma*) và ở tâm ý gọi là ý nghiệp (*Manokarma*). Trong ba nghiệp này, chỉ có thân, khẩu là có sự biểu hiện ra bên ngoài và có thể quan sát được. Vì vậy ý chí tự do, trong liên hệ với nghiệp phải được hiểu là quyết định lựa chọn một cách tự do và ý thức trách nhiệm về điều mình sẽ làm. Nó sẽ là tiền đề của đạo đức theo nghĩa rộng nhất và cũng là động lực của mọi hành vi thiện ác.

SỰ LIÊN QUAN GIỮA TÁC Ý VỚI CĂN BẢN THIỆN VÀ BẤT THIỆN

Đạo đức xuất phát từ nhận thức của con người. Nếu như ở phần trên, đã nói rằng chính Ý nghiệp hay là sự nhận thức là yếu tố quan trọng nhất để từ đó hình nên nên Nghiệp của mỗi cá nhân; vậy thì làm phải làm thế nào để từ Ý nghiệp mới dẫn đến được những nghiệp thiện lành và rời xa những ác nghiệp? Điều

đó phụ thuộc vào sự nhận thức đúng đắn của chính chúng ta. Khi mỗi cá nhân có được sự nhận thức đúng đắn thì hiển nhiên sẽ hình thành nên sự chuẩn mực trong đời sống đạo đức. Trong phạm trù “nhận thức đúng đắn” này, chúng ta có thể hiểu nó chính là khái niệm “Như lý tác ý” (*Yoniso manasikāra*). Ở bài Kinh *Tất cả các lậu hoặc* (*Sabbhāsava Sutta*), Đức Phật dạy rõ vai trò của “như lý tác ý” trong việc diệt trừ các lậu hoặc như sau : “*Này các Tỳ kheo, thế nào là sự diệt tận các lậu hoặc cho người biết, cho người thấy : có như lý tác ý và không như lý tác ý. Này các Tỳ kheo, do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi, và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng. Này các Tỳ kheo, do như lý tác ý, các lậu hoặc đã sanh được trừ diệt*” [8].

Đây là một Nghiệp xuất phát từ Ý với một sự đúng đắn, không sai lầm trong quá trình nhận thức, là một khả năng suy xét hay chú tâm một vấn đề đến tận nguồn gốc, tức triệt để, thấu đáo đối tượng hay hiện tượng. Trong Đại phẩm (*Mahāvagga*) Đức Phật từng tuyên bố rằng chính nhờ “*Như lý tác ý*” và “*Như lý tinh tấn*” mà Ngài đạt được sự giải thoát

tối thượng, chứng ngộ sự giải thoát tối thượng và khuyến khích đệ tử của mình rằng: “*Hãy đạt đến sự giải thoát tối thượng, hãy chứng ngộ sự giải thoát tối thượng nhờ Như lý tác ý và Như lý tinh tấn*” [9]. Phụ chú giải giảng thêm rằng Như lý tác ý là sự chú ý, để trong tâm về tính chất vô thường,... và Như lý tinh tấn có nghĩa là nỗ lực để các bất thiện chưa sinh không sinh khởi. Và chính nhờ Như lý tác ý mà các thiện pháp được sinh khởi, làm tiêu trừ đi các bất thiện pháp của mỗi con người, như lời Đức Phật đã nói: “*Do nhân như lý tác ý, do duyên như lý tác ý... do nhân tâm chánh hướng, do duyên tâm chánh hướng, thiện nghiệp được làm, thiện nghiệp được tiếp tục làm*” [10].

Trong Kinh Trung bộ với tựa đề *Samaṇamaṇḍikā*, Đức Phật cũng đã trình bày thế nào là Giới bất thiện (*Ākusala sīla*), đó chính là Thân hành bất thiện, Miệng và Ý hành bất thiện. Tiếp đến, Đức Phật cũng chỉ ra rằng: “*Và này thợ mộc, những bất thiện giới này sanh khởi như thế nào? Sự sanh khởi của chúng cũng được nói đến. Cần phải trả lời là từ tâm sanh khởi. Thế nào là tâm? Tâm có nhiều loại, đa chủng, sai biệt: tâm có tham, có sân, có si, từ đây những bất thiện giới sanh khởi*” [11]. Như vậy, qua đoạn kinh trên, ta thấy rằng, căn bản của mọi bất thiện pháp, lưu xuất nơi ba nghiệp nơi thân - khẩu - ý đều bắt nguồn từ Tâm, hay nói chính xác hơn là từ Ý.

Trong Kinh *Chánh tri kiến* (*Sammādiṭṭhi sutta*) thuộc Kinh Trung bộ, Đức Phật đã nói như sau: “*Và chư Hiền, thế nào là căn bản bất thiện? Tham là căn bản bất thiện, sân là căn bản bất thiện, si là căn bản bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản bất thiện*” và ngược lại “*chư Hiền, thế nào là căn bản thiện? Không tham là căn bản thiện, không sân là căn bản thiện, không si là căn bản thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là căn bản thiện*”. Như vậy, chính từ ba yếu tố Tham (*Lobha*), Sân (*Dosa*), Si (*Moha*) đã cấu thành nên gốc rễ của những điều Bất thiện (*Akusalā*), và khi đoạn trừ được ba yếu tố này thì được gọi là Thiện (*Kusalā*). Triển khai rộng ra thì từ 3 căn bản bất thiện Tham, Sân, Si ta có tất cả 10 bất thiện lưu xuất nơi thân - miệng - ý như sau : “*Và này chư Hiền, thế nào là thiện, Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện,*

không sân là thiện, chánh tri kiến là thiện” [12]. Trong mười thiện này, thì ba thân thiện nghiệp là không sát sinh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong dục lạc do Tư Tâm Sở (*Cetanā*) điều sử, dựa trên tác ý đúng. Bốn ngữ thiện nghiệp là không nói dối, không nói đâm thọc, không nói lời thô ác, không nói nhảm nhí cũng là do Tư Tâm Sở điều khiển và sai sử dựa trên Tác ý đúng. Chỉ riêng ba thân thiện nghiệp nơi ý là không tham lam, không sân và có trí là Tư Tâm Sở điều khiển và sai sử các tâm sở phối hợp với nó dựa trên Tác ý đúng.

GỚI LÀ CON ĐƯỜNG ĐƯA ĐẾN SỰ TOÀN HẢO VỀ ĐẠO ĐỨC

Vậy làm cách nào để từ bỏ đi những pháp Bất thiện và làm lớn mạnh lên những pháp Thiện trong mỗi con người của chúng ta? Từ điển Graw Hill Book đã định nghĩa rằng: “*Đạo đức là môn học đánh giá các hành vi thiện ác của con người biểu hiện qua thân, lời nói, ý và được thực hiện bởi lý trí, tình cảm và ý chí*” [13]. Vì vậy, để xây dựng một con người đạo đức với những phẩm chất thiện lành thì phải có những chuẩn tắc về hành vi thiện hay bất thiện xuất phát từ ba khía cạnh là thân, miệng và ý. Một hành vi phải đem lại hạnh phúc cho mình, cho người, cho xã hội là chuẩn tắc để đánh giá là thiện pháp hay bất thiện pháp. Đối với Phật giáo, chuẩn tắc hành vi đó phải dựa vào Giới hay chuẩn tắc ấy chính là Giới.

Giới (*Sīla*) là những điều được nêu ra, giúp cho chúng ta làm mô phạm ứng xử nhằm nâng cao nhân phẩm của con người bằng cách không vi phạm những điều phi Đạo đức. Trong giáo lý nhà Phật, tùy theo căn cơ của hàng ngũ xuất gia và tại gia mà phân thành nhiều loại giới, như 248 giới của Tỳ kheo, 350 giới của Tỳ kheo Ni, 10 giới của Sa-di và Sa-di-ni, 5 giới của Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di,... Tuy đa dạng như vậy, nhưng tựu trung lại vẫn dựa trên nền tảng của Ngũ giới (*Pañcasīlā*) là không sát sanh, không lấy của không cho, không tà hạnh trong các dục, không nói dối và không uống rượu (Không sử dụng các chất kích thích có hại cho sức khỏe). Đây được xem là nền tảng căn bản nhất để làm một con người có đạo đức; là bậc thang để bước lên những cấp bậc cao hơn của Thánh nhân và tiến tới quả vị Phật. Khi một người giữ gìn năm giới này một cách thanh tịnh, thì tâm được an ổn, tự tại; vì khi đó ta biết rằng mình đang trú trong đạo đức, từ đó cảm nhận được hạnh phúc và an lạc ngay trong

hiện tại và chính cuộc sống của mình ngay tại đây. Vì lẽ đó, có thể nói Ngũ giới là điều kiện cần và đủ để làm một con người.

Bản chất của con người là không thích kẻ khác gây ra bất cứ sự tổn thương nào đến cho mình như tổn hại đến tính mạng, mất mát tài sản, rối loạn hạnh phúc gia đình,... Chính vì lẽ đó, ta cũng không nên gây hại cho những người khác bằng những điều mà mình không thích như trên. Đây cũng chính là giữ gìn hạnh phúc của chính mình. Bên cạnh đó, nếu tất cả những những giới điều trên bị vi phạm và phá bỏ thì xã hội sẽ rơi vào một hoàn cảnh rối ren, đau khổ. Chỉ từ sự đánh mất hạnh phúc qua việc phá giới thì đã tạo ra đau khổ cho gia đình, xã hội, thậm chí là dẫn đến chiến tranh, xung đột nếu vị ấy là người có chức có quyền. Vì vậy năm giới là điều kiện tất yếu cần phải được tuân thủ [14].

Như đã trình bày ở trên, Nghiệp là hành động cố ý. Hành động cố ý là Hành uẩn. Sự vận hành của Hành uẩn cũng chính là sự vận hành của Ngũ uẩn. Nên Nghiệp chính là sự vận hành của Năm thủ uẩn. Cứu cánh của Đạo Phật chính là giải phóng con người khỏi sự trói buộc của Nghiệp, cũng có nghĩa là giải thoát khỏi sự trói buộc của Năm thủ uẩn. Làm được việc này có nghĩa là loại bỏ đi tư duy sai lệch khi cho rằng các hiện hữu có một cái ngã thường hằng, từ đó dục vọng dấy khởi; đồng thời phát triển cái nhìn thấy rằng vạn vật đều là vô ngã nên không còn tâm lý ham muốn. Đức Phật đã chỉ cho những đệ tử của mình rằng: *“Và này các Tỳ kheo, thế nào là Nghiệp đoạn diệt? Xúc đoạn diệt, này các Tỳ kheo, là nghiệp đoạn diệt. Đây là Thánh đạo tám ngành, con đường đưa đến các nghiệp đoạn diệt. Đó là chánh tri kiến... chánh định”* [15].

Như vậy, Thánh đạo tám ngành (*Ariya atṭhaṅgika magga*) hay Bát chánh đạo chính là con đường giúp cho chúng sinh thoát khỏi vòng trói buộc của Nghiệp, là con đường thăng hoa giá trị Đạo đức, Phẩm hạnh và nó phải được bắt đầu bằng Chánh kiến tức là cái thấy đúng đắn từ nơi mỗi cá nhân. Điều này, đã được Đức Phật cắt nghĩa trong kinh Đại Niệm Xứ rằng: *“Này các Tỳ kheo, thế nào là Chánh tri kiến? Này các Tỳ kheo, tri kiến về Khổ, tri kiến về Khổ tập, tri kiến về Khổ diệt, tri kiến về Khổ diệt đạo. Này các Tỳ kheo, như vậy gọi là Chánh tri kiến. Này các Tỳ kheo, thế nào là Chánh*

tư duy? Tư duy về lý dục, tư duy về vô sân, tư duy về bất hại. Này các Tỳ kheo, như vậy gọi là Chánh tư duy” [16]. Nhờ có Chánh kiến (*Sammādiṭṭhi*), chúng ta nhận rõ ra được những phiền não, khổ đau trong chính con người của ta, biết được nguồn gốc của nó và biết cần phải làm những gì để loại trừ đi nó. Và Chánh tư duy (*Sammā saṅkappa*) hay sự tư duy về sự xả ly, về vô sân, vô hại, là động cơ để con người đạt đến được chỗ an tịnh cho tâm hồn. Tiếp đến, Đức Phật còn nói rõ thêm rằng Chánh ngữ (*Sammā vācā*) chính là không nói dối, không nói hai lưỡi, không nói lời thô ác, không nói lời phù phiếm. Chánh nghiệp (*Sammā kammanta*) chính là giữ gìn không sát sinh, không trộm cắp, không làm việc sai lầm vì các lạc thú. Chánh mạng (*Sammā ājīva*) chính là loại bỏ đi tà mạng. Tất cả những hành động ấy đều chính là nghiệp thiện, giúp cho người hành trì chế ngự được những căn bản phiền não khởi lên trong tâm. Nhưng để duy trì được những thiện pháp ấy một cách liên tục thì Hành giả cần phải cần đến yếu tố Chánh tinh tấn (*Sammā vāyāma*): *“với chánh tinh tấn, một vị Tỳ kheo khởi lên ý muốn, nỗ lực, quyết tâm, trì chí để làm cho không khởi lên các bất thiện tâm chưa khởi lên... để loại bỏ các bất thiện tâm đã khởi lên..., để khởi lên các thiện tâm chưa khởi lên..., để làm cho các thiện tâm đã khởi được duy trì, được giữ gìn, được tăng trưởng, được thuần thục, được phát triển đến viên mãn”*.

Qua đó, ta thấy rằng nhờ Tinh tấn mà các nguyên nhân của phiền não được loại trừ, và các tâm thiện được khơi dậy. Và nếu không có Tinh tấn thì Thiền định khó thành tựu; vì nhờ có Tinh tấn mà hành giả đi vào thực hành Chánh niệm (*Sammā sati*) thông qua Tứ niệm xứ, từ đó tẩy trừ đi hết các cấu uế nhiễm ô nơi tâm và có cái nhìn như thật về sự vật, an trú vào tâm giải thoát và cảm thọ hạnh phúc. Tại đây, Thiền quán được phát triển mạnh, cái nhìn Trí tuệ về năm thủ uẩn có thể đoạn diệt hết các lậu hoặc để Trí tuệ giải thoát được thành tựu.

Tóm lại, các nhân tố có mối quan hệ mật thiết với nhau, mà ở đó, “Chánh kiến” là nhân tố quan trọng nhất, được xem là khởi điểm và đích đến của lộ trình giác ngộ, như lời Đức Phật đã nói: *“Đây, này các Tỳ kheo, Chánh kiến đi hàng đầu. Và thế nào, này Tỳ kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỳ kheo, do chánh kiến được khởi lên. Chánh ngữ do Chánh tư duy được khởi lên. Chánh*

nghiệp do Chánh ngữ được khởi lên. Chánh mạng do Chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do Chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do Chánh tinh tấn được khởi lên. Chánh định do Chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do Chánh định được khởi lên. Chánh giải thoát do chánh trí được khởi lên. Như vậy, này các Tỳ kheo, đạo lộ của vị hữu học gồm có tám chi phần và đạo lộ của vị A-la-hán gồm có mười chi phần [17].

Với hình thức thu gọn, Bát Chánh đạo như trên chính là Tam vô lậu học (*Tisso Sikkhā*), với Giới (*Sīla*) chính là Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng; Định (*Samādhi*) gồm Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định; Tuệ (*Paññā*) gồm Chánh kiến và Chánh tư duy. Tầm quan trọng của Giới - Định - Tuệ đã được Đức Phật khẳng định như sau : “*Đây là Giới, đây là Định, đây là Tuệ, Định cùng đi với Giới đem lại kết quả lớn, lợi ích lớn. Tuệ cùng đi với Định đem lại kết quả lớn, lợi ích lớn. Tâm cùng đi với Tuệ sẽ trở nên giải thoát, hoàn toàn thoát khỏi mọi lậu hoặc : Dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu*” [18]. Qua đó, ta thấy mục đích rốt ráo mà Đức Phật chỉ dạy cho người đệ tử Phật cũng chỉ là khơi dậy các đặc tính Đạo đức tích cực như từ bỏ, không hận, không làm hại, trừ bỏ đi các quan điểm đạo đức tiêu cực là quan điểm liên quan đến dục lạc, hận và hại. Thực tập Định sẽ thành tựu năm Thiền chi (Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất tâm) để đối trừ lại năm Triền cái (Tham, Sân, Trạo Hối, Hôn Thụy và Hoài nghi), hành trì Giới để mở rộng lòng Từ bi để xóa tan đi sân hận, khai phóng trí tuệ giải thoát để xua tan đi màn hắc ám si mê về giải thoát ngã mạn khi cho rằng có một cái tôi thường còn [19].

Như vậy, quá trình tu tập để gia tăng đạo đức thông qua Tam vô lậu học, mà nền tảng nhất chính là hành trì Ngũ giới là một hành trình mang tính chất cá nhân, nghĩa là mỗi người phải tự thực hiện bằng chính sự nỗ lực của mình, thông qua Tư tâm sở (*Cetanā*) trong việc tự do lựa chọn với ý thức trách nhiệm về những điều mà mình sẽ làm.

KẾT LUẬN

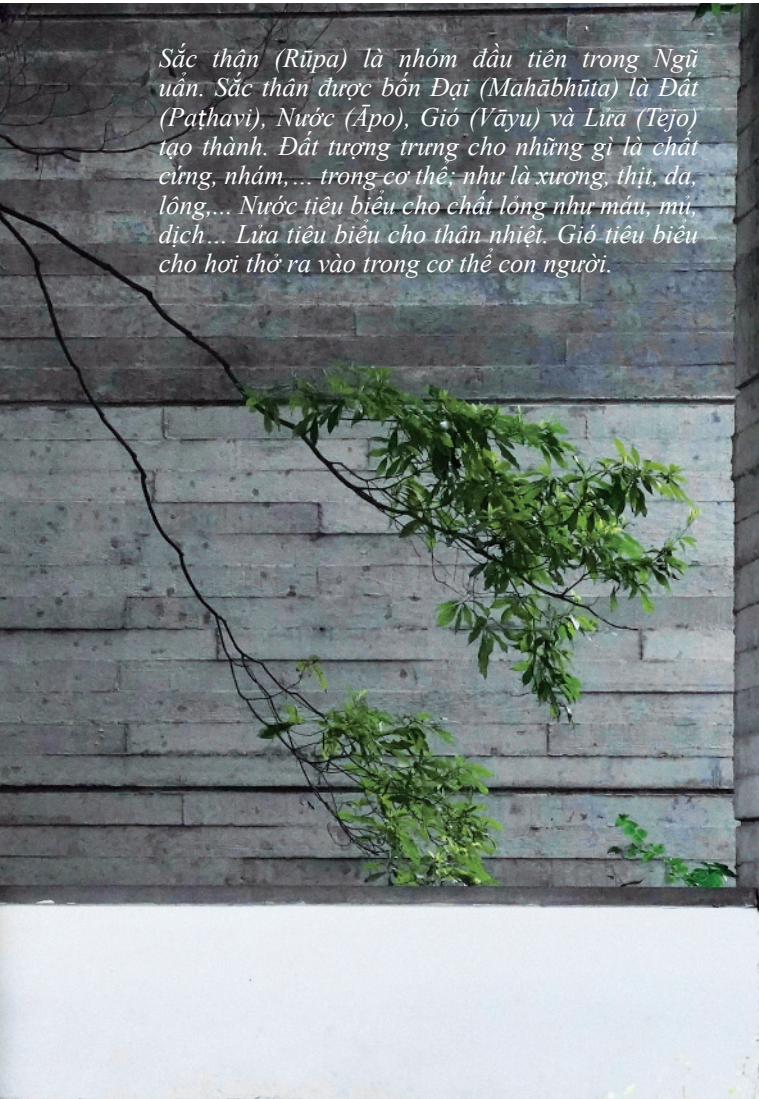
Đức Phật, bằng Tuệ giác của mình, đã nhận thấy rằng chỉ có con đường thực tập đạo đức và thiền định mới là con đường giải phóng con người ra khỏi mọi khổ đau phiền não, đưa mỗi cá nhân từ cấp độ phàm phu trở thành bậc Thánh một cách trọn



vẹn nhất. Con đường mà Ngài khám phá chính là con đường của Bát Chánh đạo hay nói cách khác chính là con đường của Giới - Định - Tuệ. Trong đó Giới là nền tảng đầu tiên của con đường thực tập. Nhờ Giới mà mỗi con người chúng ta hoàn bị được những giá trị cá nhân, nâng cao được đạo đức, phẩm hạnh; từ đó có được một cuộc sống hạnh phúc, góp phần kiến tạo nên một xã hội hoà bình, thịnh vượng.

Nhưng muốn làm được việc đó, đòi hỏi mỗi một con người phải có một sự nhận thức đúng đắn về bản chất của vạn pháp là Vô thường, Vô ngã và Khô. Ở đó, không có một cái gì là vĩnh cửu thường còn, không cái gì có một thực thể cố định nào cả. Tất cả đều là giả tạm, luôn chịu sự thay đổi, chuyển biến theo dòng chảy của thời gian. Sự nhận thức đúng

Sắc thân (Rūpa) là nhóm đầu tiên trong Ngũ uẩn. Sắc thân được bốn Đại (Mahābhūta) là Đất (Paṭhavi), Nước (Āpo), Gió (Vāyu) và Lửa (Tejo) tạo thành. Đất tượng trưng cho những gì là chất cứng, nhám,... trong cơ thể; như là xương, thịt, da, lông,... Nước tiêu biểu cho chất lỏng như máu, nọc, dịch... Lửa tiêu biểu cho thân nhiệt. Gió tiêu biểu cho hơi thở ra vào trong cơ thể con người.



đến còn phải nằm ở việc hiểu thấu đáo về luật Nhân quả Nghiệp báo; đó là định luật chi phối cho mọi hành vi Thiện - Ác của mỗi cá nhân trong lộ trình sinh tử. Đức Phật đã xác định rằng con người là chủ nhân của Nghiệp và cũng là thừa tự của Nghiệp, Nghiệp do chính mình dựng tâm tạo ra, thời nghiệp quả ấy do mình nhận lãnh không thể trốn chạy. Nói cách khác, chính mình phải nhận thức đúng đắn về hành vi của mình, chịu trách nhiệm với cuộc sống hiện tại và tương lai của mình. Và chúng ta không thể quy trách nhiệm, phó thác cuộc đời của ta cho một đấng thần linh hay thế lực siêu nhiên nào cả như quan điểm của các tôn giáo khác đã quan niệm. Để thoát khỏi sự trói buộc của Nghiệp, chúng ta phải thường xuyên chánh niệm, tỉnh giác, thu thúc sáu căn và luôn có Chánh kiến trong mọi ý nghĩ,

hành động, lời nói dù là nhỏ nhất và phù hợp với Chánh đạo. Chúng ta không những không nói lời bất thiện, không làm điều bất thiện, mà còn phải cẩn trọng trong từng suy nghĩ của mình, phải “như lý tác ý” với mọi nhân duyên. Có như vậy, tâm ta mới dần trở nên thuần thiện, không có ác cấu nhiễm ô, tứ đó tâm thể định tĩnh, sáng suốt thấy rõ chân tướng sự vật và hướng tới giác ngộ, như lời Đức Phật đã dạy:

“Người tâm ý an tịnh,
Lời an, nghiệp cũng an,
Chánh trí, chơn giải thoát,
Tịnh lạc là vị ấy” [20].

Chú thích:

- [1] Thích Minh Châu (2013, dịch), *Kinh Tương Ưng Bộ - Tập I, Tập II: Thiên Nhân Duyên*, Chương I: Tương Ưng Nhân Duyên, I. Phẩm Phật Đà, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.373.
- [2] Thích Minh Châu (2013, dịch), *Kinh Tương Ưng Bộ - Tập I, VII: Đại Phẩm Thứ Bảy*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.471.
- [3] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ I, 18. Kinh Mật Hoàn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.147.
- [4] Thích Minh Châu (2013, dịch), *Kinh Tương Ưng Bộ - Tập II, Phần Ba: Phẩm Một Trăm Lễ Tâm Pháp Môn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.295.
- [5] Leslie Stevenson (2021), *Mười hai học thuyết về bản tính con người, Lưu Hồng Khanh dịch*, NXB. Khoa học xã hội, TP HCM, tr.124-125.
- [6] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ I, 56. Kinh Ưu-Ba-Ly*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.456.
- [7] Thích Minh Châu (2015, dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ - Tập II, VI. Đại Phẩm*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.141.
- [8] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ 1, 2. Kinh Tát Cã Lậu Hoặc*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.25.
- [9] Indacanda (2014, dịch), *Đại Phẩm Tập I*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.40.
- [10] Thích Minh Châu (2015, dịch), *Kinh Tăng Chi Bộ - Tập II, V. Phẩm Măng Nhiếp*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.591.
- [11] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ 2, 78. Kinh Samaṇamañḍikā*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.52.
- [12] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ 1, 9. Kinh Chánh Tri Kiến*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.75.
- [13] Will Durant (1971), *Câu chuyện triết học*, Trí Hải và Bửu dịch dịch, Tu thư Vạn Hạnh.
- [14] Viên Trí (2019), *Ý nghĩa Giới Luật*, Nxb. Hồng Đức, TP HCM, tr.107-111.
- [15] Sđd 7, tr.141.
- [16] Thích Minh Châu (2013, dịch), *Kinh Trường Bộ, 22. Kinh Đại Niệm Xứ*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.457.
- [17] Thích Minh Châu (2012, dịch), *Kinh Trung Bộ 2, 117. Đại Kinh Bốn Mười*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, tr.405.
- [18] Thích Minh Châu (2013, dịch), *Kinh Trường Bộ, 16. Kinh Đại Bát-Niết-Bàn*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.284.
- [19] Thích Chơn Thiện (2009), *Lý thuyết Nhân tính qua kinh tạng Pāli*, Nxb. Phương Đông, TP HCM, tr.232 - 238.
- [20] Thích Minh Châu (2015, dịch), *Kinh Tiểu Bộ - Tập I, Pháp Cú*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.55.

Nghệ thuật ? PHỦ ĐỊNH trong Kinh Kim Cang



SC. Thích Nữ Liên Thuận*

DẪN NHẬP

Kinh Kim Cang hay là Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa (金剛般若波羅密經 - Vajracchedikā-prajñāpāramitā-sūtra) là một bản kinh tiêu biểu trong văn hệ Bát nhã (prajñāpāramitā) của kho tàng văn học kinh điển Phật giáo phát triển. Sức ảnh hưởng của bản kinh này sâu rộng nhất đối với các nước Phật giáo như: Trung Quốc, Việt Nam... và là bản kinh quan trọng với Thiền tông.

Về nguồn gốc xuất hiện của Kinh Kim Cang cũng như văn hệ Bát nhã, hiện vẫn còn là vấn đề chưa được thống nhất trong quan điểm nghiên cứu của các nhà Phật học. Theo Etienne Lamotte, văn hệ Bát-nhã khởi đầu từ Tây Bắc và Trung Á (Khotan), bởi ảnh hưởng của nền văn minh Địa Trung Hải nên hình thành Đại thừa Phật giáo. Còn theo Edward Conza, văn hệ Bát nhã thịnh hành ở Tây Bắc trong triều đại Kouchan và ông chia văn hệ này thành bốn thời kỳ, kéo dài hơn 10 thế kỷ. Tuy nhiên, có một số học giả (đa số người Nhật) không đồng ý với quan điểm này, và cho rằng Kinh Kim Cương xuất hiện sớm hơn [1].



Có một điều cần phải lưu ý là bản kinh này nhắm đến đối tượng nghe là các vị Bồ tát, và nghệ thuật phủ định cũng nhắm vào trí của các vị Bồ tát, những người không còn chấp thủ vào ngã tướng (ātma-samjñā), nhân tướng (pudgala-samjñā), chúng sinh tướng (sattva-samjñā), thọ giả tướng (jīva-samjñā). Nếu một người mà có ý niệm về ngã (ātman) thì người đó là phàm phu.



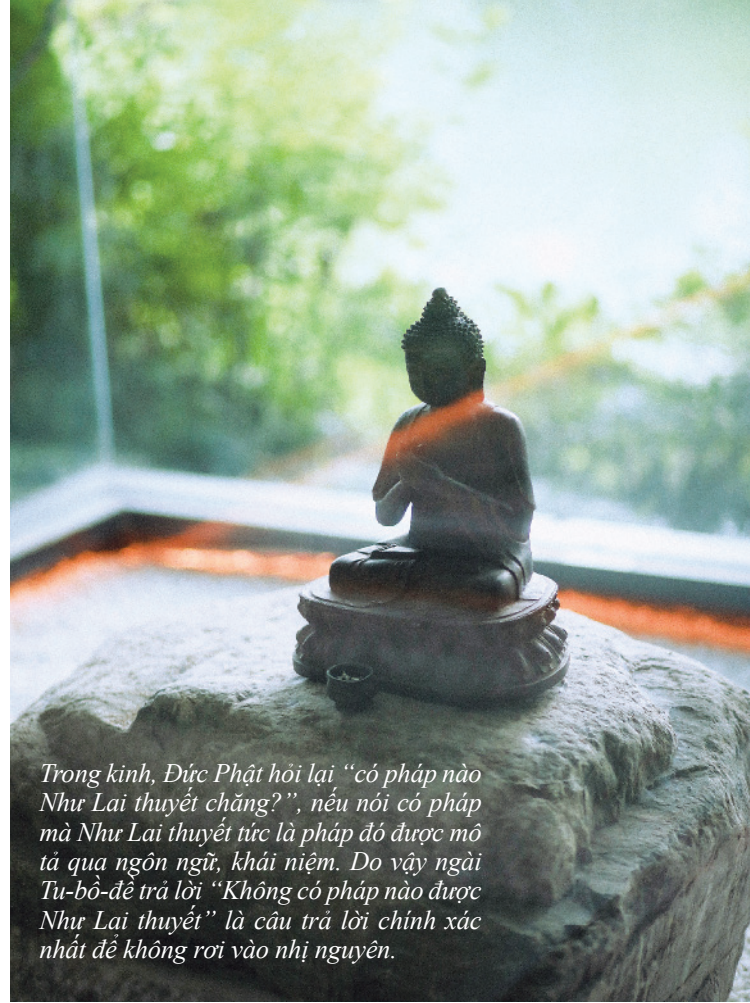
Nghệ thuật phủ định trong kinh Kim Cang không phải vận hành theo mô thức phủ định theo logic học thông thường là “A không phải là A, A chính là B (khác A)” mà theo logic “A không phải là A, do đó A chính là A”. Phủ định này không được hiểu trên sự nhận thức đơn thuần qua khái niệm, ngôn ngữ mà phải được hiểu vượt qua phân tích, khái niệm, ngôn ngữ mới may ra hiểu được thực tánh của các pháp.

Có ít nhất 8 bản dịch Trung văn được lưu truyền nhưng có 6 bản tin cậy. Trong đó bản dịch sớm nhất là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa (Đại Chánh Tạng, quyển 8, số 235) của Đại sư Cưu Ma La Thập vào đời Diêu Tần (năm 402), ngôn ngữ xúc tích và nội dung phù hợp với ý chính của kinh. Về sau có 5 bản dịch khác tiếp tục xuất hiện:

1. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Đại Chánh Tạng, quyển 8, số 236) do Tam tạng pháp sư Bồ Đề Lưu Chi dịch tại Chùa Vĩnh Ninh vào đời Nguyên Ngụy.
2. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La (Đại Chánh Tạng, quyển 8, số 237) do Pháp sư Chân Đế dịch tại Chùa Chế Chi ở Quảng Châu vào đời Trần.
3. Kinh Kim Cang Năng Đoạn Bát Nhã Ba La Mật (Đại Chánh Tạng, quyển 8, số 238) do Tam tạng Pháp sư Đạt Ma Cấp Đa dịch tại vườn Chi Lâm ở Đông Đô vào đời Tùy.
4. Kinh Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa tức Kinh Đại Bát Nhã Ba La Mật Đa (Đại Chánh Tạng, quyển 7, số 220) do Pháp sư Huyền Trang dịch tại chùa Hoằng Phúc ở Tây Kinh vào đời Đường.
5. Kinh Phật Thuyết Năng Đoạn Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa (Đại Chánh Tạng, quyển 8, số 239) do Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch tại Trường An vào đời Đường.

Ngoài ra, còn có các bản dịch khác bằng Tạng văn, Mãn văn... Kinh Kim Cang bằng Phạn văn được lưu truyền rộng rãi ở Trung Quốc, Việt Nam, Nhật Bản và các nước thuộc khu vực Trung Á. Việc tiếp cận bản kinh này tùy thuộc vào cách nhìn khác nhau của người học. Qua lăng kính văn học, kinh Kim Cang có nhiều đặc tính, trong đó người viết tâm đắc nhất là tính phủ định trong bản kinh này.

Tính phủ định trong kinh này tựa như những khẳng định mang tính mâu thuẫn hay phủ định thường xuyên lặp lại trong các vấn đề quan trọng mà Đức Phật cần nói, để hướng cho người học thông đạt ý nghĩa sâu xa của họ đối với Phật giáo. Tính phủ định trong văn học cũng là luận lý mà người viết thường đưa ra theo mô-típ phủ định của phủ định là khẳng định hay nói rõ hơn, nó được xác lập theo tiên đề “*A không phải là A, do đó A là A*”. Phủ định là một tiên đề triết học mà các triết gia từ xưa đến nay đều công nhận, tính phủ định thể hiện qua đời sống thực tế. Sự thực thì pháp luôn biến đổi, không đứng một chỗ, nếu đứng một chỗ thì không có cái mới xuất



Trong kinh, Đức Phật hỏi lại “có pháp nào Như Lai thuyết chăng?”, nếu nói có pháp mà Như Lai thuyết tức là pháp đó được mô tả qua ngôn ngữ, khái niệm. Do vậy ngài Tu-bồ-đề trả lời “Không có pháp nào được Như Lai thuyết” là câu trả lời chính xác nhất để không rơi vào nhị nguyên.

hiện, không có sự phát triển. Vì vậy, việc phủ định cái cũ tạo tiền đề cho cái mới xuất hiện và phát triển.

SỰ QUAN TRỌNG CỦA LẬP LUẬN PHỦ ĐỊNH TRONG KINH KIM CANG

Trước khi đi vào phân tích mô-típ phủ định trong kinh, chúng ta thử tìm hiểu phủ định trong Phật giáo là gì, hay phủ định là gì?

Theo logic học Phật giáo, nhận thức có hai dạng là nhận thức trực tiếp (hiện lượng) và nhận thức gián tiếp (tỷ lượng) về một điểm nào đó trên vô biểu kiến của thực tại chứ không phải bản thân của thực tại. Đây là điểm quan trọng xuyên suốt để hiểu về nghệ thuật phủ định trong kinh Kim Cang. Bởi vì phủ định này để đưa đến thực tánh, bản chất chân thật của các pháp, muốn vậy phải vượt qua sự hiểu biết nhận thức thông thường. Và, nhận thức và ngôn ngữ biểu đạt nhận thức có mối quan hệ với nhau. Ngôn từ là một hiện hữu tương đối, chứa đựng toàn thể kinh nghiệm của nhận thức duy trì kinh nghiệm này.

Logic học Phật giáo đưa ra 4 tiên đề: có; không; vừa có, vừa không; không có, không không. Khi nói “không” không có nghĩa là “có” cũng không có nghĩa là “vừa có vừa không”, cũng không có nghĩa là “vừa không có vừa không không”, cũng không có nghĩa là cả ba vấn

đề trên. “Không” ở đây chỉ đơn giản là “không” chứ không suy diễn rồi gán cho nó một vẻ khác trong ba vẻ được nêu trên. Vì vậy, với người học logic học Phật giáo, nói tôi không phải là người Hà Nội thì chỉ hiểu là không phải là người Hà Nội thôi, chứ không thể suy diễn rồi kết luận nếu không phải người Hà Nội thì là người Huế, hay người Sài Gòn.

PHÂN TÍCH CÁC ĐOẠN KINH CÓ NGHỆ THUẬT PHỦ ĐỊNH

Có một điều cần phải lưu ý là bản kinh này nhắm đến đối tượng nghe là các vị Bồ tát, và nghệ thuật phủ định cũng nhắm vào trí của các vị Bồ tát, những người không còn chấp thủ vào ngã tướng (ātma-saṃjñā), nhân tướng (pudgala-saṃjñā), chúng sinh tướng (sattva-saṃjñā), thọ giả tướng (jīva-saṃjñā). Nếu một người mà có ý niệm về ngã (ātman) thì người đó là phạm phu.

“Phật bảo Tu-bồ-đề:....Người nghe chương cú này cho đến một niệm sanh lòng tin thanh tịnh, này Tu-bồ-đề, Như Lai ắt biết, ắt thấy các chúng sanh ấy được vô lượng phước đức như thế. Vì có sao? Vì các chúng sanh ấy không còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng sanh, tướng thọ giả, không có tướng pháp cũng không tướng phi pháp” [2].

Ở đoạn kinh trên, nghệ thuật phủ định ở chỗ không có tướng pháp cũng không có tướng phi pháp (không pháp). Không có tướng pháp vì các vị Bồ tát biết rằng pháp không thật tồn tại riêng nó mà do duyên hợp. Không có tướng phi pháp là sự phủ định tướng pháp ở trên, nhưng không phải là phủ định đơn thuần là “không có gì”, bởi lẽ nếu nhận thức là tướng thì nó đơn thuần là mô tả lại pháp trong tiến trình nhận thức mà không phải là thật pháp, nếu lầm tướng là pháp thật thì sai lầm, nên Bồ tát không có tướng gì cả. Tuy thế, Bồ tát cũng không có không tướng, bởi vì nhận thức vẫn phải tiếp tục khi còn sống. Cho nên, vị Bồ tát không dính kẹt trên những nhận thức, không sai lầm trên nhận thức. Nghệ thuật phủ định gần như đưa các vị Bồ tát đến giáo nghĩa vô tướng (tướng không, đã là vô tướng thì không thể diễn là gì hay không là gì).

Đoạn kinh văn: *“Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì có sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã,*

nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp.

Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.” [3]

Không chấp pháp vì Bồ tát tin rằng các pháp hữu vi không thực có, tuy nhiên nếu không tin có pháp thì dĩ nhiên người phạm phu rơi vào tình trạng tin vào phi pháp (không pháp) đối lập với pháp thì lại không phải là ý của Đức Phật dạy, do vậy phủ định không nên chấp phi pháp được hiểu là không nên có tướng trên một đối tượng nào. Phủ nhận pháp là rơi vào thường, phủ nhận phi pháp là không rơi vào đoạn. Không rơi vào hai thái cực là yếu nghĩa của trung đạo. Xét thực tế thì khổ đau do dính mắc, còn các pháp tự nó là vô tướng, hiểu được vậy thì khổ đau được tiêu trừ.

Đoạn kinh văn: *“Này Tu-bồ-đề, Phật nói Bát-nhã ba-la-mật tức không phải Bát-nhã ba-la-mật, ấy gọi là Bát-nhã ba-la-mật.” [4]*

Khi Đức Phật nói tên Kinh Bát-nhã ba-la-mật, ngay lập tức chúng ta theo phản xạ muốn biết Bát-nhã ba-la-mật là gì? Nhưng Bát-nhã ba-la-mật không thể được hiểu ngôn từ, khái niệm. Nên Đức Phật dạy Bát-nhã ba-la-mật là không Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã không là triết lý để chúng ta có thể nhận thức bởi vì Bát-nhã không phải là một đối tượng để nhận thức được, nằm ngoài ngôn ngữ và diễn đạt.

Trong kinh, Đức Phật hỏi lại *“có pháp nào Như Lai thuyết chǎng?”*, nếu nói có pháp mà Như Lai thuyết tức là pháp đó được mô tả qua ngôn ngữ, khái niệm. Do vậy ngài Tu-bồ-đề trả lời *“Không có pháp nào được Như Lai thuyết”* là câu trả lời chính xác nhất để không rơi vào nhị nguyên.

Khi đề cập đến thế giới và các vi trần thì *“thế giới không là thế giới”, “vi trần không là vi trần”* vì thế được gọi là *“thế giới”, “vi trần”*. Bởi to lớn gọi là thế giới đó được tập hợp bởi các vi trần (nguyên tử), cái nhỏ là vi trần kia được cấu thành từ các điện tử, năng lượng. Do vậy, thế giới hay vi trần là sự cấu thành bởi các duyên, tính chất là không (tướng không) từ đó *“thế giới là không thế giới gọi là thế giới, vi trần không vi trần gọi là vi trần”* [5]. Khi mô tả việc quá khứ xa xưa ở bên Phật Nhiên Đăng, Bồ tát hiểu rõ không có một pháp tương quan, tương

“Nếu còn chấp tướng pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Vì có sao? Nếu còn chấp tướng phi pháp tức còn chấp ngã, nhân, chúng sanh, thọ giả. Thế nên không nên chấp pháp, không nên chấp phi pháp. Bởi do nghĩa ấy, Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông nên biết, ta nói pháp ví dụ như chiếc bè, pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp.”



duyên nào mà có thể thành được Chánh đẳng Chánh giác cả, chỉ là trừ bỏ dính mắc, không còn dính trên pháp nào thì mới được thọ ký thành Phật.

Khi nói về trang nghiêm cõi Phật, “*Như Lai nói trang nghiêm cõi Phật là không phải trang nghiêm cõi Phật, tức là trang nghiêm cõi Phật*” [6]. Cõi Phật là vô tướng, sao có thể làm gì đó để trang nghiêm được. Do vậy, không thể hiểu trang nghiêm là cách tạo tác các pháp hữu vi, mà chỉ có thể trang nghiêm tự tâm bằng lục độ Ba-la-mật, bằng Giới – Định – Tuệ mới thực sự trang nghiêm cõi Phật. Xuyên suốt phần lớn kinh Kim Cang, nghệ thuật phủ định lặp đi lặp lại chỉ nhằm mục đích khai thị cho người học không dính mắc vào nhị nguyên phân biệt, không rơi vào thường, không rơi vào đoạn để nhận rõ con đường đúng đắn, giải thoát.

KẾT LUẬN

Nghệ thuật phủ định trong kinh Kim Cang không phải vận hành theo mô thức phủ định theo logic học thông thường là “A không phải là A, A chính là B (khác A)” mà theo logic “A không phải là A, do đó A chính là A”. Phủ định này không được hiểu trên sự nhận thức đơn thuần qua khái niệm, ngôn ngữ mà phải được hiểu vượt qua phân tích, khái niệm, ngôn ngữ mới may ra hiểu được thực tánh của các pháp.

Tuy nhiên, chưa thực sự đạt đến sự chứng ngộ theo trí tuệ Bát-nhã, nhưng nếu đem kinh Kim Cang vào cái nhìn đời thực thì phủ định là không để dính mắc vào

hiện tượng, sự vật. Bớt chấp thủ thì bớt phiền não, chỉ là nhận rõ các pháp chứ không để dính mắc trên các pháp, thì các pháp vốn là như vậy. Các pháp vốn như thế thì an nhiên trong mọi hoàn cảnh. Đây là vấn đề cần lưu tâm trên bước đường tu tập của tự thân.

Chú thích:

* Sư cô Thích Nữ Liên Thuận, Học viên Cao học khóa I tại Học viện Phật giáo Việt Nam tại Huế.

[1] Trịnh Nguyên Phước, *Đọc và hiểu kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa*. https://www.lienphathoi.org/static/chimviet/thoidai/nguyenphuc/tnp_kinhkimcuong.htm (truy cập ngày 25/11/2022)

[2] 佛告須菩提：「莫作是說！如來滅後，後五百歲，有持戒修福者，於此章句，能生信心，以此為實。當知是人，不於一佛、二佛、三四五佛而種善根，已於無量千萬佛所種諸善根。聞是章句，乃至一念生淨信者；須菩提！如來悉知悉見，是諸眾生得如是無量福德。何以故？是諸眾生，無復我相、人相、眾生相、壽者相、無法相，亦無非法相。

[3] 是故不應取法，不應取非法。以是義故，如來常說：汝等比丘！知我說法，如筏喻者；法尚應捨，何況非法？

[4] 須菩提！佛說般若波羅蜜，即非般若波羅蜜，是名般若波羅蜜

[5] 如來說非微塵，是名微塵。如來說世界非世界，是名世界

[6] 如來說莊嚴佛土者，即非莊嚴，是名莊嚴

Tài liệu tham khảo:

1. Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa.
2. Trịnh Nguyên Phước, *Đọc và hiểu kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa*.
3. Thích Nhật Từ (2011), *Ứng dụng tâm kinh trong cuộc sống*, Nxb. Hồng Đức.
4. Thích Thanh Từ (2010), *Kinh kim cang giảng giải*, Nxb. Tôn giáo.
5. Tuệ Sỹ (2019), *Triết học về tánh không*, Nxb. Hồng Đức.

NHỚ ƠN PHẬT TỔ

Bình An

Sinh ra ở chốn cung hoàng
Không mê danh lợi, không màng gấm hoa
Thương phận người cõi ta bà
Chìm trong tham ái sa đà lối mê

Sinh già bệnh tử nã nề
Luân hồi bể khổ nẻo về vô minh...
Nhọc lòng mong cứu chúng sinh
Người rời cung điện lợi tình nhẹ buông.

Chân trần áo vải phong sương
Cội bồ đề tọa ánh dương nhiệm màu
Bỏ sân si bớt khổ đau
Gieo tình thương để cùng trao an hòa.

Từ bi từ độ nở hoa
Nhân gian theo bước Thích Ca sửa mình
Nhiệm màu Bát Nhã Tâm Kinh
Đời an có Phật bên mình sáng soi.

Ngày Phật Đản đóa sen tươi
Dâng lên Phật Tổ ơn Người mãi ghi.



NGUYỆT SEN

Kim Loan

Đêm xưa trăng sáng bên rùng
Hoa sen bùng nở dưới từng bước chân
Trời trong hương ngọc ưu đàm
Từ bi Đức Phật hồng trần dẫn sinh

Thế gian trong cõi vô minh
Trầm luân theo những lụy sinh ta bà
Mê lầm biển khổ bao la
Một hôm bờ giác nở hoa nhiệm màu

Hôm sa-la nở ngọt ngào
Nguyệt sen cùng tỏa ánh hào quang thơm
Từ bi chiếu rọi tâm hồn
Hương đời hương đạo trường tồn vô biên.

Đêm nay từng bước an nhiên
Con đưa tay hứng trăng thiền vô ưu
Hoa thơm ngan ngát cõi tu
Nguyệt sen soi bóng Đức Như Lai hiền.





Quan niệm sống đạo đức của Tổ sư trong thời kỳ hội nhập và phát triển

Đinh Thị Hồng

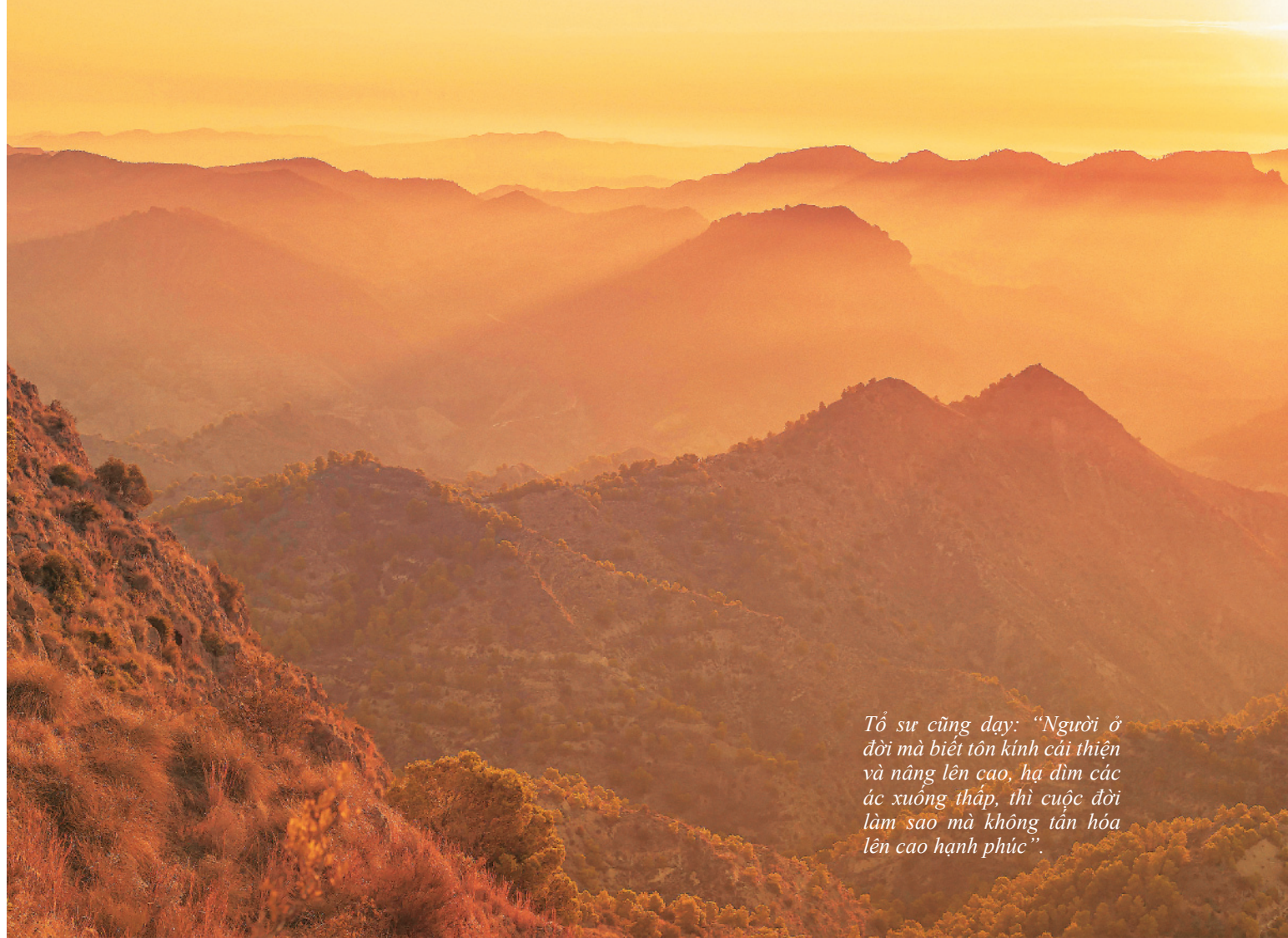
Tổ đã khuyến nhắc: “Chúng ta ai ai cũng có thể thật hành giác ngộ được hết, mà điều cần nhất là phải giải thoát, vì chỉ có giới định huệ cụ túc mới nuôi chơn như cụ túc ấy đặng”.



Dẫn nhập

Từ xưa đến nay giới nghiên cứu không ngừng bàn luận về mục đích sống của con người. Bất kể là triết gia phương Tây, phương Đông, giới học thuật, các nhà đạo đức học, cho đến Phật giáo... Tuy mỗi giới nghiên cứu đều đưa ra triết thuyết của riêng mình, nhưng điểm trọng yếu họ đều đề cập đến những tư tưởng liên quan đến mục tiêu sống. Chúng ta biết, tuy hiện nay

con người đang sống trong thời đại khoa học kỹ thuật phát triển cao độ, vật chất ngày một phong phú. Thế nhưng dục vọng con người ngày càng tăng trưởng. Phần tâm linh hầy còn bị vô minh tham vọng bao phủ. Chính vì thế đã đưa đến tham đắm, mê say, dễ rồi sống trong lường gạt, tranh chấp, xung đột. Có thể nói, sự sống của con người luôn bị giam hãm, trói buộc trong sự đua tranh giàu nghèo,



Tổ sư cũng dạy: “Người ở đời mà biết tôn kính cái thiện và nâng lên cao, hạ đìm các ác xuống thấp, thì cuộc đời làm sao mà không tấn hóa lên cao hạnh phúc”.

được mất, hơn thua... Vì vậy, tuy sống trong thế giới hòa bình nhưng nạn tai, khủng hoảng vẫn không ngừng xảy ra, đôi bên bài xích, đố kỵ, ganh ghét, tàn hại đưa đến đời sống bất an, phiền não. Vậy nên, Tổ sư Minh Đăng Quang đã đưa ra một tư tưởng hết sức độc đáo: *“Trong các sự bất hòa của thân tâm, gia đình xã hội, thì chỉ có đạo đức gián ngăn, cứu vớt đưa lên hết thảy mới được. Chính hơi thở của chúng sanh kéo dài từng hơi một là do ảnh hưởng của đạo đức vậy. Không có đạo đức thì cõi trần thế cháy bùng một cái một, chúng sanh đã tắt thở từ lâu, và không bao giờ sanh sản có ai được cả”* [1].

Quan điểm trên lý giải cho chúng ta thấy, ngày nay nhân loại đã và đang thành tựu vượt bậc về khoa học tiên tiến, mọi phương diện đều cải cách

để phù hợp với thời đại hội nhập và phát triển. Song vì sao thế giới loài người vẫn luôn sống trong nỗi bất an, sợ hãi, lo âu và thống khổ? Tất cả không ngoài mằm mông đạo đức suy thoái đã thúc đẩy đời sống con người ngày càng khổ đau hơn. Do đây mà xuất hiện biết bao công trình nghiên cứu về đạo đức. Các đề tài đều nhắm đến mục tiêu: *“Kiến lập một xã hội tươi đẹp, một đời sống lý tưởng thông qua nếp sống đạo đức”*. Vậy nên, theo cách nhìn của Tổ sư Minh Đăng Quang, trong các sự bất hòa của thân tâm, gia đình, xã hội... chỉ có đạo đức mới ngăn dứt, cứu vớt và nâng cao đời sống con người.

Để xây dựng nếp sống đạo đức tốt đẹp trên, đặc biệt hiện nay trước xu thế đạo đức đang xuống cấp trầm trọng, điểm cốt yếu chính là điều

chỉnh sự giác biết và hành vi con người thông qua lời dạy của chư Phật, chư Tổ, các bậc hiền triết... Từ đó giúp loài người nhận biết tầm quan trọng của đạo đức đối với sự sống và lý tưởng. Do vậy, trong bài viết này, người viết muốn mượn những lời dạy của Tổ sư Minh Đăng Quang trong bộ Chơn lý để trình bày khái niệm về “sống đạo đức”. Thứ đến là làm sáng tỏ vai trò đạo đức theo Tổ sư nhằm nâng cao đời sống con người và xã hội. Cuối cùng là khẳng định sống đời đạo đức giúp nhân loại cải thiện thân tâm trở về bản giác, góp phần hóa giải khổ đau, chuyên hóa xã hội tiến đến an vui, hướng thiện phù hợp với giá trị chuẩn mực của đạo đức.

KHÁI NIỆM VỀ ĐẠO ĐỨC

Nói đến đạo đức, một triết gia đã định nghĩa như sau: *“Đạo đức là*

những khuynh hướng tốt trong tâm ta, mà những khuynh hướng đó tạo nên những lời nói và hành vi bên ngoài khiến cho mọi người chung quanh ta được chuyển hóa, an vui, lợi ích” [2]. Còn từ điển định nghĩa: “Đạo đức là hệ thống các quy tắc, chuẩn mực xã hội mà nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với lợi ích của cộng đồng, của xã hội”. Aristotle- một triết gia nổi tiếng của phương Tây cũng từng phát biểu: “Mục đích trực tiếp của con người không phải là cái hay cái đẹp mà chính là hạnh phúc. Hạnh phúc là sự phát triển các đức tính thật tốt của một con người...Hạnh phúc ấy đồng nghĩa với đạo đức” [3].

Đồng quan niệm trên, Hồ Chủ tịch cũng cho rằng, giáo dục đạo đức là nhằm hình thành những phẩm chất đạo đức ổn định, đặc biệt là đạo đức ấy phải phù hợp với các chuẩn mực xã hội làm cho con người tự điều chỉnh hành vi của mình. Tiêu biểu và rõ nét hơn, Tổ sư Minh Đăng Quang cho rằng: “*Chính đạo là đức lớn bao trùm, thương yêu, nuôi nấng, chở che, dạy dỗ, sanh ra cõi đời, muôn loại được sống được nên. Thế nên kêu đạo đức là chủ, căn bản, hay chúa tể, cha lành, thầy chung đó vậy. Đạo đức là đường cái, hay bờ đập để ngăn nước sông to, như núi cao để che gió bão, như bức tường hàng rào bao bọc chúng sanh, hoặc như miếng đất trong sạch trên cao hơn hết, mà quỷ ma ác thú không tìm lên tới, nên người hiền mới sống” [4].*

Dựa vào những quan điểm nêu trên cho thấy, người sống có đạo đức sẽ gạt hái những kết quả tốt đẹp, an lành và hạnh phúc trong hiện tại và tương lai, không những

thể còn phát huy được giá trị tâm linh rất cao. Như quan niệm của các triết gia cho rằng đạo đức là những khuynh hướng tốt trong tâm mỗi người, chính nhờ khuynh hướng này mà con người mới chuyên hóa được những hành vi, lời nói bất thiện bên ngoài lẫn ý nghĩ xấu ác trong nội tâm. Từ đó khiến cho môi trường sống của con người ngày một an vui, hạnh phúc hơn. Lại nữa, theo nhận định của Aristotle, muốn tìm cầu hạnh phúc cần phát triển tốt các đức tính của một con người. Hoặc như lời dạy của Tổ sư cũng nêu rõ, trong cõi đời, muôn loại được sống yên chính nhờ sự bao trùm, lòng thương yêu, nuôi nấng, chở che, dạy dỗ lẫn nhau, vì các đức hạnh ấy được hình thành trong con người là do nếp sống đạo đức. Nếp sống này không những nâng cao phẩm chất con người, còn tạo kết nên một nếp sống trong sạch, lành mạnh, không hàm chứa các pháp ác, thành tựu các pháp lành, khiến cho người người được lợi ích. Hòa thượng Thích Minh Châu đã nói: “*Đạo đức Phật giáo là một nếp sống đem lại hạnh phúc cho con người, đề cao giá trị con người; một nếp sống trong sạch, thanh tịnh lành mạnh, loại bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp; một nếp sống đi đôi với lạc, không đi đôi với khổ, giải thoát các triền phược, các dục trướng dưỡng; một nếp sống trong ấy trí tuệ đóng vai trò then chốt, sống hài hòa với thiên nhiên, với con người; một nếp sống vô ngã vị tha” [5].*

Do ý nghĩa này, Tổ sư đã khẳng khái tuyên bố rằng, chính đạo đức là chủ, là căn bản, là chúa tể hay cha lành. Đạo đức ấy ví như đường cái, hay bờ đập để ngăn chặn nước

sông nhiễm ô từ vọng niệm bên trong và trần cảnh bên ngoài, làm cuốn trôi muôn pháp lành vốn sẵn trong con người. Hoặc như núi cao của định lực có năng lực chở che gió mưa, bão táp của phiền não, lại như bức tường rào giới luật có thể bao bọc chúng sanh, nhờ đó mà quỷ ma, ác thú không thể hãm hại. Thế nên người hiền mới sống đời an ổn, vui tươi và hạnh phúc. Cụ thể hơn, hạnh phúc theo quan niệm nhà Phật, đó là nếp sống được trang bị bởi Giới đức, Hạnh đức và Trí đức. Bởi lẽ người giữ gìn giới sẽ ngăn ngừa, tránh né được những hành vi bất thiện, xây dựng cho mình một thân khẩu ý trong sạch, đưa dẫn con người hướng về đời sống tích cực. Như đức Tổ sư đã từng tán thán: *Thân trong sạch ấy là xứ Phật Miếng trong sạch ấy là pháp Phật Ý trong sạch ấy là con Phật Tâm trong sạch tức là Đức Phật* [6].

Vậy nên, mỗi người con Phật cần chọn cho mình một cách sống, trong đó bao hàm sự sống hướng thượng, thiện lành, hạnh phúc, có hiểu biết, gọi là đời sống đạo đức, ngược lại kẻ nào sống đời đọa lạc, xấu ác, khổ đau, mê mờ, đó là đời sống vô đạo đức. Đây chính là trách nhiệm cấp bách mà bậc sư giả Như Lai cần phải trang bị cho mình và hướng dẫn cho người như lời kêu gọi của Tổ sư: “*Hãy nên dùng tài thí pháp thí dung hòa nuôi đạo, đó là phận sự của tất cả, vì đó là là đạo của chư Phật ba đời”*. Ở một góc độ khác, Tổ sư còn động viên mọi người: “*Hãy thấu hẹp các giáo lý mêng mông cuồng quẩn mà đi ngay thẳng đến một đường thiện tránh ác, lánh khổ tìm vui, để giữ gìn giới luật, đưa chen giới luật, nâng cao đạo đức tinh thần. Có thể mới đem lại cho chúng ta sự kết quả yên vui được” [7].*



Tổ sư đã khẳng khái tuyên bố rằng, chính đạo đức là chủ, là căn bản, là chúa tể hay cha lành. Đạo đức ấy ví như đường cái, hay bờ đập để ngăn chặn nước sông nhiễm ô từ vọng niệm bên trong và trần cảnh bên ngoài, làm cuốn trôi muôn pháp lành vốn sẵn trong con người. (Ảnh: daophatkhatsi.vn)

Thông qua nhận định và đánh giá trên cho thấy, trong đời sống chúng ta, mặc dù là thời đại hội nhập và phát triển, thế nhưng con người và xã hội đang đối mặt trước nguy cơ đạo đức bị suy giảm. Mỗi người muốn có hạnh phúc, an vui cần ý thức rằng, chỉ có đời sống đạo đức mới nâng cao giá trị tinh thần và sự sống của con người. Tiếp đến để nêu bật tính sống động và thiết thực về đạo đức, sau đây chúng ta thử tìm hiểu sâu hơn về vai trò đạo đức trong đời sống con người và xã hội.

VAI TRÒ ĐẠO ĐỨC ĐỐI VỚI ĐỜI SỐNG CON NGƯỜI VÀ XÃ HỘI

Nói đến vai trò đạo đức, đây là một phạm trù to lớn, vì nhìn tổng quan không ai không thừa nhận rằng, tất cả giáo pháp Đức Phật, chư Tổ, chư Hiền thánh tăng chỉ dạy đều mang tính giáo hóa về đạo đức. Vì tính chất của giáo pháp đều đem lại sự ích lợi cho tự thân và tha nhân, không những thế còn giúp hành giả cải thiện, chuyển hóa từ mê sang ngộ, từ phàm đến thánh.

Thật vậy, nhờ chất liệu đặc sắc của đạo đức mà thân tâm con người ngày càng giàu mạnh, an vui, tỏ sáng. Bởi vì đạo đức chính là nhân tố làm nâng cao nhân cách, phẩm chất cho đến trí tuệ con người. Sự lợi ích này không chỉ giới hạn ở cá nhân, ngay cả tha nhân cũng đồng được lợi lạc. Thế nên đối với sự sống, Tổ sư luôn đề cao và chỉ ra nguyên tố tạo nên sự xấu ác, hung bạo giữa người với người vì thiếu đạo đức: “*Con người bởi vô đạo, không lành mới giết nhau mà giành ăn, nếu chỉ biết làm ăn cho có, rồi giành nhau giết chết, phá hoại, không không mất hết, thì có ích gì*” [8].

Do yếu tố quan trọng ấy, Đức Phật luôn tuyên bố mục đích ra đời của Ngài chính là đem lại niềm an lạc và hạnh phúc cho con người, như trong kinh Nikaya đã từng khẳng định: “*Này các Tỳ kheo, hãy du hành, vì hạnh phúc cho quần sanh, vì an lạc cho quần sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho chư Thiên và loài người*” [9]. Hoặc lời tuyên bố nhằm nói lên bi nguyện, hoài bảo cứu khổ độ sanh của Đức Phật như sau: “*Này các Tỳ kheo, xưa cũng như nay Ta chỉ nói lên sự khổ và sự diệt khổ*” [10].

Đồng quan điểm trên, Tổ sư cũng dạy: “*Người ở đời mà biết tôn kính cái thiện và nâng lên cao, hạ đìm các ác xuống thấp, thì cuộc đời làm sao mà không tấn hóa lên cao hạnh phúc*” [11]. Còn những ai muốn tiến đến cảnh giới Niết bàn yên tịnh thì học pháp chúng sanh chung của Trung đạo Chánh đẳng Chánh giác. Đúng vậy, mỗi người được hạnh phúc hay khổ đau đều tùy thuộc cách sống khôn ngoan sáng suốt khi đối mặt với cuộc đời,

nếu mọi người biết sống đúng theo lẽ tấn hóa như Tổ sư đã dạy: *“Sự tấn hóa hay hơn hết về lẽ sống là lòng nhơn thanh thiện, biết thương yêu nhau, ... Lắm kẻ lại nhắm mắt đánh liều, sống chết tới đâu hay đó, lại đi làm việc hung ác ngang bạo, phá rối sự sống chung của số đông người, mà phải bị lập ra pháp luật, để xử hình răn phạt”* [12]. Bởi vì sự sống của chúng ta là một chuỗi dài nhân duyên, luôn gắn bó mật thiết với nhau, không ai có thể tách riêng sống tư lập một mình. Thế nên, để bảo vệ cho sự sống chung được tấn hóa, cho xã hội được lợi ích an vui, người học Phật phải có bổn phận và trách nhiệm đùm bọc, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau.

Nói cách khác, muốn đời sống phát triển, con người cần phải kiến tạo đời sống đạo đức bằng ba pháp học giới định huệ theo lời dạy của Tổ sư: *“Chính tham sân si là ác độc, là khổ hại. Đối trị nó chỉ có đạo đức của giới định huệ mà thôi”* [13]. Nói đến giới tức sống theo phương châm chỉ ác tác thiện, nghĩa là dứt bỏ các điều ác, hằng làm mọi điều thiện như lời Phật dạy. Tổ sư cũng cho rằng: *“Giới luật quý giá hơn vàng bạc mà người ta hằng tìm tòi chẳng biết mệt nhọc”* [14]. Hoặc trong bài kệ giới còn đề cao tính chất sống động hơn về ý nghĩa của giới: *“Giới ví như bức tường để ngăn các nẻo phóng tâm, chẳng cho lục trần thâm nhập. Có giới mới có thể phân biệt được nẻo chánh đường tà. Có giới mới có sự an vui hòa hảo. Giới là cái nhơn sanh của giống người và trời, nghĩa là nhờ giới mới có thể bảo giữ cho con người được hoàn toàn tấn hóa”* [15]. Từ ý nghĩa và tính chất của giới luật nhằm dẫn dắt con người thoát khỏi nếp sống trầm luân, đọa lạc, mê lầm, khổ não tiến đến đời

sống tịnh lạc giải thoát. Trình bày chi tiết hơn, sống theo giới luật không chỉ trường dưỡng được đạo tâm, các căn được phòng hộ, làm cho thân tâm ngày càng trong sạch, tươi mát, thiện lành. Điều quan trọng nữa, giới được xây dựng trên nền tảng tự lợi, lợi tha, tức không những lợi mình còn lợi cho người, nhờ có giới mà chuyển hóa tâm ý con người từ mê lầm, loạn lạc tiến dần đến định tĩnh, biết rõ chánh tà, làm chủ thân tâm, nên nói nhờ có giới làm ngăn ngừa các nẻo phóng tâm, lục trần không xâm nhập. Thật vậy, chính giới luật làm thêm thang cho hành giả tu tập bước vào cõi thánh. Từ giới mới sanh được định, nhân định mà phát huệ.

Nói chung, muốn trang bị cho mình một đời sống với nhân cách đạo đức tốt, cần phải tu tập Giới - Định - Tuệ, nên trong Chơn lý Phật tánh, Tổ sư đã khuyến nhắc: *“Chúng ta ai ai cũng có thể thật hành giác ngộ được hết, mà điều cần nhất là phải giải thoát, vì chỉ có giới định huệ cụ túc mới nuôi chơn như cụ túc ấy đặng”*. Thật vậy, chư Phật, chư Tổ đều dạy, muốn thật hành giác ngộ chỉ có con đường duy nhất đó là hành trì giới, định, tuệ. Cũng có thể nói, tiến trình giới, định, tuệ được ví như ngọn đuốc sáng giúp nhân loại chiếu soi không đi trong mê lầm, tăm tối, làm thành trì ngăn chặn sự nguy hiểm, sai lạc, tránh khỏi rơi vào hầm hố tội lỗi, ngăn dứt phiền não để tiến đến Niết bàn. Vì đây là cách thức đoạn dục, dứt tuyệt vọng tưởng, phá bỏ ngã chấp, diệt trừ vô minh, chứng ngộ Niết bàn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TỔ SƯ VỀ GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG

Trước bối cảnh đạo đức con người đối diện nhiều nguy cơ

suy thoái, như trên đã trình bày nguyên nhân chủ yếu chính do sức cám dỗ từ đời sống vật chất hưng thịnh do khoa học kỹ thuật tiến bộ mang lại. Song, về bản chất, tất cả vạn vật trong vũ trụ không một thứ gì là bền chắc, cố định, tồn tại mãi mãi, điều đó trong thiên kinh vạn quyển, suốt từ mấy ngàn năm nay, Đức Phật đã nói rất rõ ràng.

Tích cực hơn nữa, Đức Phật đã từng tuyên bố, mọi sự khổ đau hay hạnh phúc đều do chính con người tạo ra, chẳng phải do ai ban bố hay nương tựa một ai khác. Chỉ dùng chánh pháp làm hòn đảo, làm nơi nương tựa cho tự thân mình, đây chính là nhấn mạnh vai trò quyết định trong tiến trình sống của con người. Nói rõ hơn, Đức Phật đã tuyên bố *“Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”* cũng hàm ý muốn khẳng định với mọi người về tinh thần tự chủ của chính mình. Chúng ta nên biết rõ, lẽ sống của đời người là tiến nếu chúng ta biết dùng ngọn đèn chánh pháp soi sáng cho chính mình, hằng ngày lo tu sửa thân tâm, chuyển hóa phiền não, tích tạo phước lành, luôn sẵn lòng yêu thương giúp đỡ cho nhau để mọi người cùng chung hưởng một đời sống hạnh phúc, tiến đến mục tiêu tối hậu, vĩnh cửu là Niết bàn. Thật đúng như Tổ sư đã nói: *“Trong đời ai mà không muốn mình cao, mà cái quý cao, là đạo đức. Tài trí thì dễ tìm, nhưng đức hạnh thì khó kiếm. Đức thắng tài vì quân tử, tài thắng đức vì tiểu nhơn, là nhờ vậy. Trong đời chỉ có đạo đức là quý báu hơn hết, đạo đức phải là con đường cái to lớn chứa gồm tất cả, quan trọng hơn hết, con đường nào ngành nào, cũng do đạo đức vĩ đại mà ra, và khi nếu ai lạc lìa đạo đức, là phải bị bơ vơ tai hại”* [16].



Trong bài viết này, người viết muốn mượn những lời dạy của Tổ sư Minh Đăng Quang trong bộ Chơn lý để trình bày khái niệm về “sống đạo đức”. (Ảnh: phatgiao.org.vn)

Lời dạy này rõ ràng đúng như lời Phật dạy, mỗi người nếu không sống với đời sống tư riêng dục lợi sẽ tránh được thảm trạng người với người xung đột với nhau. Đó chính là đời sống đạo đức, muốn được vậy phải cố gắng trau tâm để vượt lên sự cám dỗ vật chất, biết hướng đến lý tưởng sống vì mọi người bằng tâm thiện lành, tốt đẹp, vô ngã, vị tha. Hơn nữa, mục đích của chúng sanh tu tâm dưỡng tánh là để bước đến sự sống chung, vui chung theo lẽ tạm thời. Thế nên, nếu ai xa lìa đạo đức thì kết quả chỉ đem đến sự khổ não, phải bị bơ vơ tai hại, thất vọng mà thôi. Điều này được nêu rõ qua lời dạy như sau: “*Đạo đức là Trung đạo Chánh đẳng chánh giác, là sự sống bình an như thường, không thái quá bất cập, là cái sống hiền lành trong sạch. Vậy nên chúng sanh bỏ thí pháp cho nhau, xin tài vật của nhau, sống chung trao đổi giúp nhau, cung*

kinh lẫn nhau, cái dư cái thiếu chan hòa chung hiệp” [17].

Tóm lại, thông qua nét đặc thù từ những lời dạy của chư Phật, chư Tổ..., tất cả đức kết nên một mô hình đạo đức rất thiết thực bằng sự chuyển hóa, cải tạo và kiến lập ngay trên tự thân con người. Đồng thời hàm chứa tính giáo dục về đạo đức con người, giúp con người cảnh tỉnh và ý thức đời sống này những gì là giá trị thiết thực, thể nào là lợi ích tích cực... bằng sự thực hành lời dạy trên và nhận chân tính như thật của vạn pháp với giáo lý vô thường, vô ngã, nhân duyên, nhân quả và nghiệp lực quả báo. Từ đó giúp loài người biết sống yêu thương, bao dung, vì người và hằng tinh giác bằng pháp môn Giới - Định - Tuệ hoặc thể hội từng ý nghĩa sâu xa những lời dạy trên. Đó chính là vai trò đạo đức mà mỗi người đều có thể đóng góp xây dựng bằng tự

thân của chính mình, hầu đem lại lợi lạc cho mình, người, cho tất cả. Ngoài ra, tìm hiểu những lập luận và ứng dụng những lời dạy trên sẽ giúp người người biết rõ phương pháp sống tiến, sống chan hòa. Nói khác hơn, tất cả sự sống của người con Phật đều cùng một mục đích duy nhất đó là chuyển hóa thân tâm bằng sự kiểm thúc thân khẩu ý làm cho trong sạch, chuyển mê thành ngộ, chuyển ngu thành trí, chuyển ác thành thiện... Mỗi chúng ta luôn sống tinh thức như vậy để vun bồi cho mình một nếp sống đạo đức. Đó cũng là cách thức kiến tạo cho mình, người và tất cả một đời sống hạnh phúc, an vui, lợi lạc ngay trong đời sống hiện tại và tương lai.

Chú thích

- [1] Chơn lý Chánh đẳng chánh giác - Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [2] Câu chuyện Triết học, Will Durant, Dịch giả: Bửu Địch, Tu thư Đại Học Vạn Hạnh, 1971, tr.17.
- [3] Câu chuyện Triết học, Will Durant, Dịch giả: Bửu Địch, Tu thư Đại Học Vạn Hạnh, 1971, tr.92.
- [4] Chơn lý Chánh đẳng chánh giác - Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [5] Trích dẫn từ cuốn Đạo đức Phật giáo và hạnh phúc con người, do Hòa thượng Minh Châu trước tác.
- [6] Chơn lý Tu và nghiệp, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [7] Chơn lý Nam và nữ, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [8] Chơn lý Chánh đẳng chánh giác, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [9] Kinh Tương ưng I, Hòa thượng Minh Châu dịch, tr.128.
- [10] Trung Bộ I, HT Minh Châu dịch, tr.140.
- [11] Chơn lý Lễ giáo, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [12] Chơn lý Nam và nữ, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [13] Chơn lý Cư sĩ, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [14] Luật nghi Khất sĩ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, năm 2004, tr.221.
- [15] Luật nghi Khất sĩ, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, năm 2004, tr.100.
- [16] Chơn lý Vị hưng thân, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.
- [17] Chơn lý Chư Phật, Tổ sư Minh Đăng Quang trước tác.



BỒ ĐỀ MÙA THAY LÁ

Cô Thắm

Đã vài lần trong vội vã cuồng quay, ngụp lặn trong dòng đời đầy biến động, tôi cảm thấy ngọt ngào giữa những gánh nặng mưu sinh, mong muốn tìm đến chốn bình yên để nương náu. Những lần mệt mỏi ấy, tôi thường chạy xe ra ngoại ô thành phố để ghé thăm ngôi chùa làng cổ kính thân quen. Ngôi chùa có cổng tam quan nhuộm màu rêu phong, ở nơi đó có gốc cây Bồ đề đã già đứng sừng sững hiên ngang ngay cổng chùa. Chẳng hiểu sao, chỉ cần ngồi dưới gốc Bồ đề, nghe tiếng chuông chùa ngân vang trong buổi chiều bảng lảng khói bếp thơm mùi rom rạ bao muện phiến, bao chấp mê, bao toan tính trong tôi đều

tan biến theo mây khói. Chỉ còn trong tôi là trái tim đập phồng những nhịp đập yêu thương, là tâm trí trống rỗng nhưng thanh thoi. Tôi hít hơi thật dài, nhắm mắt lại và ngồi thật lâu dưới gốc Bồ đề, đánh thức mọi giác quan để lắng nghe chính mình đang thì thầm với con người bên trong.

Trải qua bao phong sương tuế nguyệt, gốc Bồ đề nay đã bao nhiêu tuổi có lẽ không ai có thể đoán được chính xác, chỉ biết rằng người dân trong làng đều trân trọng gọi là “cụ Bồ đề”, bởi đời ông bà, tổ tiên sinh ra và lớn lên đã thấy cụ Bồ đề đứng sừng sững ở nơi đây. Từng rễ cây đan từng tầng tầng, lớp lớp như con

rồng đang cuộn mình vươn lên. Đứng ở phía xa nhìn về, tán Bồ đề như con hạc đang dang rộng đôi cánh như muốn bay lên. Tán cây Bồ đề quanh năm toả bóng mát như chính Đức Phật đang che chở cho dân làng luôn được sống trong bóng mát bình an.

Tôi tình cờ gặp gỡ và bén duyên với một bà cụ đã qua tuổi 85 là vị khách thường xuyên đến đây. Cụ có mái tóc trắng bạc phơ, hàm răng đen nhuộm thủa xưa, hay bồm bẻm nhai trầu. Dù ở tuổi xế chiều nhưng bà vẫn nhanh nhẹn, đôi mắt sáng như sao, đôi môi đỏ, cụ gặp tôi lần nào cũng cười như mùa thu toả nắng. Cụ hay cho tôi vài quả cam, vài chiếc bánh lộc.

Đôi bàn tay nhăn nheo, lấm tẩm những đôi môi của cụ vẫn đang thoãn thoắt cầm chiếc chổi tre quét lá, tiếng xoèn xoẹt trên nền gạch hoà với tiếng chim ríu rít trên cây làm nên âm thanh cuộc đời sống động.

Sau vài lần có duyên gặp gỡ, tôi mới biết nhà cụ ngay cổng chùa, buổi sáng và chiều nào cũng ra giúp sư phụ quét lá, dọn dẹp khuôn viên chùa sạch đẹp hơn, buổi tối cụ thường ở lại để nghe sư phụ đọc kinh. Gặp nhiều bất hạnh trong cuộc sống, cụ tin rằng kiếp trước mình đã gây ra tội lỗi, nên kiếp này phải chịu khổ nạn, chỉ có sự buông bỏ chấp mê, tu tập mới giúp cụ đến được ánh sáng của Phật pháp đó chính sự giải thoát. Vì vậy hàng ngày cụ đều ăn chay, niệm Phật và lên chùa làm công quả. Mỗi lần quét lá ở sân, cụ đều cảm nhận được tâm hồn mình thanh thản và nhẹ nhàng an yên trong cuộc sống bộn bề. Thế nên dù ngày mưa hay ngày nắng, dù mùa hè nóng bức hay mùa đông lạnh căm căm cụ vẫn cặm cụi với chiếc chổi tre trên tay miệt mài tu tập.

Nhờ cụ mà tôi hữu duyên được gặp sư trụ trì của chùa, mỗi lần được nghe những giảng giải của sư phụ về Đạo Phật tôi đều rất chăm chú lắng nghe. Với giọng nói trầm ấm nội lực, sư phụ kể cho chúng tôi về nguồn gốc vì sao cây Bồ đề được gọi là cây giác ngộ. Tương truyền rằng năm 29 tuổi vào một đêm trăng tròn, Thái tử Tất Đạt Đa đã rời bỏ cung điện xa hoa lộng lẫy để trở thành người ẩn tu khổ hạnh. Tuy nhiên, Ngài vẫn chưa tìm được sự yên tĩnh trong tâm hồn và chưa tìm ra chân lý. Nhưng tin vào chính mình và qua

hiều quá trình khổ luyện, Ngài đã tìm ra con đường đúng đắn là Trung đạo, con đường tự mình đào sâu suy nghĩ để nhận thức chân lý và dẫn đến sự yên tĩnh, bừng sáng của tâm hồn lần trí tuệ. Tin vào con đường ấy mà sau bốn chín ngày thiền định dưới gốc Bồ đề, Ngài đã chìm đắm trong tư suy sâu thẳm, cuối cùng tìm ra chân lý và trở thành vị Phật soi sáng. Sau khi thành Phật, Ngài đã đi khắp nơi để truyền bá đạo giác ngộ cho mọi người, cứu con người ra khỏi bể khổ. Cây Bồ đề được coi là cây có tính thiêng liêng trong Đạo Phật nó là cây giác ngộ, tượng trưng cho sự minh triết. Cách đây 300 năm, có vị Ni đã chiết một nhánh nhỏ từ gốc Bồ đề mà Đức Phật đã thiền định mang tới Sri Lanka trồng. Đến nay, gốc Bồ đề vẫn uy nghi đứng đó và trở thành cội Bồ đề lâu đời nhất thế giới. Cây Bồ đề theo tiếng Phạn là Bodhi, tức sự thức tỉnh, thông suốt. Chỉ khi nào con người thức tỉnh mới có thể thoát khỏi những u mê lầm tưởng mà giác ngộ.

Nghe sư phụ giảng giải, tôi mới chợt giật mình nhận ra, không biết có phải sự hữu duyên hay không nhưng vào dịp tháng Tư âm lịch khi những Phật tử đang náo nức chuẩn bị đón mừng lễ Phật Đản cũng chính là mùa của Bồ đề thay lá. Từng chiếc lá Bồ đề ngả vàng lia cành theo gió bay nhẹ nhàng rồi đáp xuống nền đất nâu non. Những chiếc lá vàng hình trái tim nằm im lìm trên mặt đất như con người sau khi rời xa cõi đời này sẽ trở về với đất mẹ bao dung. Lạ thay, không giống bao loài cây khác cứ đến mùa thu về là trút những đám lá vàng rơi lá tả. Bồ đề đổ sắc vàng vào mỗi dịp hè. Bồ đề không mất quá

hiều thời gian ủ ê nhựa sống qua một mùa đông lạnh giá để đến mùa xuân mới bừng lên sức sống như cỏ cây hoa lá khác. Từng chiếc lá vàng nhẹ nhàng đáp về cội, trên cành những chồi non chựa mình vươn lên đón nắng mai. Những chiếc lá non màu đỏ trong nắng nổi lên những gân lá như những mạch máu li ti hoà với sự kỳ diệu của thiên nhiên buổi sớm, tạo cảm giác như những trái tim đang đập nhịp yêu thương. Sau một thời gian, lá đỏ chuyển sang phớt hồng rồi màu xanh non bạch ngọc phẳng phất mỏng manh sương khói. Thật đúng, khi người ta thường nói lá Bồ đề có thể coi là tâm Bồ đề, lá ánh sáng trí tuệ soi sáng cho những ai khát khao tìm về cội nguồn an lạc.

Sau vài tháng do ngập lặn trong bộn bề mưu sinh, tôi đến thăm chùa vào một buổi chiều tà roi nắng, những ánh nắng vàng au chuyển dần sang đỏ đỏ xuống đường làng làm liêu xiêu bóng cây trong một buổi chiều dịu với khung cảnh trời trong, mây trắng bông bênh trôi. Hỏi cụ già quét lá hàng ngày nay ở đâu mà đợi hoài không thấy cụ, mới hay tin cụ đã về miền mây trắng. Tôi thấy bóng dáng lạ nhưng giống cụ đến lạ lùng đang miệt mài quét lá thì ra đó là anh con trai của cụ. Sau mỗi ngày đi phụ hồ vát vĩa, anh lại thay mẹ quét lá ở sân chùa để tìm đến nơi nương nấu bình an và mong tích phước lành cho gia đình, để mẹ già có thể mỉm cười nơi chín suối.

Tôi bắt giác cúi xuống, nhặt chiếc lá vàng rơi trên nền đất, nâng niu chiếc lá và áp nó vào trái tim mình. Tôi mỉm cười và thấy cuộc đời an yên quá.



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01 Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:
- 02 Ấn nút TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03 Ấn nút hoặc tại kho ứng dụng
- 04 Mở ứng dụng Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05 Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsuonline.tv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 65.000 đồng

PHÁT HÀNH MỘT KỲ VÀO NGÀY 1 HÀNG THÁNG

KÍNH MỪNG ĐẠI LỄ PHẬT ĐẢN

HAPPY
Vesak Day




quangminh
CANDLE

NẾN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715

 Hotline CSKH
0903 955 018

www.quangminhcandle.vn



SCAN ME

Bảo Hải Linh Thông Tự

QUẦN THỂ VĂN HÓA TÂM LINH BÊN VỊNH DI SẢN

